

LÃ KHÁNH TÙNG

Cơ quan Nhân quyền quốc gia

101 Câu hỏi - đáp

(Sách tham khảo)

CƠ QUAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA
101 CÂU HỎI - ĐÁP



LÃ KHÁNH TÙNG

CƠ QUAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA

101 CÂU HỎI - ĐÁP

(SÁCH THAM KHẢO)



NXB HỒNG ĐỨC, 2017

Số trang	
xvii	GIỚI THIỆU
1	CHƯƠNG I.
	GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CƠ QUAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA
2	Khái quát
2	001. Cơ quan nhân quyền quốc gia là gì?
2	002. Tại sao cần có CQNQQG nếu các cơ quan nhà nước khác đã làm tốt việc bảo vệ quyền con người?
4	003. Tại sao người ta thường nói CQNQQG có vai trò “cầu nối”?
5	004. Các CQNQQG trên thế giới thường theo các mô hình nào?
5	005. Mô hình Ủy ban nhân quyền có những đặc điểm gì?
7	006. Mô hình Ombudsman (Thanh tra Quốc hội) về nhân quyền có những đặc điểm gì?
8	007. Mô hình Cơ quan hỗn hợp có những đặc điểm gì?
8	008. Mô hình Cơ quan tư vấn có những đặc điểm gì?
9	009. Mô hình Viện, trung tâm nghiên cứu có những đặc điểm gì?

- 10 010. Có những cơ quan nào giống với CQNQQG?
- 10 011. Ombudsman về trẻ em có vai trò gì?
- 11 012. Cơ quan thúc đẩy quyền thông tin có vai trò gì?
- 12 013. Cơ quan bảo vệ thông tin có vai trò gì?
- 13 014. Cơ chế quốc gia phòng ngừa tra tấn tại các nước được tổ chức như thế nào?
- 14 015. CQNQQG đã được hình thành từ bao giờ?
- 15 016. Hội nghị Vienna (1993) đã quan tâm như thế nào đến các Cơ quan nhân quyền quốc gia?
- 17 017. Tiến trình phát triển của các CQNQQG có thể chia thành những giai đoạn nào?
- 19 018. Các Nguyên tắc Paris có nội dung và vai trò như thế nào?
- 20 019. Tính độc lập của CQNQQG được thể hiện ở những khía cạnh nào?
- 21 020. Việc công nhận hay xếp hạng CQNQQG có ý nghĩa gì?
- 22 021. Vì Các Nguyên tắc Paris quá khái quát, có hướng dẫn nào cụ thể hơn không?
- 23 022. Để đánh giá hiệu quả hoạt động của CQNQQG thường căn cứ vào các tiêu chí nào?

25 **Các chức năng**

- 25 023. CQNQQG có những chức năng chính yếu nào?
- 25 024. CQNQQG thúc đẩy quyền con người bằng những cách thức nào?
- 27 025. CQNQQG bảo vệ quyền con người bằng những cách thức nào?

- 27 026. Việc điều tra nhân quyền của CQNQQG bao gồm những hình thức nào?
- 28 027. Có phải tất cả các CQNQQG đều có thẩm quyền nhận và giải quyết khiếu nại hay không?
- 30 028. Điều trần quốc gia là gì?
- 30 029. Điều trần quốc gia có những đặc thù gì khác với giải quyết khiếu nại cá nhân?
- 31 030. CQNQQG tư vấn cho các cơ quan nhà nước như thế nào?
- 32 031. CQNQQG thực hiện việc giám sát nhân quyền bằng những cách thức nào?
- 33 032. CQNQQG bảo vệ, thúc đẩy các quyền kinh tế, xã hội có những khó khăn, thuận lợi gì so với các quyền dân sự, chính trị?
- 34 033. Khi thúc đẩy và bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa có những thách thức nào?

36 **Các mối quan hệ**

- 36 034. CQNQQG và cơ quan lập pháp có mối quan hệ như thế nào?
- 37 035. CQNQQG và cơ quan hành pháp có mối quan hệ như thế nào?
- 38 036. CQNQQG và cơ quan tư pháp có mối quan hệ như thế nào?
- 39 037. CQNQQG và xã hội dân sự có mối quan hệ như thế nào?
- 40 038. CQNQQG có thể hoạt động hiệu quả trong một quốc gia thiếu tự do và dân chủ không?

- 41 039. Liên Hợp quốc và CQNQQG có mối quan hệ như thế nào?
- 42 040. Các cơ quan nào của Liên Hợp quốc đã thông qua các nghị quyết về CQNQQG?
- 43 041. Các cơ quan nào của Liên Hợp quốc trực tiếp hỗ trợ các CQNQQG?
- 44 042. Mạng lưới CQNQQG toàn cầu được hình thành từ khi nào?
- 46 043. Liên minh Toàn cầu CQNQQG được tổ chức như thế nào?
- 46 044. Liên minh Toàn cầu CQNQQG có những chức năng gì?
- 47 045. Chủ tịch Liên minh Toàn cầu CQNQQG có những thẩm quyền gì?
- 48 046. Hiện nay có các mạng lưới CQNQQG cấp khu vực nào?
- 49 047. Các mạng lưới CQNQQG cấp khu vực thường có các hoạt động gì?

51 **Tiến trình chuẩn bị hình thành, thành lập và củng cố**

- 51 048. Việc thành lập CQNQQG diễn ra trong bối cảnh nào thì thuận lợi?
- 53 049. Tiến trình phát triển một CQNQQG phải trải qua các giai đoạn nào?
- 54 050. Cần làm những gì trong giai đoạn chuẩn bị thành lập CQNQQG?
- 54 051. Khi đánh giá bối cảnh quốc gia để chuẩn bị thành lập CQNQQG cần quan tâm đến những yếu tố nào?
- 55 052. Để tạo ra sự đồng thuận xã hội về CQNQQG

- 57 cần quan tâm đến những yếu tố nào?
- 57 053. Giai đoạn thành lập CQQNQG cần quan tâm đến những yếu tố gì?
- 57 054. Cơ sở hạ tầng cơ bản của CQQNQG gồm những thành tố nào?
- 59 055. Phát triển tổ chức của CQQNQG gồm những thành tố nào?
- 60 056. Quản trị tri thức của CQQNQG gồm những thành tố nào?
- 61 057. Năng lực nhân quyền của CQQNQG gồm những thành tố nào?

64 **CHƯƠNG II.**
CƠ QUAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA CỦA
MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI CHÂU
Á-THÁI BÌNH DƯƠNG

- 64 058. Khu vực ASEAN hiện có bao nhiêu nước có CQNQQG?
- 64 059. Ủy ban Nhân quyền quốc gia của Indonesia được thành lập khi nào?
- 65 060. Ủy ban Nhân quyền quốc gia của Indonesia có thẩm quyền gì?
- 66 061. Ủy ban Nhân quyền của Malaysia, được thành lập khi nào?
- 67 062. Ủy ban Nhân quyền quốc gia Myanmar được thành lập khi nào?
- 68 063. Ủy ban Nhân quyền quốc gia Philippin được thành lập khi nào?
- 69 064. Ủy ban Nhân quyền quốc gia Philippin có những thẩm quyền gì?

- 70 065. Ủy ban Nhân quyền quốc gia Thái Lan được thành lập khi nào?
- 71 066. Ủy ban Nhân quyền quốc gia Thái Lan có những thẩm quyền gì?
- 73 067. Cơ chế hợp tác giữa các CQNNQG trong khu vực ASEAN hiện nay như thế nào?
- 74 068. Ủy ban Nhân quyền quốc gia của Ấn Độ được thành lập từ khi nào?
- 74 069. Ủy ban Nhân quyền quốc gia của Ấn Độ có những thẩm quyền gì?
- 76 070. Ủy ban Nhân quyền Hàn Quốc được thành lập từ khi nào?
- 77 071. Ủy ban Nhân quyền Hàn Quốc có những thẩm quyền gì?
- 77 072. Xã hội dân sự trong khu vực châu Á quan tâm đến các CQNNQG như thế nào?
- 78 073. Ủy ban nhân quyền của Australia có đặc điểm gì nổi bật?

80 **Châu Âu**

- 80 074. Mô hình CQNNQG nào phổ biến nhất tại châu Âu?
- 81 075. Ủy ban Nhân quyền và Bình đẳng của Anh có đặc điểm gì nổi bật?
- 81 076. Viện Nhân quyền Đức có đặc điểm gì nổi bật?
- 82 077. Ủy ban quốc gia Tư vấn Nhân quyền của Pháp có đặc điểm gì nổi bật?
- 83 078. Có phải Thụy Điển là quê hương của Ombudsman?
- 85 079. Có phải tại các quốc gia ở khu vực Đông Âu

	và Liên Xô trước đây mô hình Ombudsman rất phổ biến?
86	080. Cao ủy viên Nhân quyền của Nga có đặc điểm gì nổi bật?
89	081. Ombudsman Tây Ban Nha có đặc điểm gì nổi bật?
91	082. Ombudsman của Đan Mạch có đặc điểm gì nổi bật?
92	083. Cao ủy viên quyền công dân của Ba Lan có đặc điểm gì nổi bật?
94	Châu Mỹ
94	084. Mô hình CCNQQG nào phổ biến nhất ở châu Mỹ?
94	085. Ủy ban Nhân quyền Canada có đặc điểm gì nổi bật?
95	086. Ủy ban Dân quyền của Hoa Kỳ khác gì với một CQNQQG?
96	087. Bối cảnh ra đời CQNQQG ở các nước châu Mỹ La-tinh có điểm gì giống nhau không?
97	088. Ombudsman nhân quyền của Peru có đặc điểm gì nổi bật?
99	089. Ombudsman nhân quyền của Argentina có đặc điểm gì nổi bật?
100	Châu Phi
100	090. Mô hình CQNQQG nào phổ biến nhất ở châu Phi?
100	091. Ủy ban Nhân quyền Nam Phi có đặc điểm gì nổi bật?

- 103 092. Ủy ban nhân quyền và quản lý tư pháp (CHRAJ) của Ghana có đặc điểm gì nổi bật?
- 103 093. Ombudsman của Namibia có có đặc điểm gì nổi bật?

108 **CHƯƠNG III.**
ĐIỀU KIỆN VÀ TIỀN ĐỀ THÀNH LẬP
CƠ QUAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA
TẠI VIỆT NAM

- 108 094. Cơ chế bảo vệ quyền con người tại Việt Nam hiện nay như thế nào?
- 109 095. Việt Nam đã có những cam kết nào về bảo vệ quyền con người?
- 110 096. Việt Nam đã đưa ra những cam kết nào về việc thành lập CCNQQG?
- 111 097. Đã có những quốc gia, tổ chức quốc tế nào đề nghị Việt Nam thành lập CCNQQG?
- 112 098. Việc thành lập CQNQQG tại Việt Nam có những thuận lợi gì?
- 113 099. Việc thành lập CQNQQG tại Việt Nam có những thách thức, khó khăn gì?
- 114 100. Việt Nam cần làm gì trong giai đoạn chuẩn thành lập CQNQQG?
- 115 101. Các tổ chức xã hội Việt Nam nên làm gì trong giai đoạn chuẩn thành lập CQNQQG?

117 PHỤ LỤC

- 118 • Các Nguyên tắc liên quan đến địa vị của các
cơ quan quốc gia về nhân quyền, 1993 (Các
Nguyên tắc Paris)
- 124 • Điều lệ Liên minh toàn cầu các cơ quan nhân
quyền quốc gia (GANHRI), 2016
- 155 • Luật về Ombudsman Tây Ban Nha, 1981
- 175 • Hiến pháp Philippin, 1987 (trích)
- 178 • Hiến pháp Nam Phi, 1996 (trích)
- 183 • Hiến pháp Ba Lan, 1997 (trích)
- 185 • Luật Ủy ban nhân quyền quốc gia Malaysia,
1999
- 199 • Khuyến nghị của các cơ quan nhân quyền Liên
Hợp quốc đối với Việt Nam về việc thành lập
cơ quan nhân quyền quốc gia (giai đoạn 2002-
2014)
- 202 • Các cam kết của Việt Nam khi ứng cử làm
thành viên Hội đồng Nhân Quyền Liên Hợp
quốc, 2013
- 205 • Bình luận chung số 2 của Ủy ban Quyền trẻ em
Liên Hợp quốc về vai trò của các cơ quan nhân
quyền quốc gia trong việc thúc đẩy và bảo vệ
quyền trẻ em, 2002

CHỮ VIẾT TẮT

APF	<i>Asian Pacific Forum of National Human Rights Institutions</i> Diễn đàn Á châu Thái Bình Dương của các CQNQQG
CQNQQG	Cơ quan nhân quyền quốc gia
ENNHRI	<i>European Network of National Human Rights Institutions</i> Mạng lưới CQNQQG châu Âu
GANHRI	<i>Global Alliance of National Human Rights Institutions</i> Liên minh toàn cầu các cơ quan nhân quyền quốc gia (thay thế cho ICC)
ICC	<i>International Coordinating Committee</i> Ủy ban Điều phối quốc tế các cơ quan nhân quyền quốc gia
ICCPR	<i>International Covenant on Civil and Political Rights</i> Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị

ICESCR	<i>International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights</i> Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa
LHQ	Liên Hợp quốc
NANHRI	<i>Network of African National Human Rights Institutions</i> Mạng lưới CQNQQG châu Phi
NHRII	<i>National Human Rights Institutions</i> Cơ quan nhân quyền quốc gia
OHCHR	<i>Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights</i> Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp quốc
SCA	<i>Sub-Committee on Accreditation</i> Tiểu ban Công nhận tiêu chuẩn
UNDP	<i>United Nations Development Programme</i> Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc

Tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người là nghĩa vụ, trách nhiệm của mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội, mà đầu tiên là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước. Nhà nước cần thông qua các biện pháp lập pháp, hành pháp và tư pháp, cũng như thành lập các cơ chế, thể chế, cơ quan để bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền.

Tại nhiều nước trên thế giới, Cơ quan nhân quyền quốc gia (*National Human Rights Institutions – NHRI*, gọi tắt theo tiếng Việt là *CQNQQG*) có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người. Tại Việt Nam, mặc dù nhiều năm qua đã có những nghiên cứu, thảo luận về chủ đề này, nhưng đến gần đây một cơ quan chuyên trách về nhân quyền chưa vẫn được thành lập và đối với đa số công chúng thì cơ chế kiểu này còn tương đối xa lạ.

Trong khi đó, các tài liệu bằng tiếng Việt về chủ đề này còn rất hiếm hoi. Cơ bản, mới có một cuốn sách dịch là “*Cơ quan Nhân quyền quốc gia khu vực châu Á – Thái Bình Dương*”, của Brian Burdekin, Nguyễn Hồng Hải dịch, NXB Chính trị quốc gia, 2013. Cạnh đó, có nghiên cứu do UNDP Việt Nam tổ chức triển khai với tên gọi “*Cơ quan nhân quyền quốc gia - Mô hình, chương trình, thách thức và giải pháp*”, do Frauke Seidensticker và Anna Wuerth thực hiện, và một số nghiên cứu của các cơ

quan nhà nước, luận văn thạc sỹ về chủ đề, nhưng đều chưa được xuất bản.

Đáp ứng nhu cầu hiểu biết cơ bản của bạn đọc về CQNQQG, theo sáng kiến của nhóm Human Rights Space (HRS), chúng tôi biên soạn cuốn sách nhỏ này dưới dạng các câu hỏi đáp. Cuốn sách được biên soạn dựa trên một số tài liệu bằng tiếng Anh, chủ yếu là hai cuốn *“National Human Rights Institutions: History, Roles and Responsibilities”*, OHCHR, 2010 (sổ tay tập huấn do Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp quốc biên soạn) và cuốn *“UNDP-OHCHR Toolkit for collaboration with National Human Rights Institutions”*, 2009. Nếu như cuốn thứ nhất có nhiều thông tin về các chức năng của CQNQQG trên thế giới, thì cuốn thứ hai có nhiều thông tin về tiến trình hình thành các cơ quan đó. Với mong muốn có những nội dung liên quan nhiều đến hoàn cảnh Việt Nam, chúng tôi dành dung lượng khá lớn đề cập đến các yếu tố tiền đề, hoàn cảnh ra đời và giai đoạn chuẩn bị hình thành nên CQNQQG tại các nước.

Cuốn sách dù nhỏ, với nội dung là sự giao thoa giữa hai chủ đề rộng lớn là thể chế nhà nước và quyền con người, bản thảo đã nhận được nhiều góp ý, hỗ trợ quý báu của một số bạn đồng nghiệp, đặc biệt là bạn Nghiêm Hoa. Cạnh đó, do giới hạn về thời gian và năng lực, cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế, sai sót thuộc về cá nhân tác giả, rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc để tác giả có thể hoàn thiện thêm trong các lần tái bản tiếp theo.

Tháng 1/2017

L.K.Tùng

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CƠ QUAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA



KHÁI QUÁT

001. **CƠ QUAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA LÀ GÌ?**

Cơ quan nhân quyền quốc gia (tiếng Anh là *National Human Rights Institution*, viết tắt là NHRI) (từ đây viết tắt theo tiếng Việt là CQNQQG) là những cơ quan do nhà nước thành lập, được trao thẩm quyền trong Hiến pháp hoặc một đạo luật cụ thể để bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người. Cơ quan này là bộ phận cấu thành của bộ máy nhà nước và được ngân sách nhà nước chi trả.

CQNQQG có vai trò quan trọng trong hệ thống cơ chế bảo vệ quyền con người của một quốc gia. Thông thường, CQNQQG không thuộc về nhánh quyền lực nhà nước nào (lập pháp, hành pháp hay tư pháp), mặc dù ở nhiều nước, cơ quan này thường phải báo cáo trước cơ quan lập pháp (Nghị viện/ Quốc hội) một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

Để bảo đảm hoạt động hiệu quả, các CQNQQG phải có tính độc lập. Tuy nhiên, CQNQQG lại không phải là tổ chức phi chính phủ. Các cơ quan này có vị trí trung gian, giống như “cầu nối” giữa nhà nước và xã hội dân sự.

002. **TẠI SAO CẦN CÓ CQNQQG NẾU CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC KHÁC ĐÃ LÀM TỐT VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI?**

CQNQQG khác với các cơ quan nhà nước khác, dù cùng bảo vệ quyền con người, ở một số khía cạnh sau:

- CQNQQG bảo vệ tất cả các quyền con người, của tất cả mọi người, trong phạm vi toàn bộ quốc gia. Do đó,

chúng khác với những cơ quan chỉ bảo vệ những quyền nhất định, quyền của một số nhóm nhất định, hoặc chỉ trong phạm vi một địa phương;

- CQNQQG có cả thẩm quyền bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, phạm vi hoạt động của các cơ quan này rất đa dạng (liên quan đến các vi phạm quyền cá nhân thông qua hoạt động giải quyết khiếu nại, liên quan đến các vấn đề nhân quyền có tính hệ thống thông qua hoạt động tư vấn, giám sát, thúc đẩy văn hóa nhân quyền thông qua hoạt động giáo dục...); các chức năng đa dạng này củng cố lẫn nhau, tạo ra động lực lớn thúc đẩy sự hưởng thụ đầy đủ các quyền con người;
- Tại nhiều nước, do mức độ hội nhập pháp lý quốc tế thấp, các cơ quan nhà nước chỉ áp dụng các quy định pháp luật quốc gia, vì vậy sẽ có hạn chế nếu khuôn khổ pháp luật này có những điểm chưa phù hợp với chuẩn mực quốc tế về nhân quyền. Trong trường hợp đó, CQNQQG, một cơ quan độc lập với mục đích thúc đẩy các chuẩn mực phổ quát, sẽ làm rõ những khác biệt giữa chuẩn mực trong nước và quốc tế, tư vấn cho các bên liên quan để đạt hiệu quả tốt hơn trong việc thực hiện quyền con người và phù hợp với những cam kết quốc tế của nhà nước.

CQNQQG là cơ quan nhà nước về nhân quyền duy nhất được định kỳ đánh giá về tính độc lập và hiệu quả bởi một tổ chức quốc tế (ICC trước đây, GANHRI hiện nay), điều này tạo ra độ tin cậy và tính chính đáng cho cơ quan này tại các diễn đàn

trong nước và quốc tế; nhờ tính độc lập mà CQNQQG có được sự tin tưởng của xã hội dân sự, nhà nước và các tổ chức quốc tế.

Như vậy, mặc dù có nhiều cơ quan khác tạo thành hệ thống các cơ chế bảo vệ nhân quyền của một quốc gia, bao gồm các cơ quan nhà nước (tòa án, đặc biệt là Tòa án Hiến pháp, cơ quan công tố và các cơ quan thực thi pháp luật khác, ủy ban sự thật và hòa giải...) và các tổ chức phi chính phủ. CQNQQG với địa vị pháp lý vững chắc, trong hiến pháp hoặc luật, có vai trò không thể thay thế bởi những cơ quan khác.

003. TẠI SAO NGƯỜI TA THƯỜNG NÓI CQNQQG CÓ VAI TRÒ “CẦU NỐI”?

Vai trò trung gian, kết nối hai chiều, hay còn được gọi là “cầu nối”, của CQNQQG thể hiện chủ yếu ở hai khía cạnh sau:

- CQNQQG là cầu nối giữa xã hội dân sự và nhà nước: thông qua các hoạt động hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức cộng đồng, giới học thuật và các tổ chức xã hội khác, các cơ quan này có thể tập hợp được nhiều thông tin về tình hình nhân quyền, những việc cần làm để cải thiện hiện trạng; sau đó, theo thẩm quyền của mình, CQNQQG lại mang các thông tin đó, với các khuyến nghị cần thiết, đến với các cơ quan nhà nước (Chính phủ, Quốc hội...);
- CQNQQG là cầu nối giữa các tổ chức, diễn đàn của quốc gia với các diễn đàn quốc tế: các cơ quan này áp dụng các chuẩn mực nhân quyền quốc tế, nhưng chúng cũng là một cơ quan nhà nước nên có hiểu biết đầy đủ

về hoàn cảnh quốc gia; chúng thực hiện việc báo cáo, trao đổi, chia sẻ thông tin với các cơ chế, tổ chức khu vực và quốc tế về hiện trạng nhân quyền của quốc gia...

004. CÁC CQNQQG TRÊN THẾ GIỚI

THƯỜNG THEO CÁC MÔ HÌNH NÀO?

CQNQQG trên thế giới rất đa dạng, hầu như không có trường hợp hai cơ quan giống hệt nhau. Tuy nhiên, có thể xếp các cơ quan này thành năm nhóm mô hình chính là:

- Ủy ban nhân quyền;
- Ombudsman (Thanh tra Quốc hội);
- Cơ quan hỗn hợp;
- Cơ quan tư vấn;
- Viện, trung tâm nghiên cứu.

Cũng có tác giả, theo cách phân loại khác, chia CQNQQG thành bốn nhóm gồm: Viện nghiên cứu; Ombudsman; Ủy ban tư vấn (*committee*); Ủy ban thẩm quyền rộng (*commission*).

005. MÔ HÌNH ỦY BAN NHÂN QUYỀN

CÓ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM GÌ?

Ủy ban nhân quyền (*commission*) hiện là mô hình CQNQQG phổ biến nhất trên thế giới. Mô hình này có những đặc trưng sau:

- Được nhà nước thành lập, chi trả, với thẩm quyền bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người nói chung; tuy nhiên, một số ủy ban chỉ tập trung vào một số quyền

(như quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử), hoặc quyền của một nhóm (như quyền phụ nữ);

- Thường được lãnh đạo bởi nhiều thành viên, những người này làm việc toàn thời gian hoặc bán thời gian, và là những người ra quyết định;
- Các thành viên đến từ các ngành nghề, địa vị xã hội, tôn giáo, văn hóa khác nhau để bảo đảm tính đa dạng;
- Có chức năng điều tra, đa số đều có thẩm quyền nhận và giải quyết khiếu nại cá nhân;
- Đa số ủy ban chỉ có thẩm quyền đưa ra các khuyến nghị, sau khi tiến hành điều tra; tuy nhiên, một số ủy ban có cả thẩm quyền bán tư pháp (các quyết định có giá trị cưỡng chế thi hành, thường là thông qua tòa án).
- Đa số cơ quan mô hình Ủy ban có thẩm quyền điều tra, nhận khiếu nại về mọi quyền con người (như Ủy ban của Ấn Độ, Indonesia và Nam Phi...). Tuy nhiên, một số Ủy ban chỉ tập trung chủ yếu vào quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử, và các khiếu nại liên quan đến loại vi phạm quyền này (như Ủy ban của Australia, Canada và New Zealand...).



Các Logo ủy ban nhân quyền của Úc, Ấn Độ, Canada và Anh quốc.

006. **MÔ HÌNH OMBUDSMAN (THANH TRA QUỐC HỘI) VỀ NHÂN QUYỀN CÓ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM GÌ?**

Mô hình CQNQQG kiểu Thanh tra Quốc hội (*Parliamentary Ombudsman/ Ombudsman*) có một số đặc trưng sau:

- Được nhà nước thành lập và chi trả, với thẩm quyền bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người;
- Thường đặt dưới sự lãnh đạo của một cá nhân, cũng là người ra quyết định (đôi khi cũng có người giữ chức vụ Phó);
- Có truyền thống lâu đời, đặc biệt tại các quốc gia Bắc Âu, đồng thời phụ thuộc nhiều vào uy tín cá nhân của người Thanh tra, cũng như truyền thống văn hóa pháp lý tôn trọng khuyến nghị của Thanh tra;
- Thường có thẩm quyền bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người nói chung; tuy nhiên một số ủy ban chỉ tập trung vào một số quyền, hoặc quyền của một nhóm (như quyền phụ nữ);
- Có chức năng điều tra, đa số đều có thẩm quyền nhận và giải quyết khiếu nại cá nhân;
- Thường chỉ có thẩm quyền ra khuyến nghị;
- Thường ưu tiên các biện pháp hòa giải, giải quyết nhanh chóng các vụ việc, hơn là thực thi các thủ tục điều tra pháp lý chính thức.

Mô hình Thanh tra Quốc hội phổ biến nhất tại các nước khu vực châu Âu và châu Mỹ La-tinh. Ví dụ như: Văn phòng Người bảo vệ lợi ích công (*Public Defender*) của Georgia, Cao ủy Nhân quyền Liên bang Nga, Ba Lan...

007. **MÔ HÌNH CƠ QUAN HỖN HỢP CÓ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM GÌ?**

Mô hình CQNQQG Cơ quan hỗn hợp (*hybrid institutions*) có những đặc trưng sau:

- Được nhà nước thành lập, chi trả, với thẩm quyền trong nhiều lĩnh vực (không chỉ là bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người), có thể bao gồm cả chống vi phạm các quy định về quản lý hành chính, chống tham nhũng, thậm chí cả về bảo vệ môi trường;
- Thường có đặc điểm giống với mô hình Thanh tra Quốc hội là do một người lãnh đạo, có thêm nhiều chức năng bổ sung.

Tại Tây Ban Nha, cũng như một số quốc gia châu Mỹ Latinh và châu Phi, mô hình Ombudsman có chức năng bảo vệ nhân quyền và có cả các chức năng truyền thống của Ombudsman (giám sát lĩnh vực hành chính) rất phổ biến. Các quốc gia theo mô hình này gồm có Ghana, Tanzania, Namibia, Timor Leste...

008. **MÔ HÌNH CƠ QUAN TƯ VẤN CÓ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM GÌ?**

Mô hình CQNQQG kiểu Cơ quan tư vấn có những đặc trưng sau:

- Được nhà nước thành lập, với thẩm quyền bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người; một số cơ quan tự túc về ngân sách vì có các hoạt động cung cấp dịch vụ thu tiền;
- Có thành phần đa dạng, với thành viên đến từ các nghề nghiệp, thành phần xã hội khác nhau;

- Thường không có thẩm quyền điều tra các vụ việc, mà chỉ tư vấn về các vấn đề liên quan đến quyền con người, và có thể đưa ra các khuyến nghị;
- Tập trung vào việc tư vấn cho nhà nước và tiến hành các nghiên cứu về quyền con người.

Như vậy, mô hình cơ quan loại này không có thẩm quyền nhận các khiếu nại cá nhân hoặc tiến hành điều tra các vi phạm cụ thể. Điều này hạn chế đáng kể phạm vi thẩm quyền của chúng, tuy nhiên lại giúp các CQNQQG này có thêm nhiều thời gian, nguồn lực để nghiên cứu các vấn đề nhân quyền có tính hệ thống. Một số quốc gia có CQNQQG theo mô hình này là Pháp, Luxembourg, Hi Lạp, Algeria...

009. MÔ HÌNH VIỆN, TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÓ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM GÌ?

CQNQQG theo mô hình Viện, trung tâm nghiên cứu có những đặc trưng sau:

- Có thành phần đa dạng, với thành viên đến từ các nghề nghiệp, thành phần xã hội khác nhau; nhưng không có thẩm quyền đưa ra quyết định;
- Tập trung nghiên cứu và đưa ra các khuyến nghị.

Một số quốc gia có CQNQQG với mô hình này là Đan Mạch (Viện Nhân quyền Đan Mạch, DIHR), Hà Lan (Viện Nhân quyền Hà Lan, SIM), Na Uy (Trung tâm Nhân quyền Na Uy, NCHR)...

010. **CÓ NHỮNG CƠ QUAN NÀO GIỐNG VỚI CQNQQG?**

Tại các quốc gia trên thế giới, có một số cơ quan có những nét giống CQNQQG như:

- Ombudsman về trẻ em;
- Cơ quan về bình đẳng;
- Cơ quan thúc đẩy quyền thông tin;
- Cơ quan bảo vệ dữ liệu;
- Cơ quan phòng chống tra tấn;
- Cơ quan giải quyết khiếu nại hành chính...

Nhìn chung, các cơ quan này đều đòi hỏi có tính độc lập với các cơ quan nhà nước khác để bảo đảm hoạt động hiệu quả.

011. **OMBUDSMAN VỀ TRẺ EM CÓ VAI TRÒ GÌ?**

Như tên gọi, Ombudsman hoặc Ủy viên về Trẻ em hay Thanh niên (*Children's Ombudsman, Children's Commissioner, Youth Commissioner, Child Advocate, Children's Commission, Children's Ombudsman, Youth Ombudsman...*) ở nhiều quốc gia có chức năng bảo vệ quyền lợi của trẻ em, thiếu niên hoặc thanh niên.

Ủy ban về Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc, cơ quan giám sát việc thực hiện Công ước về quyền trẻ em (CRC), trong Bình luận chung số 2 (năm 2002) (Xem trong Phụ lục 10 của sách này), đã khuyến nghị các quốc gia thành lập một cơ chế chịu trách nhiệm về quyền trẻ em, có thể ở dạng Ombudsman, Ủy viên về Trẻ em hoặc Ủy ban về Trẻ em.

Tại Anh, Ủy viên về Trẻ em được thành lập và trao thẩm quyền theo Luật Trẻ em năm 2004, được củng cố thêm bởi Luật

Trẻ em và gia đình năm 2014. Theo Luật, chức năng chính của Ủy viên là thúc đẩy và bảo vệ quyền của trẻ em ở nước Anh thông qua các hoạt động: tư vấn cho các cơ quan nhà nước, các cá tổ chức có hoạt động ảnh hưởng đến trẻ em về việc bảo đảm không xâm phạm đến quyền trẻ em; khuyến khích mọi người quan tâm đến lợi ích và quan điểm của trẻ em; đánh giá các ảnh hưởng tiềm ẩn đối với quyền trẻ em của các dự thảo chính sách và dự thảo luật; kêu gọi sự quan tâm của Nghị viện; điều tra về tính sẵn có và hiệu quả của các thủ tục khiếu nại liên quan đến trẻ em; giám sát việc thực thi Công ước về quyền trẻ em tại nước Anh; công bố báo cáo về các chủ đề thuộc thẩm quyền... Khi thực hiện chức năng của mình, Luật đòi hỏi Ủy viên phải đặc biệt quan tâm đến trẻ em thuộc các nhóm yếu thế, thúc đẩy sự tham gia của trẻ em vào các hoạt động của mình, tham vấn trẻ em và các tổ chức làm về trẻ em về các vấn đề quan tâm hoặc tiến hành điều tra...

012. **CƠ QUAN THÚC ĐẨY QUYỀN THÔNG TIN**

CÓ VAI TRÒ GÌ?

Một số quốc gia thành lập Cơ quan/ Ủy viên thông tin (*Information Commission/ Commissioner*) với vai trò hỗ trợ thực thi quyền tiếp cận thông tin của người dân và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Ủy viên thông tin một số nước giống như một Ombudsman chuyên trách lĩnh vực thông tin. Tại Úc, Canada, Bangladesh, Đức, Anh và Ireland, Ủy viên thông tin có vai trò thúc đẩy quyền tự do thông tin, giám sát việc thực thi các luật về tự do thông tin, tiếp cận thông tin, và luật bảo vệ dữ liệu.

Tại Ấn Độ, Ủy ban thông tin (*Central Information Commission - CIC*) được thiết lập năm 2005 theo Luật về quyền thông tin (*Right to Information Act*). Cơ quan này có quyền nhận khiếu nại của các cá nhân đã có đơn yêu cầu cung cấp thông tin mà vẫn không nhận được đầy đủ thông tin yêu cầu từ các công chức cung cấp thông tin (cấp tiểu bang hoặc trung ương). Ủy ban này gồm một Chủ tịch và các ủy viên do Tổng thống Ấn Độ bổ nhiệm.

013. CƠ QUAN BẢO VỆ THÔNG TIN CÓ VAI TRÒ GÌ?

Quyền bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân là một quyền cơ bản được nhiều quốc gia công nhận, quyền này là một thành tố quan trọng của quyền riêng tư, gia đình, nhà ở và thư tín (Điều 17 ICCPR). Quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng được nhắc đến trực tiếp trong Bình luận chung số 16 của Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp quốc (cơ quan giám sát ICCPR).

Nhiều quốc gia đã thiết lập cơ quan bảo vệ dữ liệu riêng tư (*National data protection authorities*). Các cơ quan này có chức năng nâng cao nhận thức của công chúng, người tiêu dùng, giới doanh nghiệp về bảo mật, quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu; thúc đẩy việc xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, chính sách bảo vệ dữ liệu; xem xét các khiếu nại về vi phạm quyền riêng tư, tham gia vào tố tụng...

Một số cơ quan loại này, có thể có hình thức Ủy ban hoặc cá nhân, bao gồm: Cơ quan Bảo vệ Dữ liệu (*Data Protection Authority*) của Pháp hoặc Hà Lan, Cao Ủy về quyền riêng tư (*Privacy Commissioner*) của New Zealand, Ủy ban bảo vệ quyền riêng tư (*Commission for the protection of privacy*) của Bỉ, Ủy ban bảo vệ thông tin cá nhân của Nhật Bản...

014. **CƠ CHẾ QUỐC GIA PHÒNG NGỪA TRA TẤN TẠI CÁC NƯỚC ĐƯỢC TỔ CHỨC NHƯ THẾ NÀO?**

Cơ chế quốc gia phòng ngừa tra tấn (*National Preventive Mechanisms - NPM*) là một yêu cầu đặt ra bởi Nghị định thư bổ sung của Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt, đối xử tàn ác, vô nhân đạo khác (*Optional Protocol to the Convention against Torture and Other Cruel, Inhuman or Degrading Treatment or Punishment*) (Phần IV, Điều 17 -23). Theo đó, mỗi quốc gia thành viên của Nghị định thư sẽ giữ nguyên, chọn lựa hoặc thiết lập mới một hoặc một số cơ chế quốc gia độc lập nhằm phòng ngừa việc tra tấn trong nước. Cơ chế này cần được bảo đảm tính độc lập, có năng lực và kiến thức chuyên môn cần thiết, có đầy đủ nguồn lực. Cơ chế phòng ngừa quốc gia tối thiểu có những quyền hạn sau đây:

- Kiểm tra định kỳ việc đối xử với những người bị tước đoạt quyền tự do tại nơi giam giữ nhằm bảo vệ họ khỏi những hành vi tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt có tính nhục hình, dã man hoặc phi nhân tính khác;
- Đưa ra các khuyến nghị đối với các cơ quan hữu quan nhằm mục đích cải thiện việc đối xử, điều kiện của người bị tước tự do và ngăn ngừa những hành vi tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt có tính nhục hình, dã man hoặc phi nhân tính khác; theo dõi các chuẩn mực liên quan của Liên Hợp quốc;
- Đưa ra các quan điểm và đề nghị về các dự thảo luật hoặc các điều luật hiện hành. Nghị định thư cũng nêu yêu cầu khi thành lập cơ quan ngăn ngừa quốc gia, các quốc gia thành viên phải “quan tâm thực sự đến những nguyên

tắc liên quan đến vị trí chức năng của các cơ quan quốc gia bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền” (Điều 18). Thực tế, phần lớn quốc gia đã giao thẩm quyền làm cơ chế quốc gia phòng ngừa tra tấn cho CQNQQG của nước mình (Ombudsman hoặc Ủy ban nhân quyền). Một số ít quốc gia thành lập cơ quan phòng ngừa chuyên trách như là Đức (Cơ quan Liên bang phòng ngừa tra tấn) và Kyrgyzstan (Ủy ban quốc gia phòng ngừa tra tấn).

015. CQNQQG ĐÃ ĐƯỢC HÌNH THÀNH TỪ BAO GIỜ?

Cơ quan nhân quyền quốc gia ngày nay có thể tìm được nguồn gốc từ thế kỷ XIX (Xem thêm câu hỏi đáp về Thụy Điển). Tuy nhiên, loại cơ quan này được phát triển trên quy mô quốc tế chủ yếu nhờ vai trò thúc đẩy của Liên Hợp quốc, đặc biệt từ thập niên 1990 về sau này.

Ngày từ năm 1946, một số cơ quan của Liên Hợp quốc, như Hội đồng Kinh tế xã hội, đã nhắc đến vai trò của các thể chế quốc gia (*national institutions*) trong việc bảo vệ các quyền con người, và kêu gọi các nước thành lập các ủy ban nhân quyền ở địa phương.

Từ ngày 18 đến 29/9/1978, Ban thư ký Liên Hợp quốc và Ủy ban Nhân quyền đã tổ chức một hội thảo hình thành nên bản thảo Hướng dẫn về cấu trúc và chức năng của các thể chế bảo vệ nhân quyền. Dựa trên kết quả đó Đại Hội đồng Liên Hợp quốc kêu gọi các quốc gia hình thành các thể chế này, đồng thời đề nghị Tổng thư ký đệ nạp một báo cáo chi tiết về chủ đề CQNQQG.

Năm 1991, Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về Cơ quan quốc gia thúc đẩy và bảo vệ quyền con người được tổ chức tại Paris,

Pháp. Hội thảo đã hình thành một văn kiện quan trọng là Các Nguyên tắc về địa vị của các cơ quan quốc gia (về nhân quyền) (còn được gọi là Các Nguyên tắc Paris, xem trong Phụ lục 1 của sách này). Văn kiện này được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua vào năm 1993.

Hội nghị Thế giới về Quyền con người, diễn ra tại Vienna, Áo, cũng vào năm 1993, đã chính thức công nhận các CQNQQG phù hợp với Các Nguyên tắc Paris là những chủ thể quan trọng trong thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền. Hội nghị này cũng củng cố Mạng lưới các thể chế bảo vệ nhân quyền quốc gia, tạo tiền đề cho tổ chức kế tục mạng lưới này là Ủy ban điều phối các thể chế quốc gia thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (ICC).

Năm 2005, Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp quốc (CHR) trong nghị quyết số 2005/74 tái khẳng định tầm quan trọng của việc thiết lập CQNQQG độc lập, phù hợp với Các Nguyên tắc Paris và thúc đẩy sự phối hợp giữa các cơ quan này. Ủy ban cũng trao cho các CQNQQG đạt hạng A quyền tham dự các phiên họp và có quyền cung cấp các tài liệu cho CHR.

016. **HỘI NGHỊ VIENNA (1993) ĐÃ QUAN TÂM NHƯ THẾ NÀO ĐẾN CÁC CƠ QUAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA?**

Hội nghị Thế giới về quyền con người (*World Conference on Human Rights*) được Liên Hợp Quốc tổ chức tại Vienna (Áo), từ ngày 14 đến 25/6/1993. Kết quả chủ yếu của hội nghị được phản ánh trong Tuyên bố Vienna và Chương trình hành động (*Vienna Declaration and Programme of Action*). Đây là hội nghị nhân quyền đầu tiên được tổ chức sau Chiến tranh Lạnh, với hy vọng rằng sự chia rẽ và phân hóa trong các hoạt động của

Liên Hợp Quốc do sự đối đầu hai cực sẽ chấm dứt. Các hội nghị chuẩn bị cho Hội nghị Viên được tổ chức tại Geneva (Thụy Sĩ) từ năm 1991, nhiều cuộc họp mật khu vực cũng diễn ra trước khi hội nghị chính thức vào năm 1993.

Hội nghị Vienna đã “khẳng định lại vai trò quan trọng và mang tính xây dựng của các cơ quan quốc gia về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, đặc biệt liên quan đến khả năng tư vấn của các cơ quan này với các nhà chức trách có thẩm quyền, vai trò của các cơ quan này trong việc khắc phục các vi phạm quyền con người và phổ biến thông tin, giáo dục về quyền con người.”

Đồng thời, Hội nghị “khuyến khích việc thiết lập và củng cố các cơ quan quốc gia về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người theo Các Nguyên tắc liên quan đến địa vị của các cơ quan quốc gia về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, và thừa nhận quyền của mỗi quốc gia được lựa chọn một cơ cấu phù hợp nhất để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt của nước mình trên lĩnh vực này.”



Hội nghị Vienna về quyền con người năm 1993; Đoàn đại biểu Liên bang Micronesia (một đảo quốc ở Thái Bình Dương, trước đây là một Lãnh thổ ủy thác Liên Hợp quốc do Mỹ điều hành, độc lập năm 1986) với Phó Tổng thống (góc trái) làm trưởng đoàn.

017. **TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÁC CQNQQG CÓ THỂ CHIA THÀNH NHỮNG GIAI ĐOẠN NÀO?**

Có tác giả đã chia sự phát triển của CQNQQG trên thế giới từ năm 1945 đến nay thành 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn đều có sự chuyển biến đồng thời ở ba khía cạnh: cách hiểu về khái niệm “thể chế quốc gia về nhân quyền” hay CQNQQG trên thế giới, thái độ của các nhà nước, và vai trò của Liên Hợp quốc. Các xu hướng chuyển biến ở mỗi giai đoạn như sau:

- **Giai đoạn hình thành và phát triển ý tưởng về CQNQQG (1946-1978):** mới coi khái niệm này dùng để chỉ các cơ quan nghiên cứu, giáo dục về quyền con người, đánh giá thực trạng và tư vấn cho chính quyền về quyền con người (như trong nghị quyết của Ủy ban Nhân quyền năm 1962); các nhà nước coi việc thiết lập cơ quan này là vấn đề thuộc thẩm quyền quốc gia, chưa có mô hình thống nhất nào được thiết kế, các quốc gia tự mình quyết định về chức năng; Liên Hợp quốc mới chỉ có vai trò là “diễn đàn” để thảo luận trao đổi thông tin và kinh nghiệm về cơ quan nhân quyền;
- **Giai đoạn phổ biến khái niệm (1978-1990):** bắt đầu coi CQNQQG là các cơ quan tự chủ, độc lập, được luật quy định với thành phần đa dạng, cung cấp thông tin, nghiên cứu và giám sát sự tuân thủ nhân quyền và hỗ trợ chính quyền theo yêu cầu (Hướng dẫn được thông qua tại Hội nghị diễn ra ở Geneva, tháng 9/1978); là cơ quan bổ sung cho các thể chế hiện có, nếu chưa có cơ quan tương tự, có nhiều mô hình phù hợp với hoàn cảnh quốc gia; Liên Hợp quốc bên cạnh vai trò “diễn

đàn” trao đổi thông tin giữa các mô hình CQNQQG, có thêm vai trò chủ thể hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan nhân quyền;

- **Giai đoạn lan tỏa các CQNQQG (từ 1990 về sau):** được công nhận là chủ thể trọng yếu bảo vệ nhân quyền với thành phần đa dạng, được thiết lập bởi luật, nhằm thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người (Các Nguyên tắc Paris 1993); là sự bổ sung cần thiết cho các thể chế bảo vệ quyền, đặc biệt quan trọng tại những nền dân chủ mới hình thành, có nhiều mô hình, nhưng có những tiêu chuẩn tối thiểu cần tuân thủ; Liên Hợp quốc có vai trò tích cực hơn: là “diễn đàn” trao đổi thông tin, là chủ thể thúc đẩy khái niệm, tăng cường vai trò của CQNQQG, triển khai các hoạt động hỗ trợ các cơ quan nhân quyền tại các nước.

018. CÁC NGUYÊN TẮC PARIS CÓ NỘI DUNG VÀ VAI TRÒ NHƯ THẾ NÀO?

Có thể nói Các Nguyên tắc Paris (tên gọi tắt của Các Nguyên tắc về địa vị của các cơ quan quốc gia về nhân quyền) (*Principles relating to the Status of National Institutions - The Paris Principles*) là văn kiện nền tảng quan trọng nhất đối với các CQNQQG.

Văn kiện này, được thông qua bởi Nghị quyết số 48/134 ngày 20/12/1993 của Đại Hội đồng Liên Hợp quốc, ngày nay được coi như một tiêu chuẩn, thước đo để đánh giá các CQNQQG. Bộ nguyên tắc này chỉ đặt ra những yêu cầu tối thiểu, về tính độc lập, tính đa dạng về thành phần, cơ sở hiến định hoặc luật

định, dễ tiếp cận..., đối với các CQNQQG để có thể hoạt động hiệu quả.

Tương thích với Các Nguyên tắc Paris được coi như một đòi hỏi cần có đối với các CQNQQG muốn đáp ứng chuẩn mực quốc tế. Quan điểm này được khẳng định trong nghị quyết của nhiều cơ quan Liên Hợp quốc, cũng như trong quy định tại một số điều ước về nhân quyền (như Khoản 2, Điều 33 của Công ước về quyền của người khuyết tật 2006, và Khoản 4, Điều 18 của Nghị định thư Công ước chống tra tấn 2002).

Nội dung của Các Nguyên tắc Paris bao gồm các nguyên tắc liên quan đến các khía cạnh về:

- Thẩm quyền và trách nhiệm của CQNQQG;
- Thành phần và các bảo đảm về sự độc lập và đa dạng của CQNQQG;
- Các phương thức hoạt động của CQNQQG;
- Một số nguyên tắc bổ sung liên quan đến các ủy ban có thẩm quyền bán tư pháp.

Tuy nhiên, cũng có một số tác giả phê bình Các Nguyên tắc này không đủ rõ ràng và ý tưởng ban đầu của những người soạn ra nó không nhằm thiết lập một chuẩn mực toàn cầu về CQNQQG.

019. TÍNH ĐỘC LẬP CỦA CQNQQG ĐƯỢC THỂ HIỆN Ở NHỮNG KHÍA CẠNH NÀO?

Tính độc lập của CQNQQG được thể hiện và cần được bảo đảm ở những khía cạnh chính là:

- Được bảo đảm bằng Hiến pháp hoặc một đạo luật: Việc

Hiến pháp hoặc một đạo luật quy định về địa vị pháp lý, thẩm quyền của CQNQQG bảo đảm tính ổn định, thường trực của cơ quan này, nó sẽ không sợ bị giải tán, thay đổi thẩm quyền một cách tùy tiện; điều này còn bảo đảm có sự tham gia rộng rãi của các đại biểu dân cử khi xây dựng Hiến pháp và luật, bảo đảm sự công khai, minh bạch, người dân có điều kiện tham gia ý kiến; công chúng có thể tiếp cận khuôn khổ pháp lý rõ ràng về thẩm quyền của CQNQQG;

- Độc lập trong hoạt động và về tài chính: CQNQQG không chịu sự can thiệp từ bất kỳ cơ quan bên ngoài nào vào các công việc hàng ngày; CQNQQG tự mình thông qua quy tắc hoạt động của tổ chức, các khuyến nghị, báo cáo và quyết định không phải chịu sự kiểm duyệt, chấp thuận của bất kỳ cơ quan nào; về tài chính, ngân sách của tổ chức cũng cần ổn định và đủ để chi trả cho lương, cơ sở vật chất và các hoạt động;
- Độc lập trong quy trình bổ nhiệm và bãi nhiệm: các điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm cần được quy định công khai, rõ ràng; phương thức bổ nhiệm nên có sự tham gia của Quốc hội và xã hội dân sự; nhiệm kỳ ổn định, không nên quá ngắn (chẳng hạn chỉ 2-3 năm); các căn cứ và thủ tục bãi nhiệm cần rõ ràng;
- Độc lập bởi một số bảo đảm về đặc quyền hoặc miễn trách khi thi hành công vụ và hành động với thiện chí (chẳng hạn không thể bị khám văn phòng làm việc một cách tùy tiện, hoặc bị kiện về tội bôi nhọ người khác khi nêu quan điểm để bảo vệ nhân quyền).

Mặc dù độc lập, các CQNQQG không thể hành xử tùy tiện, vì cơ quan này cũng phải tuân thủ pháp luật, bảo đảm sự minh bạch và trách nhiệm giải trình trước Quốc hội và xã hội (chịu sự giám sát của các tổ chức xã hội, báo chí...).

020. VIỆC CÔNG NHẬN HAY XẾP HẠNG CQNQQG CÓ Ý NGHĨA GÌ?

Liên minh toàn cầu các CQNQQG (GANHRI), trước đây là Ủy ban Điều phối quốc tế các CQNQQG (*International Coordinating Committee - ICC*), đã giao cho Tiểu ban Công nhận tiêu chuẩn (*Sub-Committee on Accreditation - SCA*) đánh giá sự tương thích của các CQNQQG đối với Các Nguyên tắc Paris. Căn cứ vào Các Nguyên tắc Paris và các hướng dẫn chi tiết, SCA đề nghị để Ban Quản trị GANHRI quyết định xếp loại (công nhận tiêu chuẩn) các CQNQQG thành ba hạng (tình trạng) A, B và C.

- Hạng A: phù hợp đầy đủ với mọi Nguyên tắc;
- Hạng B: không phù hợp đầy đủ với mọi Nguyên tắc, hoặc không đủ thông tin để quyết định;
- Hạng C: không phù hợp với Các Nguyên tắc.

Nếu không được công nhận tiêu chuẩn hạng A, một CQNQQG sẽ chịu những hạn chế bao gồm: không được trình bày hoặc gửi tài liệu đến các phiên họp của Hội đồng Nhân quyền LHQ; chỉ có tư cách quan sát viên tại các hội nghị khu vực hoặc quốc tế do Hội đồng Nhân quyền tổ chức; không có thẩm quyền bỏ phiếu khi GANHRI (hoặc ICC trước đây) đưa ra các quyết định.

Tính đến tháng 8/2016, trong số 117 CQNQQG được xếp hạng bởi ICC có: 75 quốc gia được xếp hạng A; 32 được hạng B; 10 được hạng C.

021. **VÌ CÁC NGUYÊN TẮC PARIS QUÁ KHÁI QUÁT, CÓ HƯỚNG DẪN NÀO CỤ THỂ HƠN KHÔNG?**

Tiểu ban Công nhận tiêu chuẩn (SCA) thuộc Ủy ban Điều phối quốc tế các CQNQQG (ICC, nay là GANHRI) thông qua các hoạt động đánh giá CQNQQG đã tích lũy kiến thức để phát triển một bộ tiêu chuẩn để làm rõ hơn nội dung và phạm vi của Các Nguyên tắc Paris, được gọi là Các Quan sát chung (*General Observations*). Các Quan sát chung này được cập nhật thường xuyên. Thủ tục nộp đơn đề nghị và xem xét công nhận tiêu chuẩn thì được nêu cụ thể trong Điều lệ của GANHRI (ICC) (Xem trong Phụ lục 2 của sách này).

022. **ĐỂ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CQNQQG THƯỜNG CẦN CỨ VÀO CÁC TIÊU CHÍ NÀO?**

Có nhiều cách tiếp cận để đánh giá các CQNQQG. Một số khía cạnh chính yếu của CQNQQG đã được coi là cơ bản và được đánh giá là: tính chính danh (gồm các thành tố: mức độ độc lập, tự chủ, hoàn cảnh chính trị dẫn đến việc thành lập, thẩm quyền, trách nhiệm giải trình, thành viên, nhân viên...); khả năng tiếp cận (cấu trúc có sự phân tán, địa điểm thích hợp để các vùng xa, các nhóm yếu thế cũng có thể tiếp cận) và quan hệ với các cơ quan khác (quan hệ với tòa án, truyền thông, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế).

Một số tác giả khác đã phân tích việc đánh giá hiệu quả hoạt động dựa trên các chuẩn mực (*benchmarks*) và chỉ số (*indicators*). Theo đó, các chuẩn mực được chia thành ba nhóm lĩnh vực:

- ***Đặc điểm của cơ quan CQNQQG***: gồm các yếu tố về sự độc lập; việc được thiết lập bởi luật hoặc Hiến pháp; thủ tục bổ nhiệm; tiêu chí đối với thành viên; cấu thành của thành viên; kỹ năng và kiến thức nghề nghiệp về nhân quyền; quan hệ với xã hội dân sự; khả năng tiếp cận;
- ***Thẩm quyền***: gồm thẩm quyền thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, phạm vi các quyền thuộc thẩm quyền có đủ rộng không (như bao gồm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa); thẩm quyền giám sát, khuyến nghị về các dự thảo luật và luật hiện hành; giám sát thực trạng nhân quyền thông qua các hoạt động thu thập thông tin, chứng cứ, triệu tập nhân chứng, đến thăm các cơ sở giam giữ, tổ chức các cuộc điều trần công khai và xuất bản kết quả...; giám sát và tư vấn về sự tuân thủ các chuẩn mực quốc tế qua hoạt động biên soạn các báo cáo đánh giá độc lập, phổ biến các thông tin về cơ chế quốc tế; giáo dục, đào tạo và truyền thông về nhân quyền nâng cao nhận thức của cán bộ và công chúng; nhận các khiếu nại, kiến nghị của các cá nhân và nhóm (khi thích hợp);
- ***Trách nhiệm giải trình trước công chúng***: gồm việc báo cáo hàng năm về mọi lĩnh vực hoạt động của tổ chức; thường xuyên tổ chức tham vấn với tất cả các chủ thể.

Các chỉ số được chia thành chỉ số định lượng và chỉ số định tính, bao gồm: các chỉ số về sự tham gia, các chỉ số về hoạt động và tác động...

CÁC CHỨC NĂNG

023. CQNQQG CÓ NHỮNG CHỨC NĂNG CHÍNH YẾU NÀO?

CQNQQG có các chức năng đa dạng, bao gồm các chức năng chính là:

- Thúc đẩy các quyền con người;
- Bảo vệ các quyền con người;
- Tư vấn cho Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan nhà nước khác về các vấn đề quyền con người;
- Giám sát các quyền con người;
- Điều phối các hoạt động nhân quyền.

Cạnh đó, đặc biệt là các CQNQQG theo mô hình hỗn hợp, có thể có thêm các chức năng về giám sát hoạt động quản lý nhà nước, chống lại các vi phạm hành chính hoặc hoạt động hành chính kém hiệu quả, không công bằng (*maladministration*), chống tham nhũng...

024. CQNQQG THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI BẰNG NHỮNG CÁCH THỨC NÀO?

Thúc đẩy quyền con người thường được hiểu theo nghĩa hẹp là các hoạt động nhằm phổ biến thông tin và kiến thức về quyền. Thúc đẩy (*promotion*) và bảo vệ (*protection*) quyền có

mối quan hệ với nhau chặt chẽ. Việc thiếu hiểu biết về quyền là một nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các hành vi vi phạm.

CQNQQG có thể thúc đẩy quyền con người bằng nhiều phương thức, bao gồm:

- Thúc đẩy giáo dục và đào tạo về quyền con người trong hệ thống nhà trường (các cấp phổ thông, đại học, sau đại học), cũng như ngoài nhà trường (đào tạo cho các nhóm xã hội, nhóm nghề nghiệp khác nhau);
- Nâng cao nhận thức của công chúng qua các chiến dịch vận động;
- Thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng (truyền hình, báo chí, radio...), bao gồm việc trả lời phỏng vấn, thông cáo báo chí, họp báo;
- Xuất bản các ấn phẩm, bao gồm tờ rơi, sổ tay, các báo cáo chuyên đề, trang tin điện tử để phổ biến thông tin;
- Tổ chức các hội thảo, hội nghị nhằm thảo luận, nâng cao nhận thức về các chủ đề, có thể kết hợp với vận động cải cách;
- Thiết lập và duy trì một trung tâm thông tin, tư liệu về quyền con người làm nguồn tra cứu cho cán bộ của CQNQQG, cũng như cho công chúng, giới nghiên cứu;
- Thúc đẩy các chính sách tốt về giáo dục nhân quyền, thông tin nhân quyền;
- Triển khai các sáng kiến, hoạt động dựa vào các cộng đồng, thông qua các sinh hoạt văn hóa (thi múa, hát, chụp ảnh, làm phim, vẽ tranh), trao giải thưởng nhân quyền... để thúc đẩy sự quan tâm và nâng cao nhận thức về quyền.

025. **CQNQQG BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI BẰNG NHỮNG CÁCH THỨC NÀO?**

Bảo vệ quyền con người thường được hiểu bao gồm các hoạt động điều tra vi phạm, buộc chủ thể vi phạm phải bồi thường cho nạn nhân, chịu trách nhiệm pháp lý và khôi phục lại trạng thái ban đầu.

CQNQQG bảo vệ quyền con người thông qua hoạt động thu thập chứng cứ, điều tra, xác minh các vi phạm đã xảy ra. Các vi phạm có thể là đơn lẻ hoặc có tính chất hệ thống.

Tuy nhiên, điều tra của CQNQQG không thể thay thế cho hoạt động của các cơ quan thực thi pháp luật và hệ thống tư pháp, mà chỉ là sự bổ sung cho các cơ quan khác. Với kiến thức chuyên môn của mình, việc điều tra của CQNQQG bổ sung cho sự thiếu hụt của các cơ quan khác.

Điều tra, theo nghĩa rộng, có nhiều hình thức khác nhau. Hầu hết các CQNQQG có ít nhiều hình thức điều tra nhất định. Tuy nhiên, một số hình thức điều tra chỉ có ở những CQNQQG có thẩm quyền bán tư pháp (*quasi-jurisdiction*).

026. **VIỆC ĐIỀU TRA NHÂN QUYỀN CỦA CQNQQG BAO GỒM NHỮNG HÌNH THỨC NÀO?**

Việc điều tra nhân quyền của các CQNQQG nhằm thu thập bằng chứng về các vi phạm. Điều tra gồm các giai đoạn, hoạt động chủ yếu như sau:

- Thu thập thông tin sơ bộ ban đầu xem có cần thực hiện việc điều tra chính thức hay không;
- Xem xét xem vụ việc, vấn đề có thuộc phạm vi thẩm quyền của cơ quan hay không;

- Thu thập bằng chứng, dữ liệu (lời khai, tài liệu, vật chứng...) để xác minh sự thật; Soạn thảo kết luận, phổ biến kết luận.

Hai hình thức điều tra chính là:

- Xem xét các vi phạm cá nhân, giải quyết khiếu nại cá nhân;
- Xem xét các vấn đề vi phạm nhân quyền có tính chất hệ thống (có thể bằng tổ chức điều trần quốc gia).

027. CÓ PHẢI TẤT CẢ CÁC CQNQQG

ĐỀU CÓ THẨM QUYỀN NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI HAY KHÔNG?

Các Nguyên tắc Paris không nêu yêu cầu các CQNQQG nhất thiết phải có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên Các Nguyên tắc, trong một phần riêng, khuyến khích việc CQNQQG được giao “nhiệm vụ xem xét các đơn từ khiếu nại và kiến nghị liên quan đến những tình huống cụ thể. Những vụ việc này có thể được gửi lên bởi các cá nhân, người đại diện của họ, các bên thứ ba, các tổ chức phi chính phủ, các hiệp hội của nghiệp đoàn, hay bất kỳ tổ chức đại diện nào khác.”

Trong những tình huống như vậy, thì những chức năng được giao phó cho các ủy ban này có thể dựa trên các nguyên tắc dưới đây:

- Tìm kiếm giải pháp hòa giải thông qua thương lượng, hoặc qua những quyết định mang tính ràng buộc hoặc khi cần thiết theo nguyên tắc bí mật;
- Thông báo cho nguyên đơn về các quyền của họ, đặc

biệt là về các phương thức giải quyết mà họ có, hỗ trợ họ tiếp cận các phương thức đó;

- Giải quyết bất kỳ đơn thư khiếu nại hay kiến nghị hoặc chuyển chúng tới cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi luật định.

Thực tế, không phải CQNQQG nào cũng có thẩm quyền nhận và giải quyết khiếu nại.



Các thành viên của Ủy ban Nhân quyền Kenya (KNCHR), cơ quan được thành lập theo Hiến pháp và Luật Ủy ban Nhân quyền năm 2002, trong một phiên điều trần về tình trạng an toàn cá nhân tại khu vực duyên hải (tháng 9/2016); logo của KNCHR.

028. ĐIỀU TRẦN QUỐC GIA LÀ GÌ?

Điều trần quốc gia (*national inquiry*) là việc đối thoại, trình bày công khai giữa các bên liên quan do CQNQQG tổ chức. Các cuộc điều trần công khai thường được coi là một trong những phương thức hiệu quả nhất để tiến hành điều tra và thu hút sự chú ý của công chúng về các vấn đề nhân quyền bức thiết. Sự

kiện này có ý nghĩa đối với việc điều tra hệ thống các vi phạm nhân quyền, cũng như đối với việc giáo dục công chức, công chúng về chủ đề liên quan.

Các cuộc điều trần sẽ đi đến các kết luận hoặc khuyến nghị giúp cho các cơ quan nhà nước thực thi tốt hơn các nghĩa vụ về nhân quyền và tạo ra các thay đổi tích cực.

Tiến trình thực hiện một cuộc điều trần bao gồm một số bước sau:

- Lựa chọn chủ đề điều trần;
- Thiết lập quy tắc thủ tục điều trần;
- Chỉ định nhóm tiến hành điều trần;
- Thu thập chứng cứ, tư liệu chuẩn bị điều trần;
- Tổ chức điều trần;
- Tiếp xúc với truyền thông, báo chí;
- Hình thành nên các khuyến nghị, viết báo cáo;
- Lên kế hoạch cho các hoạt động tiếp theo để triển khai các kết luận và vận động các khuyến nghị...

029. ĐIỀU TRẦN QUỐC GIA CÓ NHỮNG ĐẶC THÙ GÌ KHÁC VỚI GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CÁ NHÂN?

So với giải quyết khiếu nại cá nhân, điều trần quốc gia có một số đặc điểm sau đây:

- Số lượng lớn các khiếu nại cá nhân được giải quyết đồng thời, tiết kiệm được nhiều chi phí, thời gian và nguồn lực;
- Điều trần công khai, với sự tham gia của các phương tiện truyền thông đại chúng, tạo ra sự minh bạch, tạo dựng niềm tin, có tác dụng giáo dục lớn đối với công chúng;

- Góp phần giải quyết hậu quả của các vi phạm quyền con người có tính hệ thống;
- Tạo điều kiện cho sự tham gia của các chủ thể khác nhau, bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức chuyên môn, góp phần củng cố quan hệ của CQNNQG với các chủ thể này...

030. CQNNQG TƯ VẤN CHO CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC NHƯ THẾ NÀO?

Theo Các Nguyên tắc Paris, CQNNQG nên có thẩm quyền “trình lên Chính phủ, Quốc hội và bất cứ cơ quan có thẩm quyền nào khác, trên cơ sở tham vấn theo yêu cầu của các cơ quan liên quan hay thực thi quyền được xem xét một vấn đề mà không trình báo hay đưa ý kiến hay kiến nghị, đề xuất và báo cáo về bất cứ vấn đề gì liên quan đến thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền” (đoạn 3).

CQNNQG có thể thực hiện chức năng tư vấn cho Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan nhà nước khác bằng nhiều phương thức, bao gồm:

- Rà soát các quy định pháp luật, chính sách và thực hành hiện có để tìm ra những hạn chế, nêu các khuyến nghị sửa đổi, cải cách;
- Đánh giá, góp ý vào các dự thảo luật, dự thảo chính sách, đưa ra các khuyến nghị về lồng ghép các chuẩn mực nhân quyền quốc tế;
- Khuyến nghị nhà nước gia nhập, phê chuẩn các điều ước nhân quyền quốc tế;
- Tư vấn cho nhà nước về việc soạn thảo, đệ trình các báo cáo định kỳ theo các cơ chế nhân quyền của Liên

Hợp quốc (cơ chế theo công ước, cơ chế UPR của Hội đồng Nhân quyền...) hoặc của khu vực;

031. **CQNQQG THỰC HIỆN VIỆC GIÁM SÁT NHÂN QUYỀN BẰNG NHỮNG CÁCH THỨC NÀO?**

CQNQQG có thể thực hiện chức năng giám sát (monitor) nhân quyền bằng nhiều phương thức, bao gồm: khảo sát xã hội, thống kê, phỏng vấn... Sự đa dạng về phương pháp xuất phát từ sự đa dạng của đối tượng giám sát, địa điểm giám sát. Chẳng hạn như giám sát cơ sở giam giữ (để đánh giá về việc bảo đảm các quyền của người bị tước tự do, đặc biệt là quyền không bị tra tấn, đối xử vô nhân đạo), khu vực dân cư bị di dời để triển khai các dự án (để đánh giá về sự ảnh hưởng đến các quyền về cư trú, sinh kế, giáo dục, y tế), khu vực khai thác mỏ (để đánh giá về mức độ ô nhiễm ảnh hưởng đến nguồn nước)...

Nhìn chung, hoạt động giám sát gồm các bước:

- Xác định phạm vi giám sát;
- Lập kế hoạch giám sát;
- Thu thập dữ liệu;
- Phân tích dữ liệu bằng việc sử dụng các chỉ số về tiến trình (*process indicators*), cũng như chỉ số về kết quả (*result indicators*);
- Biên soạn báo cáo, phổ biến kết quả giám sát, thường kèm theo các khuyến nghị mang tính thực tiễn và khả thi đến các cơ quan nhà nước.

Các dữ liệu cần được đối chiếu, kiểm tra chéo với các nguồn thông tin khác, bao gồm thông tin từ chính cơ quan bị

giám sát, khi có sự mâu thuẫn lớn về dữ kiện, số liệu sẽ cần sự thận trọng cao hơn.

032. CQNQQG BẢO VỆ, THÚC ĐẨY CÁC QUYỀN KINH TẾ, XÃ HỘI CÓ NHỮNG KHÓ KHĂN, THUẬN LỢI GÌ SO VỚI CÁC QUYỀN DÂN SỰ, CHÍNH TRỊ?

Bởi lẽ các quyền con người phụ thuộc lẫn nhau, CQNQQG cần hoạt động trong cả lĩnh vực các quyền dân sự, chính trị và lĩnh vực các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa có một số đặc trưng trong việc thực thi, cạnh đó, chúng có nhiều nét tương đồng với các quyền dân sự, chính trị.

Mặc dù đối với mọi quyền con người, những vi phạm có thể có tính cách cá nhân, hoặc tính chất hệ thống, nhưng các vi phạm đối với quyền kinh tế, xã hội và văn hóa thường mang tính hệ thống, có nguồn gốc sâu rộng trong nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội... Do đó, việc thiết kế các chỉ số giám sát, nguyên tắc giám sát các nhóm quyền có thể có những khác biệt. Cạnh đó, làm việc về các quyền kinh tế, xã hội, có một số thách thức đến từ nội bộ CQNQQG và đến từ bên ngoài môi trường xã hội (Xem trong câu hỏi đáp tiếp theo).

Ngoài ra, việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa thường không thể hiện sự xung đột, đối đầu trực diện giữa các cá nhân, nhóm xã hội với chính quyền so với việc thúc đẩy và bảo vệ một số quyền dân sự, chính trị, nên nhiều khi cũng có sự thuận lợi hơn trong hoạt động của CQNQQG.

033. KHI THÚC ĐẨY VÀ BẢO VỆ CÁC QUYỀN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA CÓ NHỮNG THÁCH THỨC NÀO?

Khi CQNNQG thúc đẩy và bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, có thể có một số thách thức đến từ nội bộ là:

- Mức độ hiểu biết và sự sẵn sàng công nhận các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa bởi các nhân viên của tổ chức;
- Năng lực của tổ chức giải quyết các vấn đề về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, năng lực này lại phụ thuộc vào nguồn lực tài chính, thời lượng có thể dành cho chủ đề này...;
- Khó khăn trong việc xác định các chuẩn mực, bao gồm các chỉ số, tiêu chuẩn và mục tiêu, liên quan đến các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa...

Cạnh đó, một số thách thức có thể đến từ bên ngoài gồm:

- Môi trường bên ngoài không thuận lợi bởi thiếu các thể chế hỗ trợ như cơ quan tư pháp hiệu quả, các thiết chế dân chủ, sự tham gia hiệu quả của xã hội dân sự;
- Sự hiểu nhầm, thiếu hiểu biết trong xã hội, các cơ quan nhà nước về bản chất của các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và các trách nhiệm của nhà nước về tôn trọng, bảo vệ và hỗ trợ các quyền này;
- Công luận có thể chưa chấp nhận việc nhà nước chưa có đủ hành động liên quan đến các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, các cơ quan truyền thông thiếu quan tâm vì thấy không hấp dẫn công chúng;

- Ngay cả khi chính quyền và công chúng có nhận thức tốt về quyền kinh tế, xã hội, văn hóa và các nghĩa vụ liên quan, việc thúc đẩy chúng vẫn có thể gặp khó khăn vì nhà nước thiếu các nguồn lực để giải quyết các vấn đề liên quan...; CQNQQG cần hiểu đúng về nguyên tắc hiện thực hóa dần dần các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, có thông tin về các nguồn lực mà nhà nước sẵn có để có thể trao đổi, làm việc với nhà nước;
- Khoảng trống về pháp lý hoặc tư pháp cũng có thể cản trở việc hiện thực hóa các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa do các tòa án không có thẩm quyền xét xử các vi phạm đối với những quyền này; ngay cả khi tòa án có thẩm quyền xét xử, tòa án vẫn có thể khó tiếp cận đối với nhiều nhóm yếu thế, nguy cơ tham nhũng của thẩm phán, hoặc các phán quyết của tòa án không phản ánh đúng nội dung, tinh thần của các quy định pháp lý...; việc không được tòa án bảo vệ quyền sẽ làm tổn hại đến niềm tin của công chúng, nhất là những người có các quyền kinh tế, xã hội bị vi phạm, vào hệ thống tư pháp và các cơ quan nhà nước.

CÁC MỐI QUAN HỆ

034. **CQNQQG VÀ CƠ QUAN LẬP PHÁP** **CÓ MỐI QUAN HỆ NHƯ THẾ NÀO?**

Nhiều CQNQQG có trách nhiệm báo cáo trực tiếp trước Quốc hội/ Nghị viện (cơ quan lập pháp). Điều này có ý nghĩa tích cực ở chỗ bảo đảm tính độc lập của CQNQQG, cũng như bảo đảm rằng các khuyến nghị, đề xuất của các cơ quan này được các nhà lập pháp lắng nghe. Vì các nhà lập pháp (nghị sỹ, đại biểu Quốc hội) là các đại biểu dân cử, việc báo cáo này cũng có nghĩa là CQNQQG chịu trách nhiệm trước công chúng về hoạt động của mình. Nghị viện cũng là nơi quyết định ngân sách của CQNQQG, nhưng điều này cần bảo đảm sự ổn định và minh bạch để tránh tổn hại đến tính độc lập của CQNQQG.

Các Hướng dẫn Abuja về mối quan hệ giữa Nghị viện, các Nghị sỹ và CQNQQG (2004) đã nêu một số khuyến nghị củng cố mối quan hệ này. Ở hướng thứ nhất, các Nghị viện có thể hỗ trợ CQNQQG bằng một số phương thức sau:

- Nên định kỳ tổ chức các cuộc họp, trao đổi giữa Nghị viện và CQNQQG để nâng cao nhận thức cho các nghị sỹ về quyền con người và về hoạt động của CQNQQG;
- Báo cáo thường niên và các báo cáo khác của CQNQQG nên được gửi đến Nghị viện, cũng như được thảo luận

kip thời và kỹ lưỡng tại Nghị viện; phản hồi của Chính phủ về báo cáo cũng nên được gửi cho Nghị viện;

- Các ủy viên của CQNQQG nên được thường xuyên mời xuất hiện trước các ủy ban của Nghị viện, gặp gỡ các nghị sỹ để thảo luận về các chủ đề cùng quan tâm;
- Nghị viện cần bảo đảm rằng các khuyến nghị của CQNQQG được theo dõi và thực thi;

Theo hướng ngược lại, CQNQQG có thể hỗ trợ Nghị viện bằng một số phương thức:

- CQNQQG, các Ủy viên nên thường xuyên gặp, trình bày với các nghị sỹ về các vấn đề nhân quyền, tư vấn cho các nghị sỹ về nhân quyền, cơ chế nhân quyền, về sự tuân thủ của nhà nước đối với các nghĩa vụ theo các điều ước khu vực và quốc tế; CQNQQG tổ chức các khóa đào tạo về quyền cho các nghị sỹ;
- CQNQQG tư vấn cho Nghị viện về việc thành lập các ủy ban nhân quyền trong Nghị viện và hợp tác với các ủy ban đó;
- CQNQQG mời các nghị sỹ tham gia các hội thảo, hoạt động do mình tổ chức khi thích hợp, mời các nghị sỹ viết bài cho các ấn phẩm của mình...

035. **CQNQQG VÀ CƠ QUAN HÀNH PHÁP CÓ MỐI QUAN HỆ NHƯ THẾ NÀO?**

Sự độc lập của CQNQQG với Chính phủ, cơ quan thực thi quyền hành pháp, là một điều kiện rất cần thiết để cơ quan này hoạt động hiệu quả. Tại nhiều nước, sự can thiệp hoặc thiếu

tôn trọng của Chính phủ là một trong những thách thức lớn nhất đối với CQNQQG.

Để có thể phát huy năng lực, dường như các CQNQQG phải cân bằng được việc tư vấn, hợp tác xây dựng, với việc phê phán, chỉ trích những hạn chế của cơ quan hành pháp. Nhìn chung, các báo cáo của cơ quan nhân quyền nên có sự công bằng, có sự thừa nhận những bước tiến tích cực của Chính phủ và các cơ quan nhà nước.

CQNQQG cần ưu tiên triển khai các chiến lược, chương trình hỗ trợ Chính phủ và các cơ quan hành chính thực hiện các nghĩa vụ về quyền con người, bao gồm việc hỗ trợ hoàn thiện các báo cáo đến các cơ chế kiểm điểm của Liên Hợp quốc. Tuy nhiên, khi Chính phủ không có thiện chí và không tiếp thu những thông tin chính xác do CQNQQG đưa ra, CQNQQG có thể tự mình soạn báo cáo độc lập.

Chính phủ nên cung cấp cho CQNQQG các nguồn lực đầy đủ (cơ sở vật chất, tài chính, phương tiện...), cũng như có sự hợp tác thích hợp. Chính phủ nên có văn bản hướng dẫn đến các Bộ, ngành và cơ quan trực thuộc, bao gồm ngành cảnh sát, quản lý trại giam, về yêu cầu hợp tác, hỗ trợ CQNQQG.

036. **CQNQQG VÀ CƠ QUAN TƯ PHÁP**

CÓ MỐI QUAN HỆ NHƯ THẾ NÀO?

Hệ thống tòa án, thực thi quyền tư pháp, cũng như CQNQQG, đòi hỏi tính độc lập. Tại một số quốc gia có thành lập cơ quan để giám sát hệ thống tòa án, chủ yếu bảo đảm sự tuân thủ các quy tắc nghề nghiệp của các thẩm phán và chống lại sự thiên vị, tuy nhiên, đây không phải là chức năng của CQNQQG.

Pháp luật quốc gia cần xác định rõ ranh giới thẩm quyền của hai hệ thống CQNQQG và tòa án.

Nhìn chung, các CQNQQG dễ tiếp cận, tiết kiệm chi phí, có thủ tục đơn giản hơn các tòa án. Nhiều trường hợp, phạm vi thẩm quyền của CQNQQG vượt ra khỏi phạm vi xét xử của tòa án. Bởi lẽ, nhiều hành vi “vi phạm quyền con người” chưa đến mức “trái pháp luật”, mà chỉ có tính phân biệt đối xử mức độ nhất định, hoặc chỉ là sự thờ ơ, sao nhãng.

Mối quan hệ giữa CQNQQG và tòa án ở mỗi quốc gia là khác nhau (về khả năng tiếp cận của CQNQQG với tòa án, về quyền yêu cầu tòa án thực thi quyết định của CQNQQG...). Tòa án, và luật tố tụng, nên trao cho CQNQQG quyền được tham gia tố tụng như là một bên tranh tụng trong các vụ việc. Tại một số nước, tòa án có vai trò hỗ trợ CQNQQG trong việc thực thi phán quyết của CQNQQG.

CQNQQG khi can thiệp vào các hoạt động tố tụng sẽ góp phần giải thích, nâng cao nhận thức, thúc đẩy sự quan tâm của các bên, kể cả tòa án, về các chuẩn mực nhân quyền quốc tế, các điều ước nhân quyền mà quốc gia là thành viên.

Trong khi đó, các kết luận của CQNQQG, cũng giống như nhiều bản án của tòa án, có giá trị tiền lệ pháp với vai trò bảo vệ quyền con người một cách hệ thống, sâu rộng (chứ không chỉ đối với các bên trong vụ việc) và có giá trị giáo dục. CQNQQG còn có thể có tiếng nói thúc đẩy quyền xét xử công bằng, các quyền con người trong tư pháp, cũng như sự độc lập của tư pháp.

037. **CQNQQG VÀ XÃ HỘI DÂN SỰ CÓ MỐI QUAN HỆ NHƯ THẾ NÀO?**

Mối quan hệ CQNQQG và xã hội dân sự, có thể ở phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế, thể hiện ở một số khía cạnh sau:

- Các tổ chức xã hội dân sự có thể đóng vai trò vận động, thúc đẩy nhà nước thành lập nên CQNQQG phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế; giám sát tổ chức, hoạt động của CQNQQG nhằm bảo đảm tính độc lập, hiệu quả của cơ quan này;
- Các tổ chức xã hội dân sự, đặc biệt các tổ chức bảo vệ nhân quyền và CQNQQG có thể hỗ trợ nhau rất nhiều trong công việc. Các tổ chức phi chính phủ, tổ chức cộng đồng, giới học thuật và các tổ chức xã hội khác cung cấp cho CQNQQG thông tin về tình hình nhân quyền, những việc cần làm để cải thiện. CQNQQG mang các thông tin đó đến cho các cơ quan nhà nước (Chính phủ, Quốc hội...);
- CQNQQG có thể đóng vai trò bảo vệ những người bảo vệ nhân quyền, các tổ chức phi chính phủ bảo vệ nhân quyền, cũng như thúc đẩy các cơ quan nhà nước (đặc biệt là Quốc hội) cải thiện khuôn khổ pháp luật, tạo ra môi trường thuận lợi cho hoạt động và phát triển của các tổ chức xã hội dân sự;
- Ở quy mô quốc tế, nhiều NGO quốc tế có vai trò vận động, thúc đẩy việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, chuẩn mực chung cho CQNQQG trên toàn thế giới. Các tổ chức quốc tế còn hỗ trợ các CQNQQG và

mạng lưới của các cơ quan này tăng cường năng lực hoạt động...

038. CQNQQG CÓ THỂ HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ TRONG MỘT QUỐC GIA THIẾU TỰ DO VÀ DÂN CHỦ KHÔNG?

Để hoạt động hiệu quả, CQNQQG cần được bảo đảm tính độc lập. Tuy nhiên, thường thì tại các quốc gia thiếu tự do và dân chủ, nhà nước chưa có thói quen lắng nghe các quan điểm khác biệt hoặc những lời phê phán. Quyền lực lại quá tập trung vào một hoặc một số ít trung tâm, hầu như không có cơ quan nào có thể có sự “độc lập”. Cạnh đó, ở những nước này chưa có văn hóa tôn trọng nhân quyền, cũng như vắng bóng các tổ chức phi chính phủ bảo vệ quyền con người, là những nguồn quan trọng cung cấp thông tin, hỗ trợ, tạo động lực cho CQNQQG.

Việc thành lập và hoạt động của CQNQQG sẽ gặp nhiều rủi ro tại những quốc gia mới chuyển đổi hoặc thiếu dân chủ. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp cá biệt mà CQNQQG hoạt động tương đối hiệu quả trong bối cảnh như vậy. Lúc đó, CQNQQG giống như một ốc đảo bảo vệ các quyền con người, như trường hợp của Peru trước đây (Xem thêm câu hỏi đáp về Peru).

039. LIÊN HỢP QUỐC VÀ CQNQQG CÓ MỐI QUAN HỆ NHƯ THẾ NÀO?

Mối quan hệ chặt chẽ giữa Liên Hợp quốc và các CQNQQG thể hiện ở một số khía cạnh sau:

- Liên Hợp quốc đã có vai trò quan trọng trong việc

thúc đẩy sự phát triển của CQNQQG trên thế giới thông qua việc hình thành các chuẩn mực chung, thúc đẩy các mạng lưới CQNQQG toàn cầu và khu vực; nâng cao nhận thức, vận động, hỗ trợ các quốc gia thiết lập CQNQQG; hỗ trợ kỹ thuật nhằm củng cố CQNQQG;

- Các CQNQQG và mạng lưới của các tổ chức này cung cấp thông tin, tham vấn, hỗ trợ, tương tác với nhiều cơ chế nhân quyền của Liên Hợp quốc như OHCHR, Hội đồng Nhân quyền, các thủ tục đặc biệt, các ủy ban giám sát điều ước. Chẳng hạn như trong tiến trình Kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR) của Hội đồng Nhân quyền, nhiều CQNQQG đã cung cấp những thông tin độc lập trong các báo cáo của mình cho Hội đồng Nhân quyền để cơ quan này có thể đánh giá được tình hình nhân quyền các nước một cách toàn diện.

040. **CÁC CƠ QUAN NÀO CỦA LIÊN HỢP QUỐC**

ĐÃ THÔNG QUA CÁC NGHỊ QUYẾT VỀ CQNQQG?

Nhiều cơ quan của Liên Hợp quốc, bao gồm Đại Hội đồng, Ủy ban Nhân quyền, Hội đồng Nhân quyền..., đã thông qua các nghị quyết khẳng định tầm quan trọng của CQNQQG, kêu gọi các nước thiết lập, trao thẩm quyền đầy đủ cho các cơ quan này, cũng như kêu gọi sự hợp tác giữa các cơ chế của Liên Hợp quốc với các CQNQQG.

Một số nghị quyết liên quan của Đại Hội đồng gồm:

- Nghị quyết 60/154 – Các thể chế quốc gia thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (2005);

- Nghị quyết 63/169 – Vai trò của Ombudsman, hòa giải viên và các thể chế quốc gia thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (2008);
- Nghị quyết 63/172 - Các thể chế quốc gia thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (2008);
- Nghị quyết 64/161 - Các thể chế quốc gia thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (2009);
- Nghị quyết 68/171- Các thể chế quốc gia thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (2014)
- Nghị quyết 70/163 - Các thể chế quốc gia thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (2015).

Một số nghị quyết liên quan của Ủy ban Nhân quyền, và cơ quan kế tục là Hội đồng Nhân quyền, gồm:

- Nghị quyết 205/74 - Các thể chế quốc gia thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (2005)
- Nghị quyết 27/18 - Các thể chế quốc gia thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (2014).
- Nghị quyết 33/15 - Các thể chế quốc gia thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (2016).

041. CÁC CƠ QUAN NÀO CỦA LIÊN HỢP QUỐC

TRỰC TIẾP HỖ TRỢ CÁC CQNQQG?

Trong hệ thống Liên Hợp quốc, Văn phòng Cao ủy nhân quyền (OHCHR) và Chương trình phát triển LHQ (UNDP) có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của CQNQQG. Đối với cả hai tổ chức này việc hỗ trợ CQNQQG được coi là lĩnh vực ưu tiên trong kế hoạch hoạt động. Cảnh

đó, một số cơ quan, quỹ, chương trình khác trong hệ thống Liên Hợp quốc cũng có các hoạt động liên quan đến các CQNQQG. Chẳng hạn, năm 2002 Quỹ nhi đồng LHQ (*UNICEF*) đã tổ chức Cuộc họp toàn cầu lần thứ nhất các thiết chế nhân quyền độc lập vì trẻ em. Hoặc trong Chiến lược nhân quyền của tổ chức Văn hóa, giáo dục LHQ (*UNESCO*) bao gồm cả mục tiêu thúc đẩy hợp tác của tổ chức này với các CQNQQG.

Tại các quốc gia, Nhóm Liên Hợp quốc tại quốc gia (*UN Country team*) có thể hỗ trợ cho các CQNQQG thông qua các hoạt động năng cao năng lực, cung cấp thông tin, kết nối với các tổ chức khu vực và quốc tế...

042. **MẠNG LƯỚI CQNQQG TOÀN CẦU ĐƯỢC HÌNH THÀNH TỪ KHI NÀO?**

Hiện nay, Liên minh Toàn cầu CQNQQG (*Global Alliance of National Human Rights Institutions - GANHRI*), tên gọi mới có từ tháng 3 năm 2016, là mạng lưới toàn thế giới của các CQNQQG. Mạng lưới này hợp thành từ 4 mạng lưới CQNQQG khu vực.

Được thành lập từ năm 1993, với tên gọi trong một thời gian dài trước đây là Ủy ban Điều phối quốc tế (*International Coordinating Committee - ICC*), GANHRI thúc đẩy vai trò của CQNQQG trên thế giới, tạo dựng diễn đàn cho các thành viên trao đổi, hợp tác, cũng như hỗ trợ sự tương tác của các thành viên với các tổ chức quốc tế. GANHRI có Điều lệ mới được cập nhật và thông qua vào tháng 3/2016.

Ngoài ra, đối với các Ombudsman, hiện nay trên quy mô toàn cầu có tổ chức Ombudsman Quốc tế (*International*

Ombudsman Institute - IOI, đồng thời tại một số châu lục (châu Âu, châu Mỹ) cũng có hiệp hội của các Ombudsman.



Phiên họp thường niên thứ 29 của ICC, diễn ra ngày 22 và 23/3/ 2016 tại Geneva, Thụy Sĩ, có sự tham gia của đại diện hơn 100 CQNQQG trên toàn thế giới, cũng như của OHCHR, UNDP và các cơ chế LHQ khác, International Ombudsman Institute và nhiều NGO. Tại phiên họp này, ICC được đổi tên thành GANHRI.

043. **LIÊN MINH TOÀN CẦU CQNQQG ĐƯỢC TỔ CHỨC NHƯ THẾ NÀO?**

Liên minh Toàn cầu CQNQQG (GANHRI), gồm các cơ quan chính yếu sau:

- **Đại hội:** cấu thành bởi toàn bộ thành viên, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của hiệp hội; có các thẩm quyền kiểm soát các hoạt động của GANHRI, Ban Quản trị GANHRI, phê duyệt các chương trình hoạt động của GANHRI, quyết định mức phí thành viên, sửa đổi Điều lệ...
- **Ban Quản trị:** gồm mười sáu (16) cá nhân, bao gồm

Chủ tịch và Thư ký; có quyền điều hành, hành động nhân danh GANHRI, quyết định về việc công nhận phân hạng sau khi xem xét đề nghị từ SCA, quyết định về việc kết nạp thành thành viên; triệu tập Đại hội, phối hợp và sắp xếp các cuộc họp, hội thảo, các ủy ban thường trực và các tiểu ban...; họp ít nhất hai (2) lần mỗi năm.

- **Thư ký:** là đơn vị trong OHCHR được giao nhiệm vụ về lĩnh vực CQNQQG.

Thành viên có quyền bỏ phiếu (những tổ chức đã được công nhận tình trạng 'A') và thành viên không có quyền bỏ phiếu (những tổ chức đã được công nhận tình trạng 'B');

044. **LIÊN MINH TOÀN CẦU CQNQQG CÓ NHỮNG CHỨC NĂNG GÌ?**

Liên minh Toàn cầu CQNQQG (*GANHRI*), theo Điều lệ, có các chức năng chính là:

- Phối hợp ở cấp quốc tế hoạt động của các CQNQQG được thành lập phù hợp với Các Nguyên tắc Paris, bao gồm các hoạt động như: i) Tương tác và hợp tác với Liên Hợp Quốc, trong đó có OHCHR, Hội đồng Nhân quyền, các cơ chế của nó, các cơ quan nhân quyền theo điều ước của Liên Hợp quốc, cũng như các tổ chức quốc tế khác; ii) Hợp tác và phối hợp giữa các CQNQQG và các mạng lưới khu vực; iii) Truyền thông giữa các thành viên, với các bên liên quan, công chúng; iv) Phát triển kiến thức; v) Quản trị kiến

- thúc; vi) Phát triển các chủ trương, chính sách; các bản trình bày quan điểm; vii) Thực hiện các sáng kiến; viii) Tổ chức hội nghị.
- Thúc đẩy việc thành lập và tăng cường các CQNQQG phù hợp với Các Nguyên tắc Paris, bao gồm các hoạt động như: i) Công nhận thành viên mới; ii) Định kỳ kiểm định lại việc xếp hạng; iii) Kiểm định việc xếp hạng đặc biệt; iv) Hỗ trợ CQNQQG bị đe dọa; v) Khuyến khích việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật; vi) Bồi dưỡng và thúc đẩy các cơ hội giáo dục và đào tạo để phát triển và tăng cường năng lực của các CQNQQG;
 - Thực hiện các chức năng khác như được đề ra bởi các thành viên có quyền biểu quyết.

045. **CHỦ TỊCH LIÊN MINH TOÀN CẦU CQNQQG CÓ NHỮNG THẨM QUYỀN GÌ?**

Chủ tịch Liên minh Toàn cầu CQNQQG (*GANHRI*), theo Điều 49 của Điều lệ, có các thẩm quyền chỉ đạo công việc của Đại hội và Ban Quản trị *GANHRI* theo thẩm quyền đã được thực hành phát triển và theo chỉ dẫn bởi Đại hội. Chủ tịch cũng có quyền trình bày tại Hội đồng Nhân quyền, các cơ chế của nó, cơ quan điều ước của Liên Hợp quốc và, khi được mời, tại các tổ chức quốc tế khác:

- Thay mặt cho *GANHRI* về các chủ đề được ủy quyền bởi Đại hội *GANHRI* hoặc Ban Quản trị *GANHRI*;
- Thay mặt cho các cá nhân CQNQQG khi được họ ủy quyền;

- Về các vấn đề nhân quyền theo chủ đề để thúc đẩy chính sách được quyết định bởi một Đại hội, một cuộc họp hai năm một lần hoặc bởi Ban Quản trị GANHRI;
- Để thúc đẩy các mục tiêu của GANHRI nói chung.

046. **HIỆN NAY CÓ CÁC MẠNG LƯỚI CQNQQG CẤP KHU VỰC NÀO?**

Ở cấp khu vực (châu lục), hiện có bốn mạng lưới của các CQNQQG, bao gồm:

- Mạng lưới CQNQQG châu Phi (*Network of African National Human Rights Institutions - NANHRI*);
- Mạng lưới CQNQQG châu Mỹ (*Network of National Institutions in the Americas*);
- Diễn đàn Á châu Thái Bình Dương của các CQNQQG (*Asia Pacific Forum of National Human Rights Institutions - APF*);
- Mạng lưới CQNQQG châu Âu (*European Network of National Human Rights Institutions - ENNHRI*).

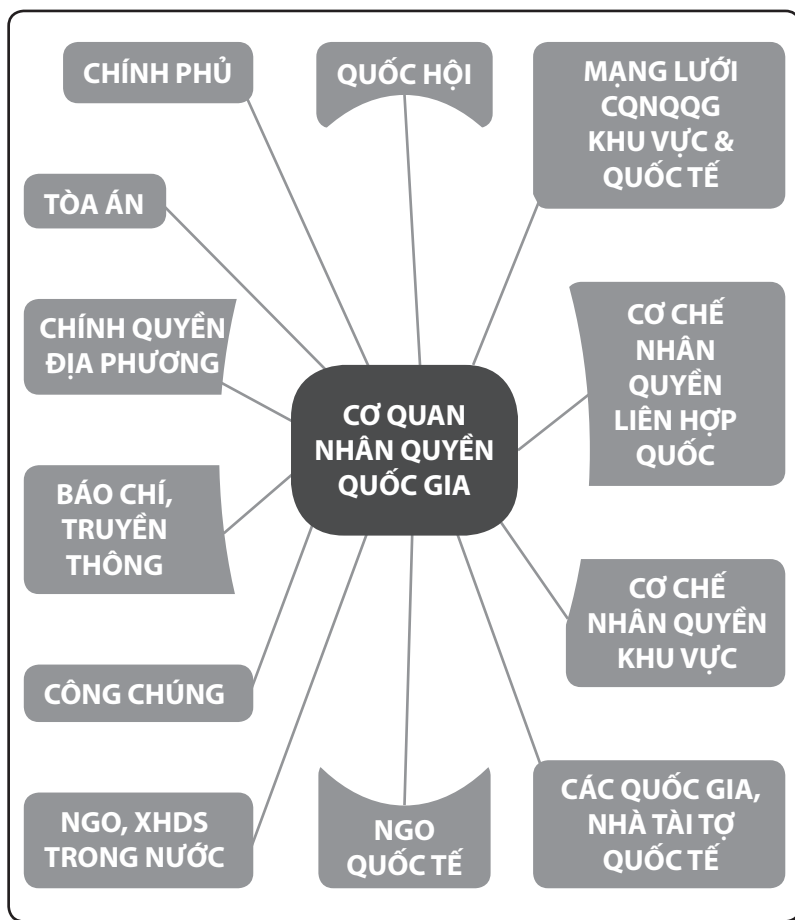
047. **CÁC MẠNG LƯỚI CQNQQG CẤP KHU VỰC THƯỜNG CÓ CÁC HOẠT ĐỘNG GÌ?**

Hoạt động của các Mạng lưới chủ yếu nhằm hỗ trợ việc nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của CQNQQG thành viên, thông qua các hoạt động như:

- Đánh giá, khảo sát năng lực, hiện trạng hoạt động, tìm ra những điểm mạnh và hạn chế của các CQNQQG, tư vấn phát triển tổ chức; hỗ trợ các thành viên trong thủ tục đề nghị công nhận phân hạng với GANHRI, thúc

đẩy việc đáp ứng các chuẩn mực quốc tế;

- Chia sẻ thông tin, đào tạo về kỹ năng, kiến thức chuyên môn cho thành viên; triển khai các sáng kiến, dự án, chương trình chuyên đề về các chủ đề nhân quyền (như phòng chống tra tấn, bình đẳng giới, quyền của một số nhóm yếu thế như LGBT, người dân tộc thiểu số...);
- Hỗ trợ kết nối với các tổ chức khu vực và quốc tế, tổ chức các diễn đàn, đối thoại để chia sẻ thực hành tốt giữa các CQNQQG trong và ngoài khu vực; thúc đẩy hợp tác, hỗ trợ các mạng lưới CQNQQG tiểu vùng (chẳng hạn như ASEAN hay Nam Á trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương);
- Vận động thúc đẩy sự quan tâm, tạo điều kiện của các cơ quan Liên Hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác (bao gồm các nhà tài trợ) đối với các CQNQQG; hoàn thiện thể chế, hệ thống chuẩn mực, tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của CQNQQG;
- Ra báo cáo thường niên về hoạt động của mình, bao gồm báo cáo tài chính, gửi đến các thành viên, GANHRI và các tổ chức quan tâm.



Sơ đồ minh họa một số mối quan hệ chính của CQNQQG.

TIẾN TRÌNH CHUẨN BỊ HÌNH THÀNH, THIẾT LẬP VÀ Củng cố

048. **VIỆC THÀNH LẬP CQNQQG DIỄN RA TRONG BỐI CẢNH NÀO THÌ THUẬN LỢI?**

Hoàn cảnh, hay cụ thể hơn là bối cảnh chính trị, khi hình thành các CQNQQG tại các nước có thể phân chia thành ba nhóm chính như sau:

- Quốc gia đã là một nền dân chủ trưởng thành, về cơ bản đã có truyền thống tôn trọng các quyền con người (như các nước Tây Âu, Bắc Mỹ); việc thành lập CQNQQG chỉ củng cố thêm các cơ chế bảo vệ quyền, cơ quan nhân quyền thường được thiết lập bằng một đạo luật;
- Quốc gia vừa mới chuyển đổi sang chế độ dân chủ (như các nước Đông Âu, châu Mỹ Latinh, Nam Phi, Philippin, Hàn Quốc, Mông Cổ vào những thập niên 1980 và 1990), cần có các thiết chế để chống lại những vi phạm như đã xảy ra trong quá khứ có thể lặp lại; việc thành lập CQNQQG thường được bảo đảm bằng hiến pháp; Quốc gia thiếu tự do, nhưng chịu áp lực phê phán từ bên ngoài về hồ sơ nhân quyền kém cỏi, thành lập CQNQQG để chứng minh nhà nước có hành động để cải thiện tình hình; khuôn khổ pháp lý thường chỉ

là quyết định của Bộ trưởng, Tổng thống hoặc một đạo luật (ví dụ như hoàn cảnh ra đời của cơ quan nhân quyền tại Cameroon, Nigeria, Mexico...).

Hai bối cảnh chính trị đầu tiên sẽ thuận lợi hoặc tương đối thuận lợi cho việc thành lập CQNQQG. Trong khi ở bối cảnh thứ ba, khi một quốc gia chưa có tự do và dân chủ, động cơ thiết lập cơ chế nhân quyền chủ yếu do áp lực từ bên ngoài, thì việc thành lập CQNQQG sẽ đối diện với nhiều rủi ro.

Một số quan điểm cho rằng một quốc gia sẽ chưa sẵn sàng cho việc thành lập CQNQQG khi hoạt động của xã hội dân sự bảo vệ nhân quyền còn quá yếu và chính quyền chưa thực sự muốn cải thiện tình hình một cách thực chất. Ngược lại, nhiều người lại cho rằng cùng với tiến trình hoạt động, các cơ quan này mới tích lũy được kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng, là những yếu tố không thể thiếu nếu muốn hoạt động hiệu quả, dù nó có thể chưa hiệu quả ngay từ đầu.



Tổng thống Hàn Quốc Kim Dea-Jung (1998-2003), vốn là cựu tù nhân chính trị, người đã đưa ra cam kết thành lập Ủy ban Nhân quyền quốc gia từ khi tranh cử tổng thống năm 1997; Ủy ban Nhân quyền quốc gia Hàn Quốc (thành lập năm 2001).

049. **TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN MỘT CQNQQG PHẢI TRẢI QUA CÁC GIAI ĐOẠN NÀO?**

Tiến trình phát triển của một CQNQQG có thể được chia thành 3 giai đoạn chính là:

- **Giai đoạn chuẩn bị thành lập** (trước khi thành lập);
- **Giai đoạn thành lập**: quan tâm đồng thời đến nhiều thành tố, gồm việc thiết lập cơ sở hạ tầng, phát triển tổ chức, quản trị tri thức, quản lý tài chính, xây dựng năng lực làm việc về quyền con người;
- **Giai đoạn củng cố**: tiếp tục mở rộng, phát triển những thành tố đã hình thành ở giai đoạn trước (mở rộng văn phòng, có thêm chi nhánh/văn phòng địa phương, mở rộng quan hệ với các đối tác và các cộng đồng dân cư, vận động tài chính, tăng cường năng lực...).

Các hoạt động trong mỗi giai đoạn trên sẽ được làm rõ thêm trong phần tiếp theo.

050. **CẦN LÀM NHỮNG GÌ TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ THÀNH LẬP CQNQQG?**

Trong giai đoạn chuẩn bị thành lập CQNQQG, nhà nước và các chủ thể liên quan cần tiến hành một số hoạt động sau:

- Đánh giá bối cảnh quốc gia;
- Tạo sự đồng thuận xã hội về sự cần thiết của CQNQQG;
- Lựa chọn mô hình;
- Soạn thảo khuôn khổ pháp lý;
- Phát triển năng lực ban đầu.

Các hoạt động cấu thành trên sẽ được làm rõ thêm trong các câu tiếp theo.

051. **KHI ĐÁNH GIÁ BỐI CẢNH QUỐC GIA ĐỂ CHUẨN BỊ THÀNH LẬP CQNNQG CẦN QUAN TÂM ĐẾN NHỮNG YẾU TỐ NÀO?**

Khi đánh giá bối cảnh quốc gia để chuẩn bị thành lập CQNNQG, theo Liên Hợp quốc, nhà nước và các chủ thể liên quan cần đặc biệt quan tâm đến những yếu tố sau:

- **Quyết tâm chính trị:** ý chí chính trị của những người lãnh đạo quốc gia có vai trò quan trọng, họ có thể ủng hộ hoặc cho rằng việc thành lập CQNNQG là không cần thiết, hay chưa đến lúc, dù có các khuyến nghị về việc thành lập, khá phổ biến là được đưa ra tại cơ chế UPR;
- **Văn hóa nhân quyền:** sẽ dễ dàng hơn để nhà nước thành lập CQNNQG trong bối cảnh văn hóa nhân quyền mạnh mẽ, với những thói quen đối thoại, tranh luận đã hiện diện; ngược lại, CQNNQG cũng sẽ có vai trò đáng kể để thúc đẩy văn hóa nhân quyền;
- **Hệ thống tư pháp:** hệ thống tòa án hoạt động hiệu quả, tôn trọng pháp quyền có vai trò quan trọng đối với sự thành công của CQNNQG; điều này đặc biệt liên quan đến các CQNNQG có thẩm quyền bán tư pháp, vì nếu tòa án hoạt động không hiệu quả, CQNNQG rất khó khăn trong việc đưa các vụ việc ra tòa hoặc thông qua tòa án cưỡng chế thi hành phán quyết;
- **Ổn định chính trị:** một quốc gia đang diễn ra hoặc vừa trải qua xung đột sẽ khó thành lập CQNNQG, bởi lẽ

chính thành viên của cơ quan này cũng khó bảo vệ an toàn của bản thân họ, chứ chưa nói đến việc bảo vệ những người khác; tuy nhiên, khả năng thành lập cao hơn tại những nơi có xung đột mức độ không gay gắt, hoặc chỉ ở phạm vi địa phương.

052. ĐỂ TẠO RA SỰ ĐỒNG THUẬN XÃ HỘI VỀ CQNQQG CẦN QUAN TÂM ĐẾN NHỮNG YẾU TỐ NÀO?

Để tạo ra sự đồng thuận xã hội (*national consensus*) và gia tăng sự chấp thuận của công chúng đối với CQNQQG cần có một tiến trình tham vấn trên toàn quốc.

Một yếu tố quan trọng là sự đồng thuận cần có từ bên trong các cơ quan nhà nước, việc thành lập CQNQQG đòi hỏi các cơ quan nhà nước chấp nhận việc mình sẽ trở thành người nhận các khiếu nại, phê phán về vi phạm quyền con người và phải có phản hồi đầy đủ.

Việc mời gọi, cuốn hút nhiều bên liên quan, cả quốc gia và quốc tế, tham gia vào tiến trình tham vấn quốc gia sẽ thể hiện thực tâm của nhà nước trong việc thành lập CQNQQG tuân thủ các nguyên tắc quốc tế. Sự tham gia của các bên sẽ giúp cho nhà nước bảo đảm tính độc lập của thể chế, bảo đảm độ tin cậy của cơ quan trong tương lai. Tuy nhiên, để việc tham gia có thực chất, cần có đủ thời gian và không gian cho các bên liên quan, họ phải được hỗ trợ thông qua một số khía cạnh như:

- Dự thảo các văn kiện được gửi đến các bên trước khi họp tham vấn;
- Những người được tham vấn có đủ thời gian để chuẩn bị;

- Đại diện của các tổ chức đến từ địa phương được hỗ trợ đi lại, ăn ở;
- Thời gian họp được phân bổ thích đáng, có đủ thời gian để thảo luận;
- Khi tiến hành tham vấn, sự tham gia tích cực cần được khuyến khích, động viên, không để số ít người có diễn đàn;
- Mời các phương tiện truyền thông đại chúng tham gia;
- Sau khi tổ chức tham vấn, một báo cáo tham vấn, tóm tắt các kết quả một cách khách quan, được hoàn thiện và chia sẻ...

053. GIAI ĐOẠN THÀNH LẬP CQQNQG CẦN QUAN TÂM ĐẾN NHỮNG YẾU TỐ GÌ?

Trong giai đoạn thành lập CQQNQG, nhà nước và các chủ thể liên quan cần quan tâm đến những yếu tố sau:

- Cơ sở hạ tầng cơ bản;
- Phát triển tổ chức;
- Quản trị tri thức;
- Năng lực tài chính;
- Năng lực về nhân quyền.

Những câu hỏi đáp tiếp theo sẽ làm rõ thêm nội hàm của các yếu tố này.

054. CƠ SỞ HẠ TẦNG CƠ BẢN CỦA CQQNQG GỒM NHỮNG THÀNH TỐ NÀO?

Cơ sở hạ tầng cơ bản của CQQNQG gồm những thành

tổ sau đây:

- **Trụ sở:** việc sở hữu trụ sở, không phải chi trả tiền phí thuê hàng năm sẽ giúp cơ quan có thêm ngân sách dành cho các hoạt động khác; trụ sở tại địa điểm dễ đi lại cho người dân, bao gồm những người khuyết tật, cũng là một thành tố quan trọng bảo đảm khả năng dễ tiếp cận; trụ sở cũng nên tách khỏi văn phòng của các cơ quan nhà nước khác để bảo đảm sự độc lập;
- **Phương tiện đi lại:** các cán bộ của cơ quan cần có sự dịch chuyển linh hoạt đến với các cộng đồng để có thể tập huấn, giáo dục công chúng, xem xét khiếu nại..., do đó cần có đủ các phương tiện như ô-tô, xe máy...;
- **Phương tiện truyền thông:** bao gồm điện thoại, máy fax...;
- **Cơ sở thông tin, dữ liệu, công nghệ thông tin:** bao gồm máy vi tính, các phần cứng lưu trữ dữ liệu, phần mềm, tường lửa và các kỹ thuật bảo mật, an toàn thông tin...



Chủ tịch Ủy ban Nhân quyền Australia Gillian Triggs; một ấn phẩm do Ủy ban xuất bản dành cho trẻ em.

055. **PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC CỦA CQNNQG GỒM NHỮNG THÀNH TỐ NÀO?**

Phát triển tổ chức của CQNNQG gồm những thành tố sau đây:

- **Lãnh đạo:** việc bổ nhiệm thành viên và lãnh đạo tổ chức, phân định rõ vai trò, thẩm quyền giữa các lãnh đạo, cơ chế ra quyết định; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản lý...
- **Kế hoạch chiến lược:** xác định các hoạt động ưu tiên, trong sự cân đối với các nguồn lực vật chất và nhân sự, cũng như bối cảnh của tổ chức;
- **Cấu trúc tổ chức:** phân chia thành các đơn vị (phòng, ban) theo các lĩnh vực hoạt động; xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi cấp; bảo đảm trách nhiệm giải trình của người điều hành, quản lý tổ chức;
- **Nguồn nhân lực:** chính sách tuyển dụng, thăng tiến, điều kiện lao động và các chế độ đối với người lao động; chính sách bình đẳng giới, đào tạo và phát triển nghề nghiệp; phương thức đánh giá kết quả hoạt động...

Cấu trúc, tổ chức nội bộ của CQNNQG các nước rất đa dạng. Chẳng hạn, bộ máy của Ủy ban Nhân quyền Malaysia được chia thành 7 ban (Division), bao gồm: Ban Chính sách, Ban Điều ước và cải cách pháp luật, Ban Khiếu nại và Giám sát, Ban Hợp tác quốc tế, Ban Thúc đẩy và quan hệ công chúng, Ban Truyền thông và Ban Đào tạo. Trong khi, Ủy ban Nhân quyền Hàn Quốc bao gồm 5 ban (Committee), bao gồm: Ban các Ủy

viên thường trực, Ban Xác minh các vi phạm nhân quyền 1 và 2, Ban Cơ chế chống phân biệt đối xử và Ban Chống phân biệt đối xử đối với người khuyết tật.

056. **QUẢN TRỊ TRI THỨC CỦA CQQNQG**

GỒM NHỮNG THÀNH TỐ NÀO?

Quản trị tri thức của CQQNQG gồm những thành tố sau đây:

- **Hệ thống thông tin:** các cơ sở vật chất, kỹ thuật như phần mềm quản lý dữ liệu, các công cụ quản lý hồ sơ vụ việc; cần có sự phối hợp giữa cán bộ chuyên môn nhân quyền với chuyên gia về công nghệ thông tin trong việc hình thành hệ thống này;
- **Quản trị thông tin, lưu trữ thông tin:** bảo đảm khả năng tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dữ liệu đã được tạo lập, tập hợp, cũng như sử dụng hệ thống thông tin mang lại hiệu quả, sự hữu dụng trong công tác;
- **Nghiên cứu, tạo ra tri thức, sử dụng tri thức:** dựa trên các dữ liệu, thông tin đã có tiến hành phân tích, so sánh, nghiên cứu để phát hiện các kết quả, hình thành nên các giải pháp giải quyết vấn đề nhân quyền; chất lượng nghiên cứu sẽ phụ thuộc rất lớn vào sự sẵn có, cũng như độ tin cậy, của số liệu thống kê (nhìn chung tại các quốc gia đang phát triển hệ thống thống kê có nhiều bất cập, đôi khi số liệu đã có nhưng nằm tại nhiều cơ quan khác nhau mà chưa được tập hợp về cơ quan đầu mối); nên có sự so sánh với số liệu của các tổ chức quốc tế, như của Liên Hợp quốc;

- **Đánh giá:** xem xét ảnh hưởng của các chương trình của tổ chức đối việc phát triển thể chế, năng lực nội bộ.

057. **NĂNG LỰC NHÂN QUYỀN CỦA CQQNQG GỒM NHỮNG THÀNH TỐ NÀO?**

Năng lực nhân quyền của CQQNQG thể hiện ở khả năng phát triển, duy trì các cơ chế nhận, giải quyết, điều tra các khiếu nại; triển khai các hoạt động thúc đẩy quyền...Nhìn chung có thể xem xét năng lực của tổ chức từ các lĩnh vực hoạt động bao gồm:

- **Bảo vệ:** bảo vệ nhân chứng, người bảo vệ nhân quyền; điều tra và giải quyết khiếu nại; quản lý các vụ việc (đầu vào, đầu ra);
- **Thúc đẩy:** một số CQQNQG, do quá tập trung vào các hoạt động bảo vệ, có xu hướng không quan tâm đến hoạt động thúc đẩy (thiết kế, triển khai các chương trình giáo dục, đào tạo; biên soạn giáo trình, tài liệu; phổ biến thông tin, khuyến nghị của cơ quan...);
- **Tương tác** với hệ thống nhân quyền quốc tế (khu vực và Liên Hợp quốc); Tư vấn cho Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan nhà nước khác;
- **Khả năng cuốn hút** sự tham gia của các chủ thể (cơ quan nhà nước, xã hội dân sự, báo chí, truyền thông, các cộng đồng dân cư...).

CHƯƠNG 2

CƠ QUAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI



CHÂU Á-THÁI BÌNH DƯƠNG

058. **KHU VỰC ASEAN HIỆN CÓ BAO NHIÊU NƯỚC CÓ CQNQQG?**

Trong số 10 quốc gia thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), đến nay đã có 5 nước có CQNQQG là Indonesia, Malaysia, Myanmar, Philippin và Thái Lan.

Nhìn chung, về căn cứ pháp lý, CQNQQG của các quốc gia này đều được thiết lập bởi Hiến pháp hoặc luật. Về thẩm quyền, các cơ quan có thẩm quyền khá rộng, bao gồm việc nhận các khiếu nại và tiến hành điều tra, giải quyết. Nếu tính cả Timor Leste, quốc gia đang thực hiện thủ tục gia nhập ASEAN, thời điểm các nước trong khu vực thành lập CQNQQG là:

- 1987: Philippin (NHRCP)
- 1993: Indonesia (Komnas HAM)
- 2000: Malaysia (SUHAKAM)
- 2001: Thái Lan (NHRCT)
- 2004: Timor Leste (Ombudsman)
- 2011: Myanmar (MNHRC).

059. **ỦY BAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA CỦA INDONESIA ĐƯỢC THÀNH LẬP KHI NÀO?**

Ủy ban Nhân quyền quốc gia Indonesia (*Komisi Nasional Hak Asasi Manusia Indonesia* - gọi tắt là Komnas HAM) được

thành lập vào ngày 7/7/1993, theo Sắc lệnh số 50 của Tổng thống về Ủy ban Nhân quyền quốc gia Indonesia.

Năm 1998, do khủng hoảng kinh tế nặng nề và áp lực đến từ người dân, đặc biệt là phong trào biểu tình của giới sinh viên, Tổng thống Suharto phải tuyên bố từ chức. Sau ba thập niên cầm quyền của nhà độc tài, Indonesia chuyển đổi sang chế độ dân chủ. Địa vị pháp lý của Komnas HAM được củng cố bởi Luật số 39 năm 1999 về nhân quyền. Theo Khoản 7 Điều 1 Luật này, Komnas HAM là một “cơ quan độc lập, có địa vị ngang bằng với các cơ quan nhà nước khác và có chức năng triển khai nghiên cứu, giáo dục, giám sát và giải quyết tranh chấp về nhân quyền”.

060. ỦY BAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA CỦA INDONESIA CÓ THẨM QUYỀN GÌ?

Theo Luật số 39/1999, Komnas HAM có địa vị pháp lý tương đối mạnh, với những chức năng và nhiệm vụ như sau:

- a) Thúc đẩy các điều kiện thực thi quyền con người phù hợp với Hiến pháp 1945 của Indonesia, Hiến chương Liên Hợp Quốc, Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền;
- b) Thúc đẩy việc bảo vệ các quyền con người cho mọi người dân Indonesia để giúp họ tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ngoài ra Luật số 39/1999 cũng trao cho Komnas HAM quyền triệu tập đương sự (*sub - poena*) để giải quyết các vụ vi phạm nhân quyền.

Komnas HAM được tăng thêm quyền lực theo Luật số 26 năm 2000 về Tòa án Nhân quyền. Luật này chỉ định Komnas

HAM làm cơ quan duy nhất có thẩm quyền điều tra các vụ vi phạm nhân quyền hàng loạt, bao gồm cả diệt chủng và tội ác chống nhân loại.

061. ỦY BAN NHÂN QUYỀN CỦA MALAYSIA, ĐƯỢC THÀNH LẬP KHI NÀO?

Ủy ban Nhân quyền của Malaysia (SUHAKAM) được thành lập bởi Quốc hội theo Luật về Ủy ban Nhân quyền Malaysia 1999 (Luật số 597), chính thức đi vào hoạt động từ ngày 24/4/2000. Sáng kiến thành lập cơ quan nhân quyền quốc gia Malaysia được khởi đầu với việc Malaysia tham gia tích cực với tư cách thành viên của Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp Quốc (UNCHR) giai đoạn 1993 - 1995, thời điểm mà Hội đồng Kinh tế - Xã hội bầu chọn quốc gia làm thành viên Ủy ban. Năm 1995, trưởng đoàn Malaysia, ngài Tan Sri Dato' Musa bin Hitam, được bầu làm Chủ tịch khóa 52 của UNCHR

Tháng 7 năm 1999, Chính phủ Malaysia đệ trình dự thảo thành lập Ủy ban Nhân quyền ra trước Quốc hội. Dự thảo này được xây dựng phù hợp với Các Nguyên tắc Paris 1992 và trên cơ sở tham khảo các cơ chế nhân quyền quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Ngày 3/4/2000, Chính phủ thông báo việc bổ nhiệm Chủ tịch đầu tiên của SUHAKAM, ngài Tan Sri Dato' Musa bin Hitam, và 12 thành viên khác của Ủy ban cho nhiệm kỳ hai năm. Việc bổ nhiệm được thực thi bởi Quốc vương Yang DiPertuan Agong theo kiến nghị của Thủ tướng. Mặc dù Luật về Ủy ban Nhân quyền Malaysia cho phép bổ nhiệm số thành viên lên đến 20 người, nhưng trong giai đoạn đầu chỉ có 13 thành viên. Để thực

hiện các chức năng và nhiệm vụ một cách hiệu quả, nhiều nhóm công tác được Ủy ban thành lập, tập trung vào các lĩnh vực như giáo dục, cải cách pháp luật, các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, giải quyết khiếu nại.



Các Logo CQNQQG của Indonesia, Myanmar, Malaysia và Thái Lan.

062. **ỦY BAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA MYANMAR ĐƯỢC THÀNH LẬP KHI NÀO?**

Tháng 9 năm 2007, cuộc biểu tình lớn của các nhà sư diễn ra tại Myanmar thu hút sự quan tâm lớn của cộng đồng quốc tế. Tháng 5 năm 2008, bản Hiến pháp mới được thông qua, với cuộc trưng cầu dân ý, như một bước tiến trên “lộ trình dân chủ” được Hội đồng Hòa bình và Phát triển quốc gia (SPDC) đưa ra vào năm 2003. Căn cứ vào bản hiến pháp mới này, cuộc tổng tuyển cử đã được tổ chức vào ngày 7 tháng 11 năm 2010.

Năm 2011, cùng với xu thế dân chủ hóa, Tổng thống Thein Shein ra Thông báo số 34/2011, ngày 5/9/2011, thành lập Ủy ban Nhân quyền quốc gia Myanmar (*Myanmar National Human*

Rights Commission - MNHRC) nhằm thúc đẩy việc thực thi các quyền được ghi nhận trong Hiến pháp. Ủy ban, với 15 thành viên, có thẩm quyền nhận các khiếu nại về vi phạm quyền cơ bản của công dân.

Tuy nhiên, đến ngày 28/3/2014, Nghị viện Myanmar thông qua Luật về Ủy ban Nhân quyền quốc gia (*National Human Rights Commission Law, 2014*). Ủy ban Nhân quyền trước đó, thành lập theo Thông báo số 34/2011, bị bãi bỏ. Ủy ban Nhân quyền quốc gia Myanmar mới, gồm 11 thành viên (bao gồm 2 nữ), được thành lập.

063. ỦY BAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA PHILIPPIN ĐƯỢC THÀNH LẬP KHI NÀO?

Tháng 2 năm 1986, cuộc Cách mạng dân chủ đã lật đổ chế độ độc tài của Ferdinand Marcos (Tổng thống 21 năm, 1965 – 1986). Chế độ dân chủ được tái lập tại Philippin, Corazon Aquino, ngọn cờ đầu của phong trào dân chủ, được bầu làm Tổng thống thứ 11, nữ Tổng thống đầu tiên ở châu Á.

Hiến pháp mới (thông qua năm 1987) được Tổng thống thúc đẩy biên soạn với nhiều nội dung tiến bộ, giới hạn quyền lực của Tổng thống, tái lập Nghị viện gồm 2 viện, quy định về nhiều quyền con người và Ủy ban Nhân quyền quốc gia (Điều XIII). Theo Mục 17 Điều này, Ủy ban sẽ gồm một Chủ tịch và bốn thành viên là công dân sinh ra tại Philippin và đa số họ phải là thành viên của đoàn luật sư. Nhiệm kỳ công tác, bằng cấp và việc miễn nhiệm các thành viên của Ủy ban được pháp luật quy định cụ thể.

064. **ỦY BAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA PHILIPPIN** **CÓ NHỮNG THẨM QUYỀN GÌ?**

Theo Mục 18 Điều XIII của Hiến pháp 1987, Ủy ban Nhân quyền Philippin có các quyền hạn và chức năng chính sau đây:

- Điều tra, tự mình khởi động hoặc theo khiếu nại bởi bất kỳ chủ thể nào, tất cả các hình thức vi phạm các quyền dân sự và chính trị;
- Đưa ra những biện pháp pháp lý phù hợp để bảo vệ các quyền con người của tất cả mọi người trong lãnh thổ Philippin cũng như người Philippin ở nước ngoài, đồng thời đưa ra các biện pháp phòng chống và những dịch vụ trợ giúp pháp lý cho các đối tượng thiệt thòi mà nhân quyền bị vi phạm hoặc cần được bảo vệ; Thực thi quyền thanh tra các nhà tù, trại giam, các cơ sở giam giữ;
- Thiết lập một chương trình liên tục nghiên cứu, giáo dục, thông tin để nâng cao sự tôn trọng quyền con người;
- Khuyến nghị Quốc hội đưa ra các biện pháp hiệu quả để thúc đẩy quyền con người và cung cấp bồi thường cho nạn nhân của hành vi vi phạm các quyền con người, hoặc gia đình họ;
- Giám sát sự tuân thủ của Chính phủ về các nghĩa vụ theo điều ước nhân quyền quốc tế;
- Quyết định miễn tố cho bất kỳ người nào có lời khai hoặc có các tài liệu hoặc chứng cứ khác cần thiết hoặc thuận tiện để xác định sự thật trong bất kỳ điều tra

được tiến hành hoặc thuộc thẩm quyền Ủy ban;

- Yêu cầu sự trợ giúp của bất kỳ Bộ, ban, văn phòng, hoặc cơ quan nào khi thực hiện chức năng của mình...

065. ỦY BAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA THÁI LAN

ĐƯỢC THÀNH LẬP KHI NÀO?

Ủy ban Nhân quyền quốc gia Thái Lan có nền tảng hiến định là Điều 199 và 200 của Hiến pháp 1997, và chính thức được thành lập vào tháng 7 năm 2001. Nhóm các thành viên Ủy ban đầu tiên hoạt động giai đoạn 24/6/2001 đến 13/7/2009.

Sau cuộc đảo chính năm 2006, Hiến pháp 2007 Thái Lan tiếp tục quy định về Ủy ban Nhân quyền Quốc gia tại các Mục 256 và 257. Theo đó, Ủy ban bao gồm Chủ tịch và 6 thành viên khác được bổ nhiệm bởi Nhà vua với sự cố vấn của Thượng viện, từ những người có kiến thức và kinh nghiệm trong việc bảo vệ các quyền và tự do của người dân, có sự quan tâm đến sự tham gia của đại diện các tổ chức tư nhân trong lĩnh vực quyền con người. Thành viên Ủy ban Nhân quyền Quốc gia có nhiệm kỳ 6 năm kể từ ngày được bổ nhiệm bởi Nhà vua và chỉ làm việc một nhiệm kỳ. Nhóm các thành viên Ủy ban thứ hai hoạt động từ ngày 25/6/2009 đến 19/11/2015.

Mặc dù sau cuộc đảo chính gần đây nhất, Hiến pháp 2007 đã bị Hội đồng Hòa bình và trật tự quốc gia (*National Council for Peace and Order – NCPO*, dưới sự lãnh đạo của Tướng Prayuth Chan-ocha lãnh) đình chỉ vào ngày 22/5/2014, trừ một số quy định liên quan đến cơ quan hiến định độc lập, bao gồm Ủy ban Nhân quyền. Nhóm thành viên Ủy ban thứ ba, gồm Chủ tịch và 6 thành viên được bổ nhiệm bởi Nhà vua

vào ngày 20/11/2015, sẽ kết thúc nhiệm kỳ 6 năm vào ngày 19/11/2021.

Cuối năm 2015, Tiểu ban Xếp hạng (SCA) của ICC, sau khi đã nhắc nhở Thái Lan cần điều chỉnh để tuân thủ đúng Các Nguyên tắc Paris trong vòng một năm (từ tháng 10 năm 2014), đã đánh tụt hạng Ủy ban Nhân quyền của quốc gia này từ hạng A xuống hạng B.

066. ỦY BAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA THÁI LAN

CÓ NHỮNG THẨM QUYỀN GÌ?

Những quyền hạn chính của Ủy ban Nhân quyền Quốc gia Thái Lan, theo Hiến pháp 2007, với một số thẩm quyền bổ sung so với Hiến pháp 1997, bao gồm:

- Giám sát và báo cáo về những hành động, sự bỏ mặc dẫn đến vi phạm các quyền con người hoặc không phù hợp với nghĩa vụ theo các điều ước quốc tế mà Thái Lan là thành viên, và những biện pháp đền bù thích hợp. Trong những vụ việc mà không có sự hợp tác của các cơ quan có liên quan, Ủy ban sẽ báo cáo đến Quốc hội để thực hiện các bước tiếp theo;
- Chuyển các vụ việc, cùng với quan điểm của mình, đến Tòa án Hiến pháp, Tòa án Hành chính, khi đồng tình với khiếu nại của một nguyên đơn về một quyết định, hành vi ảnh hưởng đến nhân quyền, và đề nghị phán quyết về tính hợp hiến hoặc tính phù hợp với luật của quyết định đó;
- Khởi kiện tại Tòa án Tư pháp, đại diện cho người bị vi phạm quyền, khi người bị vi phạm có quyền yêu cầu

và thấy phù hợp để tìm một giải pháp cho vi phạm nhân quyền đối với công chúng nói chung, theo như luật định;

- Đề xuất các chính sách và khuyến nghị đến Quốc hội hoặc Chính phủ về việc sửa đổi luật và pháp lệnh nhằm thúc đẩy, bảo vệ các quyền con người; Thúc đẩy hợp tác và điều phối giữa các cơ quan chính quyền, tổ chức tư nhân và những tổ chức khác trong lĩnh vực quyền con người;
- Soạn thảo một báo cáo hàng năm để đánh giá tình hình quyền con người trong nước và nộp cho Quốc hội;
- Có quyền yêu cầu cung cấp tài liệu hoặc chứng cứ từ bất kỳ người nào, triệu tập bất kỳ ai đến để trình bày thông tin để thực thi nhiệm vụ theo luật định.



Một phiên họp của Ủy ban Nhân quyền Quốc gia Thái Lan, tháng 7/2011, với các bên liên quan để xem xét khiếu nại của Chủ nhiệm Khoa Luật - Kittibodi Yaipool (góc bên phải ảnh) đối với Đại học Khon Kaen vì sa thải ông không hợp pháp.

067. **CƠ CHẾ HỢP TÁC GIỮA CÁC CQNQQG TRONG KHU VỰC ASEAN HIỆN NAY NHƯ THẾ NÀO?**

Năm 2007, Hiến chương ASEAN được thông qua, xác định rõ một trong các mục tiêu của tổ chức là “...thúc đẩy và bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của con người” (Điều 17). Hiến chương cũng khẳng định ASEAN và những quốc gia thành viên phải hành động phù hợp với các nguyên tắc “tuân thủ pháp quyền, quản trị tốt, các nguyên tắc dân chủ và chính phủ hợp hiến; tôn trọng các tự do cơ bản và thúc đẩy bảo vệ nhân quyền, thúc đẩy công lý xã hội”. Tháng 10/2010, Ủy ban liên chính phủ ASEAN về Nhân quyền (*ASEAN Intergovernmental Commission on Human Rights - AICHR*) đã được thành lập. Đến nay, đã có ba cơ chế bảo vệ nhân quyền cấp khu vực là AICHR, Ủy ban thực hiện Tuyên bố ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy các quyền của người lao động di trú (ACMW) và Ủy ban thúc đẩy và bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC). Những tiến triển này rất thuận lợi cho sự hợp tác về nhân quyền giữa các quốc gia.

Hiện nay, bên cạnh các hoạt động song phương, cơ chế hợp tác chính của các CQNQQG khu vực là Diễn đàn CQNQQG Đông Nam Á (*South East Asia National Human Rights Institution Forum- SEANF*). Diễn đàn có nhiều hình thức hỗ trợ trao đổi kinh nghiệm, thông tin giữa các tổ chức thành viên. Hàng năm Diễn đàn tổ chức các cuộc họp mặt.



*Một phiên điều trần công khai do Komnas HAM tổ chức (Jakarta, Indonesia);
Hội nghị thường niên thứ 13 của Diễn đàn CQNQQG Đông Nam Á, ngày 27 -
28/9/2016, tại Nay Pyi Taw, Myanmar.*

068. ỦY BAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA CỦA ẤN ĐỘ ĐƯỢC THÀNH LẬP TỪ KHI NÀO?

Ấn Độ giành được độc lập từ thực dân Anh vào năm 1949. Hệ thống pháp luật của quốc gia này chịu ảnh hưởng sâu sắc của pháp luật và hệ thống tư pháp Anh. Đến nay, với dân số khoảng 1,3 tỷ người, Ấn Độ được coi là nền dân chủ lớn nhất thế giới.

Năm 1993, Quốc hội Ấn Độ thông qua Luật Bảo vệ Nhân quyền, thành lập nên Ủy ban Nhân quyền quốc gia Ấn Độ (NHRC). Thành phần Ủy ban bao gồm Chủ tịch là Chánh án Tòa án Tối cao nghỉ hưu, 1 thành viên đang hoặc đã từng là thẩm phán Tòa án Tối cao, 1 thành viên đang hoặc đã từng là Chánh án của một Tòa án cấp cao, 2 thành viên có kiến thức hoặc kinh nghiệm về các vấn đề quyền con người. Cạnh đó, 4 chủ tịch của 4 ủy ban quốc gia (về người thiểu số, về phụ nữ, về đẳng cấp và về sắc tộc) cũng là thành viên của Ủy ban Nhân quyền.

069. **ỦY BAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA CỦA ẤN ĐỘ CÓ NHỮNG THẨM QUYỀN GÌ?**

Ủy ban Nhân quyền quốc gia Ấn Độ (NHRC), theo Điều 12, Luật Bảo vệ Nhân quyền năm 1993 (sửa đổi năm 2006), có các chức năng chính sau đây:

- Chủ động hoặc theo yêu cầu điều tra các vi phạm nhân quyền hoặc các tình trạng thiếu trách nhiệm nhằm ngăn chặn vi phạm bởi các công chức;
- Tham gia tranh tụng tại tòa án về các vấn đề nhân quyền;
- Đến thăm các trại giam, cơ sở giam giữ của các tiểu bang để xem xét tình trạng giam giữ;
- Rà soát các tiêu chuẩn bảo vệ quyền trong Hiến pháp và luật hiện hành, và đề xuất các biện pháp để thực thi hiệu quả;
- Rà soát các yếu tố gây cản trở cho quyền con người, bao gồm các hành động khủng bố, và đề xuất các biện pháp để cải thiện;
- Nghiên cứu các điều ước và văn kiện nhân quyền, và đề xuất các khuyến nghị để thực thi hiệu quả chúng;
- Thực hiện và thúc đẩy các nghiên cứu trong lĩnh vực quyền con người;
- Tham gia giáo dục quyền con người, thúc đẩy nhận thức về các cơ chế bảo vệ quyền thông qua các xuất bản phẩm, phương tiện truyền thông và các phương tiện khác;
- Khuyến khích nỗ lực của các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực quyền con người.

NHRC có tạp chí riêng với nhiều bài nghiên cứu tốt.

070. **ỦY BAN NHÂN QUYỀN HÀN QUỐC ĐƯỢC THÀNH LẬP TỪ KHI NÀO?**

Từ cuối thập niên 1980, Hàn Quốc dần chuyển đổi sang chế độ dân chủ. Kể từ năm 1993, sau khi một nhóm hoạt động nhân quyền tham gia Hội nghị Thế giới về nhân quyền tại Viên, Áo, việc vận động thành lập một CQNQQG đã được khởi động. Trong những năm sau đó, thành lập CQNQQG được nêu lên trong kế hoạch của nhiều tổ chức xã hội và đảng chính trị. Sau khi Kim Dea Jung lên làm Tổng thống vào năm 1998, ông nỗ lực thực hiện cam kết trước đó của mình về việc thành lập Ủy ban nhân quyền. Ủy ban Nhân quyền Hàn Quốc đã được thành lập vào tháng 11/2001, theo Luật Ủy ban Nhân quyền quốc gia được Quốc hội thông qua.

Ủy ban gồm có 11 thành viên (4 người do Quốc hội bầu, 4 người được Tổng thống đề cử, 3 người được Chánh án Tòa án Tối cao đề cử). Chủ tịch Ủy ban được Tổng thống bổ nhiệm trong số các ủy viên. Ủy ban có khoảng 150 nhân viên hành chính. Điều khá lý thú là Ủy ban tự xác định về bản sắc “quốc tế”, bên cạnh tính chất “quốc gia”, của mình. Một mặt NHRCK được thành lập bởi Luật của Hàn Quốc, nguồn gốc của nó nằm trong luật quốc tế, các nguyên tắc, quy phạm nó căn cứ vào cũng có nguồn gốc quy phạm quốc tế. Do đó, Ủy ban xác định mình là một “tổ chức bán quốc tế” (*“quasi-international organization”*), bên cạnh đặc điểm “bảo vệ tổng thể các quyền”, “độc lập” và “có thẩm quyền bán tư pháp” (nhận khiếu nại).

071. ỦY BAN NHÂN QUYỀN HÀN QUỐC CÓ NHỮNG THẨM QUYỀN GÌ?

Thẩm quyền của Ủy ban Nhân quyền Hàn Quốc, theo Luật năm 2001, bao gồm:

- Đưa ra các khuyến nghị chính sách về hoàn thiện pháp luật, cải thiện các thực hành; khuyến nghị về việc gia nhập, thực thi các điều ước quốc tế về nhân quyền; Điều tra các vi phạm quyền bởi các cơ quan nhà nước ở địa phương, trung ương, các cơ sở giam giữ;
- Giáo dục, nâng cao nhận thức của công chúng về quyền, xây dựng văn hóa tôn trọng quyền con người;
- Thúc đẩy hợp tác trong nước và quốc tế với các cá nhân, tổ chức bảo vệ quyền.

072. XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG KHU VỰC CHÂU Á QUAN TÂM ĐẾN CÁC CQNQQG NHƯ THẾ NÀO?

Có nhiều tổ chức phi chính phủ bảo vệ nhân quyền ở châu Á quan tâm, giám sát hoạt động của CQNQQG. Họ đã đi đến Trong khu vực còn có Mạng lưới NGOs châu Á về CQNQQG (*The Asian NGOs Network on National Human Rights Institutions- ANNI*), là một mạng lưới của các tổ chức phi chính phủ và những người bảo vệ quyền con người quan tâm đến CQNQQG, được thành lập năm 2006 tại diễn đàn Tham vấn Khu vực đầu tiên về Hợp tác giữa CQNQQG và NGOs tại Bangkok (Thái Lan) do Diễn đàn châu Á về Quyền con người và Phát triển (FORUM - ASIA) tổ chức.

ANNI có thành viên là một số tổ chức NGOs lớn như FORUM - ASIA (trụ sở tại Thái Lan), People's Watch (trụ sở tại Ấn Độ), SUARAM (trụ sở tại Malaysia) và Imparsial (trụ sở tại Indonesia). Mục tiêu hoạt động của ANNI là thiết lập và phát triển các CQNQQG theo hướng độc lập, có trách nhiệm, hiệu quả và minh bạch theo tiêu chuẩn của Các Nguyên tắc Paris. Hàng năm, chủ yếu thông qua các thành viên, đối tác của mình tại các nước, ANNI ra báo cáo về hoạt động của các CQNQQG ở châu Á. ANNI cũng vận động thúc đẩy vai trò của Ủy ban liên chính phủ về nhân quyền ASEAN (AICHR). ANNI cũng làm việc chặt chẽ với Tiểu ban về công nhận vị thế (SCA) của ICC. Chẳng hạn ANNI đã cung cấp các thông tin cho SCA để yêu cầu đánh giá lại tình trạng CQNQQG của Malaysia (SUHAKAM), qua đó tạo sức ép khiến Chính phủ nước này phải chỉnh sửa luật để SUHAKAM đáp ứng đủ các tiêu chuẩn trong Các Nguyên tắc Paris.

073. **ỦY BAN NHÂN QUYỀN CỦA AUSTRALIA**

CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?

Ủy ban nhân quyền của Australia (*Australian Human Rights Commission*), trước ngày 5/8/ 2009 có tên là Ủy ban Nhân quyền và Bình đẳng cơ hội (HREOC), được thành lập năm 1986, theo Luật Ủy ban nhân quyền Australia 1986 của Nghị viện Liên bang. Ủy ban hoạt động độc lập và có trách nhiệm báo cáo cho Nghị viện thông qua Tổng Trưởng lý (*Attorney-General*).

Ủy ban chịu trách nhiệm giám sát việc thực thi một số đạo luật về quyền con người và bình đẳng, bao gồm: Luật Ủy ban nhân quyền Australia 1986, Luật chống phân biệt đối xử về lứa

tuổi 2004, Luật chống phân biệt đối xử về tình trạng khuyết tật 1992, Luật chống phân biệt đối xử về chủng tộc 1975, Luật chống phân biệt đối xử về giới tính 1984...

Ủy ban, bao gồm Chủ tịch và 7 ủy viên, có thẩm quyền tư vấn, giáo dục về nhân quyền; thực hiện các nghiên cứu, đưa ra khuyến nghị hoàn thiện pháp luật, chính sách; điều tra các khiếu nại, hòa giải các khiếu nại cá nhân, các hành vi vi phạm các đạo luật trên...

Bên cạnh các hoạt động hợp tác quốc tế đa phương với các CQNQQG, với APE, Liên Hợp quốc và các cơ quan khác, Ủy ban cũng triển khai nhiều hoạt động hợp tác song phương thuộc chương trình phát triển của Chính phủ Australia, do Bộ Ngoại giao và Thương mại (DFAT) điều hành.

CHÂU ÂU

074. **MÔ HÌNH CQNQG NÀO PHỔ BIẾN NHẤT TẠI CHÂU ÂU?**

Châu Âu, nơi sản sinh của văn minh Tây phương, quê hương của nhiều thể chế dân chủ, cũng là khu vực có nhiều CQNQG được thành lập sớm nhất so với các khu vực trên thế giới. Các mô hình CQNQG ở châu lục này tương đối đa dạng, một số nước đồng thời có nhiều CQNQG. Hai mô hình Thanh tra Quốc hội (Ombudsman) và Viện nghiên cứu phổ biến ở châu Âu hơn so với một số khu vực khác (như châu Á và châu Phi).

Một số quốc gia CQNQG theo mô hình Ủy ban là Anh, Pháp... Nhóm thứ hai có CQNQG theo mô hình Ombudsman là các nước Bắc Âu, Liên bang Nga, Bulgaria, Croatia... Bên cạnh Ombudsman có thẩm quyền toàn quốc, ở nhiều nước, tại các địa phương còn có Ombudsman khu vực (Nga, Bulgaria...). Ombudsman của Bulgaria, Na Uy, bên cạnh bảo vệ nhân quyền, còn có chức năng truyền thống là chống lại những vi phạm hành chính. Tại một số nước còn có Ombudsman về trẻ em (Anh, Croatia...), hay Ombudsman về Bình đẳng giới và chống phân biệt đối xử (Na Uy). Nhóm thứ ba là một số nước như Đan Mạch, Hà Lan theo mô hình Viện nhân quyền.

Theo thống kê gần đây, trong số 27 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu (EU), có 10 quốc gia có CQNNQG xếp hạng A, 5 quốc gia có cơ quan xếp hạng B (quan sát viên), 1 quốc gia có cơ quan xếp hạng C (không phù hợp, là Romania).

075. ỦY BAN NHÂN QUYỀN VÀ BÌNH ĐẲNG CỦA ANH CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?

Ủy ban Nhân quyền và Bình đẳng (*Equality and Human Rights Commission*) là CQNNQG của Anh, bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2007. Ủy ban là sự hợp nhất của ba tổ chức về bình đẳng trước đây (Ủy ban về Bình đẳng chủng tộc, Ủy ban về quyền của người khuyết tật và Ủy ban bình đẳng cơ hội), đồng thời có trách nhiệm bảo vệ và thúc đẩy bình đẳng và quyền con người của mọi người.

Ủy ban, được thành lập theo Luật Bình đẳng (*Equality Act*), 2006, hoạt động độc lập. Ủy ban giám sát việc thực thi các đạo luật về nhân quyền và về bình đẳng (như Luật Nhân quyền 1998, Luật Bình đẳng 2010...); cung cấp kiến thức chuyên môn cho cộng đồng thông qua các hoạt động tư vấn, triển khai nghiên cứu; tham gia tranh tụng, hỗ trợ các nạn nhân trước tòa án...

Ủy ban thúc đẩy sự bình đẳng về cơ hội và các quyền con người, bảo vệ mọi người khỏi sự phân biệt đối xử dựa trên 9 căn cứ: tuổi; sự khuyết tật (thể chất hay tâm thần); chuyển giới (*gender reassignment*); hôn nhân, thỏa thuận chung sống; thai sản; chủng tộc; tôn giáo và tín ngưỡng; giới tính; xu hướng tính dục.

076. VIỆN NHÂN QUYỀN ĐỨC CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?

Viện Nhân quyền Đức (*German Institute for Human Rights*) được thành lập vào tháng 3/2001, theo nghị quyết của Quốc Hội Liên bang Đức ngày 7/12/2000. Viện ra đời từ sáng kiến và sự vận động bền bỉ của các tổ chức xã hội dân sự.

Viện Nhân quyền Đức thúc đẩy quyền con người thông qua các hoạt động: cung cấp thông tin, tài liệu, phát triển thư viện về quyền con người; triển khai các nghiên cứu học thuật; giáo dục, đào tạo, tư vấn về quyền con người; biên soạn báo cáo định kỳ về tình hình nhân quyền tại Đức gửi đến Quốc Hội và các cơ quan khác; thúc đẩy hợp tác quốc tế với các CQNQQG khác, các cơ quan Liên Hợp quốc và châu Âu về nhân quyền, các tổ chức phi chính phủ...

Viện không có thẩm quyền nhận và giải quyết các khiếu nại cá nhân. Khi có cá nhân yêu cầu, các nhân viên sẽ cố gắng giới thiệu, kết nối đến các tổ chức, dịch vụ hỗ trợ khác.

Gần đây, vị thế của Viện được củng cố bởi Luật về địa vị và nhiệm vụ của Viện Nhân quyền Đức (*Act on the Status and Tasks of the German Institute for Human Rights – DIMRG*, 2015).

077. ỦY BAN QUỐC GIA TƯ VẤN NHÂN QUYỀN CỦA PHÁP CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?

Ủy ban quốc gia Tư vấn Nhân quyền (*Commission nationale consultative des droits de l'homme - CNCDH*) của Pháp được thành lập năm 1947 theo một Thông tư của Bộ Ngoại giao. Cơ quan này có chức năng tư vấn cho chính quyền, đề xuất xây dựng các luật bảo vệ nhân quyền và giám sát việc thực thi

trong thực tiễn các luật đó. CNCDH chịu trách nhiệm trước Thủ tướng. Theo một đạo luật năm 1990 (Gayssot Act), CNCDH được giao thêm nhiệm vụ báo cáo hàng năm về tình trạng phân biệt chủng tộc tại nước Pháp.

Là một Ủy ban tư vấn, thành phần của CNCDH rất đa dạng, bao gồm:

- **Các chính trị gia:** đại diện của Thủ tướng, của 17 Bộ liên quan; 1 dân biểu do Chủ tịch Quốc hội bổ nhiệm; 1 thượng nghị sỹ do Chủ tịch Thượng viện bổ nhiệm; các thành viên của Hội đồng nhà nước và thẩm phán...;
- **Đại diện xã hội dân sự:** đại diện của 33 tổ chức phi chính phủ về nhân quyền, đại diện của liên đoàn lao động, đại diện giáo hội các tôn giáo lớn, giáo sư đại học... Chuyên gia làm việc tại các tổ chức nhân quyền quốc tế.

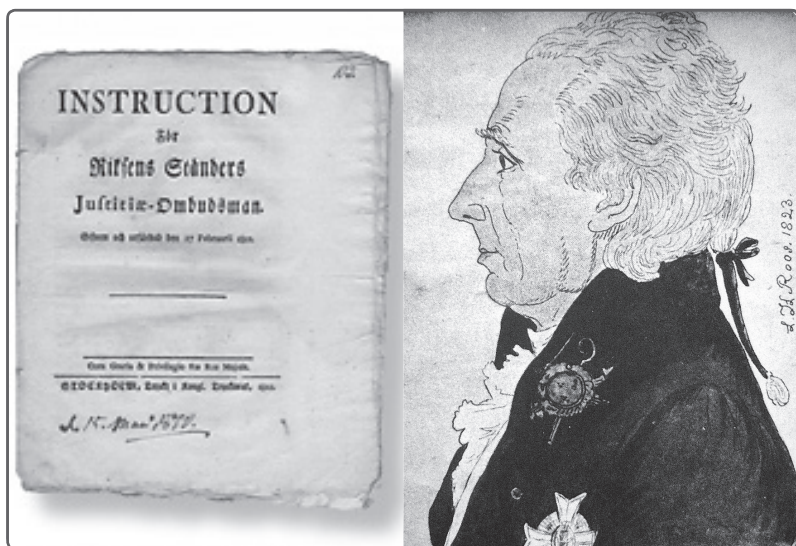
078. **CÓ PHẢI THỤY ĐIỂN LÀ QUÊ HƯƠNG CỦA OMBUDSMAN?**

Ombudsman xuất hiện chính thức ở Thụy Điển từ đầu thế kỷ 19, theo Luật tổ chức chính quyền năm 1809. Đạo luật này ra đời trong bối cảnh các nhà lập pháp không muốn lặp lại sự cai trị độc đoán của vị vua trước đó (Vua Gustav III, cai trị 1771 - 1792). Phần nào dựa trên lý thuyết phân chia quyền lực của Montesquieu, Luật tổ chức chính quyền đã thiết lập ra một số cơ chế để Quốc hội có thể giám sát quyền hành pháp. Thực ra, cơ chế này ít nhiều kế thừa chức vụ Ombudsman Tối cao của Hoàng đế *His Majesty's Supreme Ombudsman*), được lập ra từ năm 1712 bởi Vua Karl XII, nhằm giúp nhà vua giám sát sự

tuân thủ pháp luật khi ông ra nước ngoài. Vị trí này được đổi tên thành chức vụ Pháp quan (*Chancellor of Justice - Justitiekanslern*) vào năm 1719, và ngày nay vẫn tồn tại như là Ombudsman. Sau cái chết của Vua Charles XII vào năm 1718, Thụy Điển có một vài thập niên khá dân chủ với tiếng nói quan trọng của Quốc hội (the Riksdag) (được gọi là “thời kỳ Tự do”). Năm 1766, lần đầu tiên Quốc hội bầu ra Pháp quan. Tuy nhiên trong giai đoạn về sau đó, quyền bổ nhiệm lại thuộc về hoàng gia. Đến năm 1809 mới quy định lại thẩm quyền bầu Pháp quan/ Ombudsman cho Quốc hội.

Ngày nay, Thụy Điển có đến bốn Ombudsman, với nhiệm kỳ của mỗi người là bốn năm, được Quốc hội bổ nhiệm. Một trong số bốn người này được gọi là Trưởng Ombudsman Quốc hội, có thẩm quyền giao nhiệm vụ trách nhiệm cho các Ombudsman, nhưng không được can thiệp vào hoạt động điều tra của những người này. Mỗi Ombudsman, có thẩm quyền giám sát một lĩnh vực hành chính, và chịu trách nhiệm cá nhân trước Quốc hội về hành động của mình.

Mặc dù Thụy Điển thường được coi là quê hương của Ombudsman, trong lịch sử nhiều quốc gia cũng đã có những quan chức với vai trò tương tự. Như ở khu vực châu Á, tại một số nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam, thời kỳ phong kiến đã có chức quan như Ngự sử đài, Đô sát viện với chức năng giám sát các cơ quan hành chính.



Luật tổ chức chính quyền năm 1809 của Thụy Điển; Lars Augustin Mannerheim (1749-1835) là vị Quan về Tư pháp (justitieombudsman) - Ombudsman đầu tiên của Thụy Điển được bổ nhiệm năm 1810.

079. **CÓ PHẢI TẠI CÁC QUỐC GIA Ở KHU VỰC ĐÔNG ÂU VÀ LIÊN XÔ TRƯỚC ĐÂY MÔ HÌNH OMBUDSMAN RẤT PHỔ BIẾN?**

Tiến trình chuyển đổi chính trị tại các quốc gia khu vực Đông Âu và thuộc Liên Xô cũ tương đối đa dạng. Một số nước đã có hiến pháp dân chủ từ trước Chiến tranh thế giới thứ II (như Czechoslovakia, Rumania và Ba Lan). Một số quốc gia ngay cả trong thời kỳ Xã hội chủ nghĩa đã có trật tự pháp quyền, tôn trọng hiến pháp ở mức độ nhất định (như Nam Tư, Rumania, Czechoslovakia, và Hungary). Đối với một số nước khác thì việc

thượng tôn luật pháp là điều rất là mới mẻ (Albania, Bulgaria, các quốc gia khu vực Baltic và Nga).

Dưới chế độ dân chủ mới được thiết lập, nhiều bản hiến pháp mới đã thành lập văn phòng Ombudsman (như các nước Albania, Slovenia, Estonia, Hungary, Macedonia, Ba Lan, Rumania, Nga và Ukraine). Năm thành lập Ombudsman tại một số quốc gia như sau:

- **1987:** Ba Lan (*Protector of Civil Rights*);
- **1993:** Croatia (*National Ombudsman*);
Slovenia (*Human Rights Ombudsman*);
Hungary (*Parliamentary Commissioner for Human Rights*);
Nga (*High Commissioner for Human Rights*);
- **1994:** Lithuania (*Seimas Ombudsmen*);
- **1995:** Bosnia-Herzegovina (*Human Rights Ombudsman*);
- **1996:** Latvia (*National Human Rights Office*);
- **1997:** Rumania (*National Ombudsman*);
Macedonia (*Ombudsman*);
- **1999:** Estonia (*Ombudsman*);
- **2000:** Albania (*Ombudsman*);
Czech Republic (*Ombudsman*).

080. CAO ỦY VIÊN NHÂN QUYỀN CỦA NGA CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?

Vị trí Cao ủy viên Nhân quyền (*High Commissioner for Human Rights*) của Nga được thành lập căn cứ vào Điều 103 Hiến pháp Nga (1993), theo đó Quốc hội có thẩm quyền bổ

nhậm một Cao ủy viên về nhân quyền. Một nguyên do nữa thúc đẩy Nga xây dựng luật riêng về cơ quan này là nhận định của Hội đồng châu Âu, về việc Nga xin ra nhập khối này (năm 1996), rằng “các tiêu chuẩn Hội đồng châu Âu cần được tuân thủ, bao gồm việc thành lập Văn phòng Cao ủy viên về nhân quyền...”

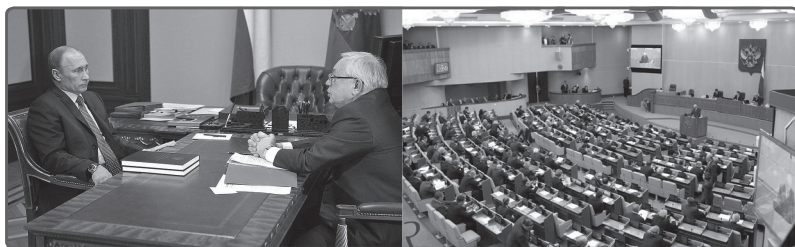
Tháng 1/1994, Duma Quốc gia (Hạ viện) bổ nhiệm một nhà hoạt động nhân quyền là Sergey Kovalyov vào vị trí Cao ủy viên Nhân quyền. Năm 1996, Duma thông qua Luật (có tính chất Hiến pháp) về Cao ủy viên Nhân quyền. Luật này có hiệu lực từ ngày 4/3/1997, quy định về địa vị pháp lý, thẩm quyền, trách nhiệm giải trình của Cao ủy viên, việc thành lập các Ủy viên nhân quyền ở các địa phương... Theo Điều 3 của Luật, hàng năm Cao ủy viên phải gửi báo cáo đến Duma Quốc gia và Hội đồng Liên bang, Tổng thống Liên bang, Chính phủ Liên bang, Tòa án Hiến pháp, Tổng Công tố viên Liên bang và người đứng đầu các thực thể hợp thành (đơn vị hành chính tương đương cấp bang) của Liên bang. Cạnh đó, Cao ủy viên Nhân quyền có những thẩm quyền cơ bản sau:

- Xem xét các đơn khiếu nại, thông tin về vi phạm quyền con người, đưa ra các biện pháp phù hợp để phục hồi các quyền bị vi phạm;
- Phân tích những quy định của pháp luật hiện hành, đưa ra những đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật theo những nguyên tắc và chuẩn mực chung đã được công nhận của pháp luật nhân quyền quốc tế;
- Phát triển hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nhân quyền;
- Giáo dục pháp luật về các quyền, tự do, cũng như các hình thức và phương pháp bảo vệ nhân quyền;

- Báo cáo tại các phiên họp của Duma Quốc gia về những trường hợp vi phạm nhân quyền nghiêm trọng hoặc vi phạm nhân quyền hàng loạt;
- Gửi tới Duma Quốc gia báo cáo đặc biệt về việc tuân thủ những quy định về quyền và tự do của công dân ở Liên bang Nga trong những vấn đề nhất định; Đề nghị Duma Quốc gia thành lập các ủy ban đặc biệt để điều tra những sự kiện vi phạm nhân quyền và đề nghị Duma Quốc gia họp để nghe báo cáo, tham gia vào quá trình xác minh các sự kiện cũng như các buổi họp đó;
- Tiếp cận các tòa án thẩm quyền chung, Tòa án Hiến pháp Liên bang nhằm bảo vệ quyền, tự do của con người;
- Áp dụng những biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền trong trường hợp có những thông tin về những vụ việc vi phạm nghiêm trọng, có tính chất hàng loạt hoặc trong những trường hợp có ý nghĩa xã hội đặc biệt hoặc liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của những cá nhân không có khả năng tự sử dụng các biện pháp bảo vệ;
- Phân tích thực tiễn thực thi pháp luật trong lĩnh vực nhân quyền và đề xuất kiến nghị hoàn thiện;
- Thông tin cho các cơ quan nhà nước và xã hội về hiện trạng những vấn đề tuân thủ quyền, tự do của công dân ở Liên bang Nga;
- Gửi đến các cơ quan nhà nước, cơ quan chính quyền tự quản địa phương, các nhà chức trách những lưu ý, khuyến nghị mang tính chất chung liên quan đến việc

bảo vệ các quyền tự do của con người của công dân, cũng như việc hoàn thiện các thủ tục hành chính.

Gần đây, vào ngày 22/4/2016, việc các đại biểu Duma bầu Tatiana Moskalkova, vốn là một nữ tướng công an, làm Cao ủy viên Nhân quyền đã gây xáo động lớn trong công luận.



Cao ủy viên Nhân quyền Nga Vladimir Lukin gặp Tổng thống Putin ngày 28/3/2013, theo ông Lukin, trong năm 2012 đã có 30.000 khiếu nại nhân quyền gửi đến các ủy viên nhân quyền khu vực; Duma Nhà nước, cơ quan bầu ra Cao ủy viên Nhân quyền.

081. **OMBUDSMAN TÂY BAN NHA CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?**

Mô hình Ombudsman của Tây Ban Nha với tên gọi *Defensor del Pueblo* (nghĩa đen là Người bảo vệ Nhân dân/*Defender of the People*), được thiết lập từ năm 1978, có ảnh hưởng đặc biệt rộng lớn đối với các quốc gia khu vực Nam Mỹ. Mô hình này được hình thành bởi Hiến pháp 1978, ra đời sau khi nhà độc tài Francisco Franco chết vào năm 1975, kết thúc chế độ độc đoán kéo dài gần bốn thập niên (1939-1975) và khởi đầu quá trình chuyển đổi dân chủ.

Điều 54, thuộc Chương I – Bảo vệ các quyền và tự do cơ bản, trong Hiến pháp 1978 của Tây Ban Nha quy định: “Một đạo luật về tổ chức của Quốc hội sẽ quy định về thể chế Ombudsman làm Cao ủy viên của Quốc hội về Hành chính, được bổ nhiệm để bảo vệ các quyền con người trong Chương này, vì mục các đích đó mà Ombudsman có thể giám sát các hoạt động của cơ quan hành chính, thông báo cho Quốc hội về điều đó”. Cạnh đó, Điều 162 của Hiến pháp còn trao quyền cho Ombudsman đệ nạp các khiếu nại về tính bất hợp hiến (*unconstitutionality*). Quyền này, ngoài Ombudsman, chỉ thuộc về Thủ tướng, nhóm 50 thượng nghị sỹ Thượng viện hoặc nhóm 50 dân biểu Hạ viện, cơ quan hành pháp của khu tự trị của Tây Ban Nha. Cũng cần nhắc đến vị trí Công tố viên (*Public Prosecutor*), theo Điều 124 của Hiến pháp, được trao quyền “thúc đẩy công lý nhằm bảo vệ pháp luật, quyền của công dân và lợi ích công được pháp luật bảo vệ, bằng cách chủ động hành động hoặc theo yêu cầu của các bên liên quan”. Như vậy, cơ quan này cũng có trách nhiệm bảo vệ quyền công dân, dù tiếp cận chủ yếu từ góc độ “quyền tư pháp”, như tên của Chương VI.

Luật thiết lập Ombudsman quy định vị trí này được bầu bởi Quốc hội theo nhiệm kỳ 5 năm, do Chủ tịch của Hạ viện và Thượng viện cùng bổ nhiệm, và phải báo cáo trước Quốc hội. Một Ủy ban hỗn hợp Hạ viện - Thượng viện sẽ được bổ nhiệm bởi Quốc hội để liên lạc thường xuyên với Ombudsman. Ombudsman không được đồng thời giữ bất kỳ vị trí nào do bầu lên, trong cơ quan hành chính, tư pháp, hoặc tham gia một đảng chính trị, công đoàn, hiệp hội, quỹ, hoặc hành nghề tự do.

Ombudsman có thể, chủ động hoặc theo yêu cầu, khiếu nại của các bên có liên quan (cá nhân hoặc pháp nhân), tiến hành điều tra làm rõ những hành động hoặc quyết định của các cơ quan hành chính công đối với công dân, Ombudsman sẽ không điều tra các khiếu nại đang chờ quyết định tư pháp, và sẽ đình chỉ điều tra nào nếu yêu cầu bồi thường hoặc khiếu nại của người có liên quan đã được gửi đến tòa án thường hoặc Tòa án Hiến pháp. Tuy nhiên, điều này sẽ không ngăn cản điều tra các vấn đề chung nêu lên trong khiếu nại được gửi đến. Ombudsman có thể yêu cầu các cơ quan công quyền cung cấp tất cả các tài liệu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, bao gồm cả những tài liệu mật. Nếu là tài liệu mật, việc không cung cấp tài liệu phải được sự chấp thuận của Hội đồng Bộ trưởng và kèm theo là giấy tờ xác nhận việc chấp thuận sự từ chối đó.

Mặc dù không có quyền sửa đổi, bãi bỏ các hành vi, quyết định của các cơ quan hành chính, Ombudsman có thể đề nghị các cơ quan lập pháp hoặc hành chính thực hiện việc sửa đổi.

082. OMBUDSMAN CỦA ĐAN MẠCH CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?

Ombudsman Đan Mạch được Quốc hội (the Folketing) bầu ra, có thẩm quyền điều tra các khiếu nại liên quan đến hoạt động quản lý hành chính. Văn phòng Ombudsman có khoảng 100 nhân viên.

Ombudsman không có thẩm quyền ra phán quyết mà chỉ có thể đưa ra các đề nghị, khuyến nghị, hoặc những lời phê bình đối với các cơ quan nhà nước.

Mỗi năm, trung bình Ombudsman nhận được khoảng 4.000 đến 5.000 khiếu nại từ công dân. Cạnh đó, cơ quan này còn có thể chủ động lựa chọn các vụ việc, chẳng hạn như được nêu trên báo chí, để xem xét.

Hàng năm, Ban Thanh tra của Ombudsman đến thăm, kiểm tra nhiều địa điểm khác nhau như nhà tù, trung tâm điều trị tâm lý, cơ sở chăm sóc xã hội. Ban Trẻ em của Ombudsman thì đến thăm các cơ sở chăm sóc trẻ em, cũng như giải quyết các khiếu nại của trẻ em và người lớn liên quan đến các điều kiện của trẻ em.

083. CAO ỦY VIÊN QUYỀN CÔNG DÂN CỦA BA LAN CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?

Từ cuối thập niên 1970, đặc biệt là cùng với tiến trình cải tổ tại Liên Xô từ sau năm 1985, chính trị Ba Lan có nhiều chuyển biến theo hướng cởi mở hơn. Cao ủy viên quyền công dân của Ba Lan (*Rzecznik Praw Obywatelskich - RPO*) là CQNQQG theo mô hình Ombudsman được thành lập từ ngày 1/1/1988. Cơ quan này được thành lập căn cứ vào quy định của Hiến pháp và Luật do Nghị viện ban hành ngày 15/7/1987.

Khác với một số quốc gia Đông Âu khác, nhiều năm sau khi chuyển đổi chính trị, Ba Lan mới soạn thảo và thông qua bản Hiến pháp mới. Trong Hiến pháp 1997, vị thế của Cao ủy viên quyền công dân tiếp tục được củng cố, theo đó vị trí này do Hạ nghị viện bổ nhiệm, với sự đồng thuận của Thượng nghị viện, với nhiệm kỳ 5 năm. Cao ủy viên Cao ủy viên quyền công dân không giữ bất kỳ vị trí nào khác, trừ chức vị giáo sư đại học, và cũng không thực hiện bất kỳ hoạt động nghề nghiệp nào khác,

không thuộc đảng chính trị, tổ chức công đoàn nào hoặc thực hiện các nhiệm vụ công không phù hợp với chức trách của mình (Điều 209).

Cao ủy viên quyền công dân độc lập trong các hoạt động của mình, độc lập với các cơ quan khác của Nhà nước và chỉ chịu trách nhiệm trước Hạ nghị viện theo các nguyên tắc do luật định. Cao ủy viên không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc bị tước tự do mà không được sự chấp thuận từ trước của Hạ nghị viện (Điều 210 và 211).

CHÂU MỸ

084. **MÔ HÌNH CQNQQG NÀO PHỔ BIẾN NHẤT Ở CHÂU MỸ?**

Tại khu vực Bắc Mỹ, Hoa Kỳ không có cơ quan nhân quyền cấp quốc gia, mà chỉ có các cơ quan cấp tiểu bang và ở các cấp đơn vị hành chính địa phương khác. Nước láng giềng là Canada, dù cũng theo chế độ liên bang, nhưng lại có Ủy ban Nhân quyền.

Tại khu vực Nam Mỹ (châu Mỹ La-tinh), chịu ảnh hưởng sâu rộng của văn hóa Tây Ban Nha từ thời thực dân, mô hình CQNQQG phổ biến nhất là Ombudsman (tiếng Tây Ban Nha là Defensoría del Pueblo, nghĩa đen là Người bảo vệ Nhân dân), vốn là mô hình của CQNQQG Tây Ban Nha (lập ra từ năm 1978). Mô hình phổ biến thứ hai là Công tố viên nhân quyền. Cạnh đó, cũng có quốc gia, như Mexico, có CQNQQG theo mô hình ủy ban. Tại một số quốc gia chưa có CQNQQG (như Chile) hoặc không có cơ quan nhân quyền cấp toàn quốc mà chỉ có ở cấp địa phương (như Brazil, Uruguay).

085. **ỦY BAN NHÂN QUYỀN CANADA CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?**

Ủy ban Nhân quyền Canada (Canadian Human Rights Commission) được thiết lập để giám sát việc thi hành Luật Nhân quyền Canada (Canadian Human Rights Act, 1977) – đạo luật

thiết lập nên chính Ủy ban. Cạnh đó, Ủy ban có thẩm quyền giám sát thực thi Luật Bình đẳng lao động (Employment Equity Act). Ủy ban hoạt động độc lập với Chính phủ khi giám sát hai đạo luật này của Nghị viện.

Thẩm quyền chính của Ủy ban gồm thúc đẩy các quyền con người thông qua các hoạt động nghiên cứu và phát triển chính sách; bảo vệ quyền con người thông qua hoạt động giải quyết các khiếu nại công bằng và hiệu quả; giám sát lĩnh vực lao động...

086. **ỦY BAN DÂN QUYỀN CỦA HOA KỲ KHÁC GÌ VỚI MỘT CQNQQG?**

Ủy ban Dân quyền của Hoa Kỳ (U.S. Commission on Civil Rights – USCCR), được lập ra theo Luật Dân quyền 1957, không được coi là một CQNQQG. Ủy ban này thuộc nhánh hành pháp, bao gồm 6 thành viên do Tổng thống bổ nhiệm với sự đồng ý của Thượng viện. Ủy ban, ngoài trụ sở chính, có 6 văn phòng khu vực.

Thẩm quyền của Ủy ban, đã được mở rộng một số lần (gần đây nhất là theo Luật sửa đổi năm 1994), chủ yếu liên quan đến điều tra, giáo dục, nghiên cứu và tư vấn về chính sách, pháp luật về các quyền chính trị và bình đẳng của công dân (chủ yếu là sự bình đẳng liên quan đến quyền bầu cử). Các hình thức hoạt động chủ yếu là: tổ chức các buổi nói chuyện, họp báo; hội thảo, xuất bản nghiên cứu để giáo dục, vận động các nhà hoạch định chính sách; tập hợp dữ liệu, thông tin.

Đã có nhiều nỗ lực vận động thành lập CQNQQG của Hoa Kỳ, có thể bằng việc mở rộng thẩm quyền của Ủy ban Dân

quyền bao gồm “quyền con người”, nhưng cũng có nhiều ý kiến cho rằng không cần thiết vì tòa án đã bảo vệ rất tốt các quyền dân sự. Điều mà Hoa Kỳ cần là cơ quan bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, những quyền mà tòa án chưa bảo vệ. Năm 2015, tại diễn đàn UPR của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc, có rất nhiều quốc gia (Ba Lan, Sierra Leone, Venezuela, Chi Lê, Hàn Quốc, Philippin...) nêu khuyến nghị Hoa Kỳ thành lập CQNQQG cấp liên bang phù hợp với các Nguyên tắc Paris.



Logo Ombudsman nhân quyền của Colombia, Peru, Bolivia và Panama.

087. **BỐI CẢNH RA ĐỜI CQNQQG Ở CÁC NƯỚC CHÂU MỸ LA-TINH CÓ ĐIỂM GÌ GIỐNG NHAU KHÔNG?**

Sự phát triển của CQNQQG tại Nam Mỹ diễn ra rất nhanh chóng, đặc biệt là trong thập niên 1990, khi nhiều quốc gia kết thúc xung đột hoặc chấm dứt các chế độ quân phiệt, độc tài, chuyển dần sang dân chủ. Thời điểm thành lập Ombudsman tại một số nước trong khu vực là:

- 1985: Guatemala (Procuraduría Nacional de los Derechos Humanos);
- 1990: Mexico (Comisión Nacional de los Derechos Humanos);
- 1990: Honduras (Comisionado Nacional de Protección de los Derechos Humanos);
- 1991: Colombia (Defensor del Pueblo); El Salvador (Procuraduría para la Defensa de los Derechos Humanos);
- 1992: Costa Rica (Defensor de los Habitantes);
- 1993: Argentina (Defensor del Pueblo de la Nación); Peru (Defensoría del Pueblo);
- 1995: Nicaragua (Procuraduría para la Defensa de los Derechos Humanos); Paraguay (Defensor del Pueblo);
- 1996: Bolivia (Defensor del Pueblo); Ecuador (Defensor del Pueblo); Panama (Defensor del Pueblo);
- 1999: Venezuela (Defensor del Pueblo).

Tại nhiều nước, việc thành lập mới thể chế nhân quyền là để bảo vệ các quyền tự do mới dành được sau tiến trình chuyển đổi dân chủ. Tại một số quốc gia khác, CQNQQG ra đời chủ yếu do sự thúc đẩy từ bên ngoài, chủ yếu là từ Liên Hợp quốc và Hoa Kỳ (mặc dù chính Hoa Kỳ lại không có cơ quan này).

088. **OMBUDSMAN NHÂN QUYỀN CỦA PERU**

CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?

Peru, quốc gia có diện tích lớn thứ 3 ở Nam Mỹ (sau Brazil và Argentina), được coi là vẫn đang trong tiến trình dân chủ hóa.

Từ sau năm 1979 chế độ quân phiệt chấm dứt, Hiến pháp 1979 được ban hành, tuy nhiên xung đột vũ trang vẫn tiếp tục diễn ra và một số nhà lãnh đạo tương đối độc đoán thay nhau cầm quyền tại Peru. Năm 2001, Alejandro Toledo được bầu làm Tổng thống và bắt đầu mở rộng dần các quyền tự do. Nhiều người bị kết án bởi tòa án quân sự trong giai đoạn cuộc chiến chống khủng bố trước đó (1980–2000) được xét xử lại bởi tòa án dân sự. Một Ủy ban Sự thật và Hòa giải cũng được thiết lập để điều tra các vi phạm nhân quyền giai đoạn đó.

Ombudsman nhân quyền Peru (*Defensoría del Pueblo*) được thành lập vào năm 1996. Mặc dù được thành lập trong giai đoạn thiếu dân chủ, cơ quan này được đánh giá là đã hoạt động tương đối hiệu quả. Trong giai đoạn 1996 đến cho năm 2000, khi chế độ độc đoán của Fujimori sụp đổ, cơ quan này được coi là cơ quan dân chủ, chịu trách nhiệm giải trình duy nhất trong bộ máy nhà nước (*the sole democratic agent of accountability within the state*).



Một phiên làm việc của Ombudsman nhân quyền Peru; Quốc hội Peru, cơ quan có thẩm quyền bầu ra Ombudsman.

089. **OMBUDSMAN NHÂN QUYỀN CỦA ARGENTINA** **CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?**

Ombudsman nhân quyền của Argentina (Defensor del Pueblo de la Nación Argentina/ The People's Defender of The Nation of Argentina), được thành lập theo Điều 86 Hiến pháp Argentina 1949, sửa đổi, bổ sung gần nhất năm 1994. Theo đó Ombudsman hoạt động độc lập, không chịu sự chỉ đạo của bất kỳ cơ quan nào.

Ombudsman có thẩm quyền bảo vệ cá quyền con người được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận, cạnh đó có trách nhiệm chống lại những vi phạm hành chính dạng hành vi hoặc sự bỏ mặc, cũng như kiểm soát các chức năng hành chính. Có thẩm quyền tranh tụng trước tòa án.

Ombudsman được bầu với phiếu thuận của hai phần ba số thành viên có mặt trong mỗi viện của Quốc hội trong thời hạn 5 năm, có thể được tái bổ nhiệm một lần, và có quyền miễn trách như đại biểu Quốc hội.

CHÂU PHI

090. **MÔ HÌNH CQNQQG NÀO PHỔ BIẾN NHẤT Ở CHÂU PHI?**

Trong một thời gian dài, hầu như toàn bộ châu Phi bị chia sẻ giữa các đế quốc thực dân châu Âu. Sau khi giành được độc lập, nhiều quốc gia lại rơi vào tay các chính quyền tham nhũng, độc tài, quản trị thiếu hiệu quả. Đầu thế kỷ 21, tình trạng xung đột vũ trang trong khu vực đã giảm đáng kể, thu hút đầu tư từ bên ngoài cũng thúc đẩy kinh tế phát triển hơn.

Ngày nay, tại châu lục với 54 quốc gia và dân số khoảng 1,2 tỷ người này, đã có 47 quốc gia thành lập CQNQQG (18 trong số này được xếp hạng A). Trước năm 1990 mới chỉ có một CQNQQG ở châu lục này.

Mô hình của CQNQQG châu Phi khá đa dạng. Các nước theo mô hình Ủy ban, chiếm số lượng lớn nhất, bao gồm Burundi, Cameroon, Ai Cập, Ghana, Kenya, Malawi, Namibia, Nam Phi, Sierra Leon, Uganda, Zambia... Một số quốc gia theo mô hình Ombudsman bao gồm Botswana, Namibia, Zimbabwe... Cá biệt có Algeria, chịu ảnh hưởng của Pháp, theo mô hình ủy ban tư vấn về nhân quyền.

091. **ỦY BAN NHÂN QUYỀN NAM PHI CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?**

Sau nhiều năm đàm phán song phương giữa Đảng Dân tộc (của người da trắng) và Đại hội dân tộc Phi (ANC), chế độ A-pac-thai (kỳ thị chủng tộc đối với người da đen) được chấm dứt tại Nam Phi, mở đường cho cuộc bầu cử dân chủ đa sắc tộc đầu tiên vào tháng 4/1994, dẫn đến chiến thắng của ANC do Nelson Mandela lãnh đạo. Cùng với tiến trình dân chủ hóa, một bản Hiến pháp mới được thảo luận và thông qua vào cuối năm 1996.

Hiến pháp 1996 của Nam Phi thiết lập ra 5 cơ quan hiến định độc lập, được gọi chung là thể chế thúc đẩy dân chủ, bao gồm: Người bảo vệ công chúng (the Public Protector), Ủy ban nhân quyền Nam Phi, Ủy ban về thúc đẩy và bảo vệ các quyền của các cộng đồng văn hoá, tôn giáo và ngôn ngữ, Ủy ban về bình đẳng giới, Tổng kiểm toán và Ủy ban bầu cử. Những cơ quan này là độc lập, chỉ phụ thuộc vào Hiến pháp và pháp luật. Những thiết chế này chịu trách nhiệm giải trình trước Quốc Hội và phải báo cáo về các hoạt động cũng như việc thực hiện những chức năng của mình trước Quốc hội ít nhất một lần trong một năm.

Theo Điều 183 Hiến pháp 1996, Ủy ban nhân quyền Nam Phi các có chức năng: thúc đẩy sự tôn trọng các quyền con người và văn hoá nhân quyền; thúc đẩy sự bảo vệ, phát triển và duy trì các quyền con người; và giám sát và đánh giá sự tuân thủ các quyền con người ở Nam Phi. Để có thực hiện các chức năng này, Ủy ban có các thẩm quyền bao gồm:

- Điều tra và báo cáo về các vi phạm nhân quyền;

- Thực hiện các biện pháp để bảo đảm sự bồi thường, phục hồi cần thiết khi có các vi phạm nhân quyền xảy ra;
- Thực hiện các nghiên cứu về nhân quyền;
- Giáo dục nhân quyền.

Hàng năm, Ủy ban có thẩm quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan cung cấp cho Ủy ban thông tin về các biện pháp mà các cơ quan đó đã thực hiện để hiện thực hoá những quyền trong Bộ luật về Quyền liên quan đến các vấn đề nơi ở, chăm sóc sức khỏe, lương thực, thực phẩm, nước uống, giáo dục, an ninh xã hội và môi trường.



Logo của Ủy ban nhân quyền và quản lý tư pháp (CHRAJ) Ghana; CHRAJ hợp với các cơ quan của Liên Hợp quốc và cơ quan liên quan về việc triển khai Công ước Chống tham nhũng (UNCAC).

**092. ỦY BAN NHÂN QUYỀN VÀ QUẢN LÝ TƯ PHÁP
(CHRAJ) CỦA GHANA CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ NỔI BẬT?**

Ghana, một quốc gia ở khu vực Tây Phi, có CQNQQG theo mô hình hỗn hợp, với tên gọi là Ủy ban nhân quyền và quản lý tư pháp (The Commission on Human Rights and Administrative Justice - CHRAJ). Ủy ban này, được thành lập theo Chương 18 của Hiến pháp Ghana (1992) và Luật Ủy ban nhân quyền và quản lý tư pháp (1993). Ủy ban đồng thời là cơ quan bảo vệ nhân quyền, đồng thời là cơ quan giám sát hệ thống hành chính (Ombudsman) và cơ quan chống tham nhũng của Ghana. Ủy ban gồm 3 thành viên là Chủ tịch Ủy ban và 2 Phó chủ tịch. Các thành viên được Tổng thống bổ nhiệm, sau khi có sự tham vấn với Hội đồng nhà nước. Ngoài văn phòng trung ương với 150 nhân viên, Ủy ban có văn phòng tại 10 đơn vị cấp tỉnh (với tối thiểu 18 nhân viên mỗi văn phòng) và 110 văn phòng cấp quận, huyện (tối thiểu 5 nhân viên mỗi văn phòng).

Ủy ban, được ICC xếp hạng A, phù hợp với Các Nguyên tắc Paris, thực hiện công việc đều miễn phí. Do lĩnh vực hoạt động rộng, Ủy ban đòi hỏi có nhiều nguồn lực mới có thể triển khai hiệu quả công tác.

**093. OMBUDSMAN CỦA NAMIBIA CÓ ĐẶC ĐIỂM GÌ
NỔI BẬT?**

Namibia, nước láng giềng phía Bắc của Nam Phi, có Ombudsman được thành lập theo Hiến pháp năm 1990 (Chương X. Về Ombudsman) và Luật về Ombudsman năm 1990. Ombudsman độc lập, tuân thủ Hiến pháp và pháp

luật. Không thành viên nào của Chính phủ hoặc Quốc hội có thể can thiệp vào việc Ombudsman thực thi các chức năng của mình. Theo Điều 91 Hiến pháp, các chức năng của Ombudsman bao gồm, trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người, giám sát cơ quan hành chính và chống tham nhũng, bao gồm:

- Điều tra các khiếu nại liên quan đến các vi phạm quyền và tự do cơ bản, lạm dụng quyền lực, đối xử không công bằng, thiếu tôn trọng đối với công dân Namibia bởi một công chức bất kỳ cơ quan nhà nước nào (trung ương hoặc địa phương), các biểu hiện bất công, tham nhũng hoặc các hành xử của công chức bị xem là trái pháp luật, trấn áp hoặc không công bằng trong một xã hội dân chủ;
- Điều tra các khiếu nại liên quan đến việc thực hiện chức năng của cơ quan cung cấp dịch vụ công, cơ quan hành chính nhà nước, lực lượng quân đội, công an và nhân viên nhà tù, về việc các dịch vụ đó không được tổ chức tốt, không có sự bình đẳng trong việc tuyển dụng, không được điều hành tốt;
- Điều tra các khiếu nại liên quan đến việc lạm dụng các tài nguyên tự nhiên, khai thác tùy tiện các nguồn lực không thể tái tạo, hủy hoại hệ sinh thái và không bảo vệ thắng cảnh, những đặc trưng của Namibia;
- Điều tra các khiếu nại liên quan đến các hành vi, thực hành của các cá nhân, doanh nghiệp và các chủ thể tư nhân khác, về việc cho rằng các vi phạm các quyền và tự do cơ bản theo Hiến pháp đã xảy ra;

Thẩm quyền khuyến nghị các biện pháp khôi phục, bồi thường, chế tài đối với các vi phạm nêu trên, thông qua các biện pháp hiệu quả, thích hợp, bao gồm:

- Thương lượng, đàm phán giữa các bên liên quan;
- Chuyển các khiếu nại hoặc kết luận xem xét đến cấp trên của người vi phạm;
- Chuyển vụ việc đến Tổng Chương lý;
- Tiến hành tố tụng trước Tòa án có thẩm quyền để truy tố, hoặc có các biện pháp chế tài để chấm dứt hành vi vi phạm hoặc thủ tục vi phạm;
- Rà soát, đề nghị xem xét lại hiệu lực của các luật, quy định có sự vi phạm quyền; Điều tra mọi trường hợp nghi ngờ là tham nhũng, sử dụng ngân sách sai mục đích bởi các công chức, và tiến hành các bước thích hợp, bao gồm việc báo cáo đến Tổng Chương lý hoặc Tổng Công tố viên.
- Báo cáo hàng năm đến Quốc hội về việc thực thi thẩm quyền và chức năng của mình.

Riêng trong hoạt động điều tra, theo Điều 92 Hiến pháp, Ombudsman của Namibia có những thẩm quyền khá lớn, bao gồm:

- Ra các quyết định triệu tập yêu cầu bất kỳ người nào trình diện trước Ombudsman, xuất trình bất kỳ tài liệu, hồ sơ nào liên quan đến điều tra của Ombudsman;
- Truy tố bất kỳ người nào không chấp hành quyết định triệu tập ra trước tòa án;
- Thẩm vấn bất kỳ ai;

- Yêu cầu bất kỳ người nào hợp tác với Ombudsman, cung cấp các thông tin mà mình biết liên quan đến điều tra của Ombudsman.

CHƯƠNG 3

ĐIỀU KIỆN VÀ TIỀN ĐỀ THÀNH LẬP CƠ QUAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA TẠI VIỆT NAM



094. **CƠ CHẾ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY NHƯ THẾ NÀO?**

Tại Việt Nam đến nay mặc dù chưa có CQNQQG, nhưng đã có những cơ quan nhà nước khác nhau với vai trò bảo vệ các quyền con người, có thể coi đó là những thành tố cấu thành nên cơ chế bảo vệ quyền.

Hiến pháp (2013), đặc biệt là tại Chương II, đã đưa ra nhiều điều khoản bảo vệ các quyền con người cơ bản và xác định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ quyền. Trong thực tế, một số cơ quan ở Việt Nam hiện nay có trách nhiệm tiếp nhận các khiếu nại, kiến nghị của công dân, nghiên cứu, giáo dục về quyền con người, hoặc bảo vệ quyền của một số nhóm, bao gồm một số tổ chức liên ngành như:

- Ban Chỉ đạo về nhân quyền thuộc Chính phủ, với hệ thống Ban chỉ đạo nhân quyền tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, với hệ thống Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các bộ, ngành, các cấp hành chính tỉnh, huyện, xã;
- Ủy ban quốc gia về Người khuyết tật Việt Nam...

Một số đơn vị thuộc Quốc hội, Chính phủ, các Bộ hoặc cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam:

- Ban Dân nguyện của Quốc hội;
- Ban Tiếp công dân Trung ương thuộc Thanh tra Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ); Vụ Trẻ em, Vụ

Bình đẳng giới (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)...

- Viện Nghiên cứu quyền con người thuộc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh...

095. **VIỆT NAM ĐÃ CÓ NHỮNG CAM KẾT NÀO VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI?**

Nhà nước Việt Nam đã đưa ra nhiều cam kết về tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người, thể hiện trực tiếp là:

- Hiến pháp hiện hành, thông qua ngày 28/11/2013, và nhiều đạo luật khẳng định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ các quyền con người trong các lĩnh vực khác nhau;
- Nhiều văn bản chính sách, chương trình của các cơ quan nhà nước như Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016 - 2020 của Chính phủ...;
- Nhiều điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã gia nhập, phê chuẩn (bao gồm 7 trong số 9 công ước nhân quyền cơ bản);
- Các cam kết tại các diễn đàn quốc tế song phương (như trong đối thoại nhân quyền hàng năm với Hoa Kỳ, Úc, Na Uy...), hoặc đa phương (trước các cơ chế nhân quyền của ASEAN, Liên Hợp quốc...);

**096. VIỆT NAM ĐÃ ĐƯA RA NHỮNG CAM KẾT NÀO
VỀ VIỆC THÀNH LẬP THÀNH LẬP CƠ QUAN
QUỐC GIA BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI?**

Tại các diễn đàn quốc tế, nhà nước Việt Nam đã một số lần đưa ra cam kết về việc thành lập CCNQQG. Cụ thể là:

- Khi ứng cử trở thành thành viên của Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2014 - 2016 (vào năm 2013), trong số 14 cam kết của Việt Nam, bao gồm cam kết “củng cố các tổ chức quốc gia bảo vệ nhân quyền, bao gồm việc có thể thành lập một cơ quan nhân quyền quốc gia”.
- Năm 2014, trong tiến trình kiểm điểm định kỳ UPR vòng 2 tại Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc, Việt Nam, bên cạnh việc chấp nhận khuyến nghị chung về tăng cường các cơ chế trong nước để thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (của Nepal, Uzbekistan), đồng thời chấp nhận khuyến nghị về việc thành lập CQNQQG (của Thái Lan, Morocco, Nigeria...).



Lễ công bố báo cáo quốc gia của Việt Nam theo cơ chế Kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR) tại Hà Nội, ngày 3/12/2013; Phó Chủ tịch nước Việt Nam, tại kỳ họp 32 của Hội đồng Nhân quyền LHQ (Geneva, ngày 31/6/2016), tái khẳng định chính sách tôn trọng và bảo đảm các quyền con người.

097. ĐÃ CÓ NHỮNG QUỐC GIA, TỔ CHỨC QUỐC TẾ NÀO ĐỀ NGHỊ VIỆT NAM THÀNH LẬP CCNQQG?

Đã có nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế liên chính phủ và phi chính phủ đề nghị, khuyến cáo Việt Nam thành lập CCNQQG tuân thủ Các Nguyên tắc Paris. Trong số đó, thể hiện rõ nét nhất bao gồm:

- Trong các kết luận của các ủy ban giám sát điều ước về nhân quyền Liên Hợp quốc đối với Việt Nam khi xem xét báo cáo định kỳ của quốc gia, bao gồm Ủy ban Nhân quyền (giám sát ICCPR) năm 2002, Ủy ban về xóa bỏ phân biệt đối xử chủng tộc (giám sát CERD) và Ủy ban Quyền trẻ em (giám sát CRC) cùng năm 2012, Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (giám sát ICESCR) năm 2014...Hoặc trong khuyến nghị của thủ tục đặc biệt, như của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực,

Magdalena Sepulveda Carmona, đến thăm Việt Nam vào năm 2010.

- Khuyến nghị của các quốc gia, tại diễn đàn Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc chu kỳ thứ hai, vào năm 2014, bao gồm các khuyến nghị về việc thành lập CQNQQG, từ số 143.35 đến số 143.39, của các nước Nepal, Indonesia, Thái Lan, Morocco, Niger, bên cạnh các khuyến nghị chung khác về tăng cường thiết chế bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền quốc gia của một số nước khác.

098. **VIỆC THÀNH LẬP CQNQQG TẠI VIỆT NAM**

CÓ NHỮNG THUẬN LỢI GÌ?

- Việc thành lập CQNQQG tại Việt Nam có những thuận lợi nhất định, bao gồm: Nhu cầu của người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế, về việc hoàn thiện các cơ chế, thủ tục bảo vệ quyền;
- Nhận thức của người dân về CQNQQG, cũng như về các quyền con người và các cơ chế bảo vệ quyền trong nước và quốc tế, ngày càng tốt hơn; cùng với sự phát triển của nghiên cứu và giáo dục nhân quyền, đã bước đầu hình thành đội ngũ chuyên gia có kiến thức chuyên môn;
- Sự phù hợp với chính sách, đường lối mà nhà nước đã công bố, phù hợp với xu hướng quan tâm bảo vệ quyền con người thể hiện trong Hiến pháp 2013;
- Đã có một số nghiên cứu cơ bản về CQNQQG do một số cơ quan nhà nước (Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư

pháp, Bộ Công an) hoặc cơ quan nghiên cứu (Viện Nghiên cứu quyền con người- Học viện chính trị Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam...) thực hiện;

- Đã có kinh nghiệm nhất định từ một hệ thống cơ quan Hiến định độc lập là Kiểm toán nhà nước: Kể từ năm 2006, Kiểm toán nhà nước trực thuộc Quốc hội và Tổng Kiểm toán do Quốc hội bầu. Theo Hiến pháp 2013 (Điều 118) và Luật Kiểm toán nhà nước 2015 (Điều 1) thì Kiểm toán nhà nước là “cơ quan do Quốc hội thành lập” và hoạt động theo nguyên tắc “độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”;
- Sự sẵn sàng hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, các tổ chức quốc tế và một số quốc gia, bằng nhiều phương thức (chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ tăng cường năng lực...);
- Nhiều quốc gia ASEAN đã có CQNQQG, và mạng lưới CQNQQG ASEAN đã hoạt động tương đối ổn định... Cạnh đó, các cơ chế nhân quyền ASEAN (AICHR, ACWC) ngày càng hoạt động tích cực hơn và có nhu cầu tương tác với CQNQQG các nước.

099. **VIỆC THÀNH LẬP CQNQQG TẠI VIỆT NAM**

CÓ NHỮNG THÁCH THỨC, KHÓ KHĂN GÌ?

Việc thành lập CQNQQG tại Việt Nam cũng phải đối diện một số thách thức, khó khăn, bao gồm:

- Hiểu biết về quyền con người, quyền công dân của một số cán bộ và người dân còn hạn chế; thiếu chuyên gia có kiến thức chuyên sâu về quyền con người;

- Bộ máy nhà nước đang trong xu thế tinh giản biên chế, thu gọn đầu mối;
- Các tổ chức phi chính phủ bảo vệ nhân quyền với hiểu biết tốt về các chuẩn mực và cơ chế khu vực và quốc tế chưa nhiều;
- Văn hóa đối thoại, tương tác giữa các cơ quan, tổ chức xã hội, báo chí, công dân, cũng như với các tổ chức quốc tế còn hạn chế; văn hóa nhân quyền đang trong giai đoạn hình thành; việc thực thi một số quyền dân sự như ngôn luận, hội họp đôi khi còn gặp rào cản...

100. VIỆT NAM CẦN LÀM GÌ TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ THÀNH LẬP CQNQQG?

Trong giai đoạn chuẩn thành lập CQNQQG, Việt Nam cần quan tâm đến một số hoạt động sau đây:

- Tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm với các quốc gia, tổ chức quốc tế để tìm hiểu về CQNQQG; tiếp tục triển khai các nghiên cứu, khảo sát, tập hợp tư liệu về CQNQQG và nhu cầu của các nhóm xã hội;
- Nâng cao nhận thức của người dân về các mô hình CQNQQG trên thế giới, về vai trò bổ sung của cơ quan này đối với các cơ quan khác đã có;
- Thiết kế quy trình tham vấn, lấy ý kiến các chủ thể khác nhau (chuyên gia, đại diện các cơ quan nhà nước, báo chí, các nhóm xã hội, tôn giáo...) về mô hình CQNQQG và phương án lựa chọn;
- Tăng cường năng lực, kiến thức về quyền con người cho cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước

liên quan để nâng cao mặt bằng năng lực về quyền con người nói chung...

101. **CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI VIỆT NAM NÊN LÀM GÌ TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ THÀNH LẬP CQNQQG?**

Trong giai đoạn chuẩn thành lập CQNQQG, các tổ chức xã hội Việt Nam có thể đóng góp vào các hoạt động sau đây:

- Cung cấp thông tin, xuất bản các tài liệu giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức của người dân, các tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước về các mô hình CQNQQG trên thế giới;
- Hình thành mạng lưới các chuyên gia, nhà hoạt động, các tổ chức xã hội quan tâm, thúc đẩy sự hình thành và vai trò của CQNQQG;
- Hỗ trợ các cơ quan nhà nước trong việc chuẩn bị thành lập CQNQQG thông qua các hoạt động tăng cường năng lực, cung cấp thông tin về kinh nghiệm tốt của quốc tế; hỗ trợ kết nối với các chuyên gia, tổ chức quốc tế có kinh nghiệm...

PHỤ LỤC



PHỤ LỤC 1

CÁC NGUYÊN TẮC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỊA VỊ CỦA CÁC CƠ QUAN QUỐC GIA VỀ NHÂN QUYỀN, 1993 (Các nguyên tắc Paris)

PRINCIPLES RELATING TO THE STATUS OF NATIONAL INSTITUTIONS (The Paris Principles)

(Được thông qua bởi Nghị quyết số 48/134 ngày 20/12/1993 của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc).

THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM

Một cơ quan quốc gia sẽ được trao thẩm quyền thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền.

Một cơ quan quốc gia sẽ được trao quyền nhiều nhất có thể và những quyền này sẽ được ghi cụ thể trong hiến pháp hoặc một văn bản pháp luật, cụ thể hóa cơ cấu cũng như lĩnh vực thẩm quyền của nó. Một cơ quan quốc gia sẽ có những trách nhiệm sau, bên cạnh những trách nhiệm khác:

- a. Trình lên Chính phủ, Quốc hội và bất cứ cơ quan có thẩm quyền nào khác, trên cơ sở tham vấn theo yêu cầu của các cơ quan liên quan hay thực thi quyền được xem xét một vấn đề mà không trình báo, đưa ý kiến, kiến nghị, đề xuất và báo cáo về bất cứ vấn đề gì liên quan

đến thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền; cơ quan quốc gia có thể quyết định công bố những thông tin này; những ý kiến, kiến nghị, đề xuất và báo cáo này, cũng như bất cứ quyền nào khác của một cơ quan quốc gia, sẽ liên quan đến những lĩnh vực dưới đây:

- Bất cứ điều khoản lập pháp hay hành pháp nào, cũng như các điều khoản liên quan tới tổ chức tư pháp, với mục đích duy trì và mở rộng việc bảo vệ nhân quyền; liên quan đến điều này, cơ quan quốc gia sẽ kiểm tra các điều khoản lập pháp và hành pháp đang có hiệu lực cũng như là các dự thảo và khuyến nghị luật khác, và đưa ra đề xuất mà nó cho là hợp lý để đảm bảo cho những điều khoản trên tuân theo những nguyên tắc cơ bản của nhân quyền; nếu cần thiết thì cơ quan quốc gia sẽ đề xuất việc áp dụng luật mới, chỉnh sửa luật hiện hành và áp dụng hay điều chỉnh các biện pháp hành pháp;
 - Bất cứ trường hợp vi phạm nhân quyền nào mà nó quyết định tham gia vào; Chuẩn bị báo cáo về tình hình quốc gia liên quan đến nhân quyền nói chung và những vấn đề cụ thể hơn; Lưu ý Chính phủ về tình trạng nhân quyền bị vi phạm ở bất cứ khu vực nào trong nước và đề xuất các biện pháp chấm dứt tình trạng đó, khi cần thiết có thể bày tỏ ý kiến về quan điểm và phản ứng của Chính phủ;
- b. Thúc đẩy và đảm bảo sự hài hòa giữa pháp luật, quy định và thực tiễn thi hành của quốc gia với các văn kiện nhân quyền quốc tế mà quốc gia đó là thành viên,

và việc thực thi có hiệu quả những văn kiện này; c. Khuyến khích phê chuẩn những văn kiện kể trên hay tiếp cận với những văn kiện này và bảo đảm việc áp dụng chúng; d. Đóng góp vào các báo cáo mà Quốc gia được yêu cầu nộp cho các cơ quan và ủy ban của Liên Hợp Quốc, cũng như đóng góp vào các cơ quan khu vực theo nghĩa vụ ghi trong các điều ước, khi cần thiết có thể đưa ra ý kiến về vấn đề này, trên cơ sở tôn trọng thích đáng sự độc lập của các cơ quan đó; e. Hợp tác với Liên Hợp Quốc hay bất cứ tổ chức nào khác trong hệ thống Liên Hợp Quốc, với các cơ quan khu vực và cơ quan quốc gia của các quốc gia khác có thẩm quyền trong lĩnh vực bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền; f. Trợ giúp xây dựng các chương trình đào tạo và nghiên cứu nhân quyền, tham gia vào việc thực hiện các chương trình đó ở trường phổ thông, đại học, hay các cơ quan chuyên môn khác; g. Phổ cập nhân quyền và những nỗ lực chống mọi hình thức phân biệt đối xử, nhất là phân biệt chủng tộc, bằng cách nâng cao nhận thức công chúng, đặc biệt là thông qua thông tin, giáo dục và qua các cơ quan ngôn luận.

CƠ CẤU VÀ CÁC BẢO ĐẢM CHO ĐỘC LẬP VÀ ĐA DẠNG

1. Cơ cấu của cơ quan quốc gia và việc bổ nhiệm các thành viên của nó, dù qua con đường bầu cử hay cách khác, cũng sẽ được thiết lập phù hợp với một tiến trình cho phép những bảo đảm cần thiết cho đa nguyên đại diện của tất cả lực lượng xã hội (của xã hội dân sự)

tham gia vào việc bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền, cụ thể là thông qua quyền thúc đẩy sự hợp tác hiệu quả để thiết lập hay thông qua sự xuất hiện, sự đại diện của:

- a. Các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực nhân quyền và nỗ lực chống phân biệt chủng tộc, các tổ chức nghiệp đoàn, các tổ chức xã hội và nghề nghiệp liên quan, ví dụ như các hiệp hội luật sư, bác sỹ, phóng viên và các nhà khoa học tên tuổi;
 - b. Các xu thế tư tưởng triết học hay tôn giáo;
 - c. Các trường đại học và các chuyên gia có trình độ;
 - d. Quốc hội;
 - e. Các phòng ban của Chính phủ (nếu tính đến cả những phòng ban này, thì đại diện của chúng sẽ chỉ tham gia thảo luận với vai trò tư vấn).
2. Cơ quan quốc gia sẽ có cơ sở vật chất tương xứng để các hoạt động của nó được trôi chảy, đặc biệt là có nguồn quỹ đầy đủ. Mục đích của nguồn quỹ này là giúp nó có đội ngũ nhân viên riêng và tài sản riêng, để có thể độc lập với Chính phủ và không bị phụ thuộc vào bất cứ sự kiểm soát tài chính nào mà có thể ảnh hưởng đến sự độc lập của nó.
3. Để đảm bảo có thẩm quyền ổn định cho các thành viên trong cơ quan quốc gia, mà nếu không có điều này thì sẽ không có độc lập thực sự, việc bổ nhiệm họ sẽ bằng quyết định chính thức ghi rõ thời hạn cụ thể cho thẩm quyền được giao phó. Một người có thể thực hiện cùng một thẩm quyền trong nhiều nhiệm kỳ, miễn là sự đa dạng trong cơ cấu thành viên của cơ quan được đảm bảo.

CÁC PHƯƠNG PHÁP HOẠT ĐỘNG

Trong khuôn khổ hoạt động của mình, cơ quan quốc gia sẽ:

Tự do xem xét bất cứ vấn đề nào trong phạm vi thẩm quyền của mình, dù những vấn đề này do Chính phủ đưa lên hay do nó tự lựa chọn dựa trên đề xuất của các thành viên hay của một bên khiếu kiện bất kỳ mà không chuyển tới cơ quan có thẩm quyền cao hơn; Nghe bất cứ ai và tiếp nhận bất cứ thông tin và tài liệu nào cần thiết để đánh giá tình huống trong thẩm quyền của nó; Trả lời các ý kiến của công chúng một cách trực tiếp hay thông qua một cơ quan ngôn luận nào đó, đặc biệt là trong trường hợp muốn công khai ý kiến và khuyến nghị của nó; Hợp thường xuyên và bất cứ khi nào cần thiết với sự có mặt của tất cả các thành viên sau khi họ đã được thông báo kịp thời; Thành lập các nhóm công tác gồm các thành viên khi cần thiết, và thiết lập các tiểu ban vùng và khu vực để hỗ trợ cơ quan quốc gia thực hiện chức năng của nó; Duy trì tham vấn với các cơ quan khác chịu trách nhiệm thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, như cơ quan xét xử hay cơ quan khác (đặc biệt là thanh tra viên, nhà hòa giải và những cơ quan tương tự); Từ việc thấy được vai trò quan trọng của các tổ chức phi chính phủ trong việc mở rộng hoạt động của các cơ quan quốc gia, phát triển mối quan hệ với các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, phát triển kinh tế và xã hội, chống lại phân biệt chủng tộc, bảo vệ những nhóm người dễ bị tổn thương (đặc biệt là trẻ em, người lao động di cư, người tị nạn, người bị khuyết tật về thể chất và tinh thần) hoặc những lĩnh vực đặc biệt khác.

NHỮNG NGUYÊN TẮC BỔ SUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỊA VỊ CỦA CÁC ỦY BAN CÓ THẨM QUYỀN BÁN TƯ PHÁP

Một cơ quan quốc gia có thể được giao phó nhiệm vụ nghe và xem xét các đơn từ khiếu nại và kiến nghị liên quan đến những tình huống cụ thể. Những vụ việc này có thể được gửi lên bởi các cá nhân, người đại diện của họ, các bên thứ ba, các tổ chức phi chính phủ, các hiệp hội của nghiệp đoàn, hay bất kỳ tổ chức đại diện nào khác. Trong những tình huống như vậy, và trong trường hợp không đi ngược lại các quy tắc được kể đến ở trên liên quan đến thẩm quyền của các ủy ban, thì những chức năng được giao phó cho các ủy ban này có thể dựa trên các nguyên tắc dưới đây:

Tìm kiếm giải pháp hòa giải thông qua thương lượng hay, trong giới hạn luật định, qua những quyết định mang tính ràng buộc hoặc khi cần thiết theo nguyên tắc bí mật; Thông báo cho nguyên đơn về các quyền của họ, đặc biệt là về các phương thức giải quyết mà họ có, hỗ trợ họ tiếp cận các phương thức đó; Giải quyết bất kỳ đơn thư khiếu nại hay kiến nghị hoặc chuyển chúng tới cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi luật định; Đưa ra kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt là thông qua đề xuất sửa đổi, cải cách luật pháp, các quy định hay thông lệ hành chính, đặc biệt là nếu chúng gây khó khăn cho những người khiếu kiện trong việc bảo đảm các quyền của họ.

PHỤ LỤC 2

ĐIỀU LỆ LIÊN MINH TOÀN CẦU THỂ CHẾ NHÂN QUYỀN QUỐC GIA (GANHRI), 2016 trước đây gọi là Hiệp hội Ủy ban Điều phối quốc tế của các thể chế quốc gia về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (ICC)

PHẦN 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Điều 1

Trong Điều lệ này -

- Ngày có nghĩa là ngày theo lịch, không phải ngày làm việc;
- GANHRI có nghĩa là Liên minh toàn cầu của thể chế nhân quyền quốc gia, trước đây gọi là Ủy ban Điều phối quốc tế của các thể chế quốc gia về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền được đề cập trong Nghị quyết của Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp quốc số 2005/74 và Nghị quyết của Hội đồng Nhân quyền Liên Hiệp quốc số 5/1, mà được trao tư cách pháp nhân độc lập theo Điều lệ này;
- Ban Quản trị GANHRI nghĩa là ban quản lý được thành lập theo Điều 43 của Điều lệ này;
- Ban Thư ký GANHRI có nghĩa là các đơn vị có liên quan thuộc Văn phòng Cao ủy Nhân quyền được xác

định chịu trách nhiệm về các tổ chức nhân quyền quốc gia;

- NHRI có nghĩa là một tổ chức nhân quyền quốc gia, một tổ chức quốc gia độc lập được thành lập bởi một nước thành viên hoặc quan sát viên của Liên Hiệp quốc với thẩm quyền hiến định hoặc luật định để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người;
- Quan sát viên có nghĩa là một tổ chức hoặc người được cấp phép tham gia vào các cuộc họp GANHRI hoặc các cuộc họp hay hội thảo mở khác mà không có quyền bỏ phiếu và không có quyền trình bày, trừ khi được mời để làm như vậy bởi Chủ tịch của cuộc họp hoặc hội thảo;
- OHCHR có nghĩa là Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp quốc;
- Các Nguyên tắc Paris có nghĩa là Các nguyên tắc liên quan đến tình trạng của các tổ chức quốc gia được thông qua bởi Ủy ban Nhân quyền ở nghị quyết 1992/54 ngày 03 tháng 3 năm 1992 và xác nhận của Đại hội đồng ở nghị quyết 48/134 ngày 20 tháng 12 năm 1993;
- Mạng lưới khu vực là cơ quan được thành lập bởi các NHRI trong mỗi nhóm khu vực của Châu Phi, Châu Mỹ, Châu Á-Thái Bình Dương và châu Âu để làm thư ký điều phối cho họ, cụ thể là:
 - a) Mạng lưới các tổ chức nhân quyền quốc gia châu Phi (NANHRI);
 - b) Mạng lưới các tổ chức nhân quyền quốc gia châu Mỹ;

- c) Diễn đàn các cơ quan nhân quyền quốc gia châu Á - Thái Bình Dương (APF); và d) Mạng lưới các cơ quan nhân quyền quốc gia châu Âu (ENNHRI);
- SCA có nghĩa là Tiểu ban của GANHRI chịu trách nhiệm đưa ra các khuyến nghị về công nhận tiêu chuẩn dưới sự bảo trợ của OHCHR, được nêu trong Nghị quyết Ủy ban Nhân quyền số 2005/74, và được chính thức thành lập theo Điều lệ như một tiểu ban của Ban Quản trị GANHRI.
 - Thư ký có nghĩa là người được bầu làm Thư ký theo Điều 34, đóng vai trò như Phó cho Chủ tịch, để thực hiện vai trò và chức năng của Chủ tịch khi người này vắng mặt, bao gồm các chức năng nêu tại Điều 49;
 - Thành viên bỏ phiếu có nghĩa là một NHRI là thành viên của GANHRI và được công nhận tình trạng 'A'; và thành viên không bỏ phiếu có nghĩa là một NHRI là thành viên của GANHRI và được công nhận tình trạng 'B';
 - “Được viết” hoặc “bằng văn bản” bao gồm bất kỳ hình thức viết tay, đánh máy hoặc truyền thông bằng telex, cáp, thư điện tử và fax.

PHẦN 2: TÊN, LOGO VÀ TRỤ SỞ VĂN PHÒNG

Điều 2

1. Một hiệp hội phi lợi nhuận được tạo ra bởi các NHRI theo Điều lệ này, theo Điều 60 và các điều tiếp theo của Bộ luật Dân sự của Thụy Sĩ, là một hiệp hội phi lợi

nhuận có tư cách pháp nhân độc lập với các thành viên của nó.

2. Tên của hiệp hội là Liên minh toàn cầu của các thể chế nhân quyền quốc gia, trước đây gọi là Hiệp hội Ủy ban Điều phối quốc tế các thể chế thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, trong Điều lệ này được gọi là GANHRI.
3. Thời gian hoạt động của GANHRI không giới hạn.
4. GANHRI được tạo lập theo Điều lệ này có tư cách độc lập với mạng lưới lỏng lẻo của các NHRI cho đến nay vẫn tồn tại theo Quy tắc Thủ tục cũ.

Điều 3

Logo chính thức của GANHRI, trong mỗi ngôn ngữ làm việc, là những hình ảnh sau đây:



Điều 4

Văn phòng trụ sở được đăng ký của GANHRI là tại Geneva, Thụy Sĩ.

PHẦN 3: MỤC ĐÍCH**Điều 5. Các mục tiêu**

GANHRI là một hiệp hội quốc tế của các NHRI, nhằm thúc đẩy và củng cố các NHRI cho phù hợp với các Nguyên tắc Paris và cung cấp sự lãnh đạo trong việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người.

Điều 6

Đại hội của GANHRI, các cuộc họp của Ban Quản trị GANHRI và của SCA, cũng như các Hội nghị quốc tế của GANHRI sẽ được tổ chức dưới sự bảo trợ của, và trong sự hợp tác với, OHCHR.

Điều 7. Chức năng và nguyên tắc

1. Các chức năng của GANHRI là:
 - a) Phối hợp ở cấp quốc tế hoạt động của các NHRI được thành lập phù hợp với Các Nguyên tắc Paris, bao gồm các hoạt động như:
 - i) Tương tác và hợp tác với Liên Hợp quốc, trong đó có OHCHR, Hội đồng Nhân quyền, các cơ chế của nó, các cơ quan nhân quyền theo điều ước của Liên Hợp quốc, cũng như các tổ chức quốc tế khác;

- ii) Hợp tác và phối hợp giữa các NHRI và các mạng lưới khu vực;
 - iii) Truyền thông giữa các thành viên, và với các bên liên quan bao gồm, nếu thích hợp, công chúng;
 - iv) Phát triển kiến thức;
 - v) Quản trị kiến thức;
 - vi) Phát triển các chủ trương, chính sách; các bản trình bày quan điểm;
 - vii) Thực hiện các sáng kiến;
 - viii) Tổ chức hội nghị.
- b) Thúc đẩy việc thành lập và tăng cường các NHRI phù hợp với Các Nguyên tắc Paris, bao gồm các hoạt động như:
- i) Công nhận thành viên mới;
 - ii) Định kỳ kiểm định lại việc xếp hạng;
 - iii) Kiểm định việc xếp hạng đặc biệt;
 - iv) Hỗ trợ NHRI bị đe dọa;
 - v) Khuyến khích việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật;
 - vi) Bồi dưỡng và thúc đẩy các cơ hội giáo dục và đào tạo để phát triển và tăng cường năng lực của các NHRI.
- c) Thực hiện các chức năng khác như được đề ra bởi các thành viên có quyền biểu quyết.

2. Khi thực hiện các chức năng này, GANHRI sẽ làm việc với sự coi trọng các nguyên tắc sau đây:

- a) Quy trình công nhận ông bằng, minh bạch và đáng tin cậy;

- b) Thông tin kịp thời và hướng dẫn cho các NHRI về việc tương tác với Hội đồng Nhân quyền, các cơ chế của nó, cơ quan nhân quyền theo điều ước Liên Hợp quốc;
- c) Phổ biến thông tin, hướng dẫn cho các NHRI liên quan đến Hội đồng Nhân quyền và các cơ chế của nó, và cơ quan nhân quyền theo điều ước Liên Hợp quốc;
- d) Đại diện uỷ thác của các NHRI;
- e) Quan hệ chặt chẽ với OHCHR và các mạng lưới khu vực mà phản ánh các vai trò bổ sung;
- f) Sự tham gia linh hoạt, minh bạch và tích cực trong tất cả các quy trình;
- g) Các quá trình ra quyết định mở rộng, dựa trên sự đồng thuận với mức độ khả thi cao nhất;
- h) Duy trì nền độc lập và tự chủ về tài chính.

Điều 8. Hội nghị quốc tế

GANHRI có thể triệu tập một hội nghị quốc tế ba năm một lần theo quy định của Quy tắc Thủ tục hội thảo quốc tế của các NHRI.

PHẦN 4: QUAN HỆ VỚI CÁC TỔ CHỨC VÀ NGO NHÂN QUYỀN KHÁC

Điều 9

GANHRI có thể liên hệ với các tổ chức khác trong đó có Viện Ombudsman Quốc tế và các tổ chức phi chính phủ. Ban Quản trị GANHRI có thể quyết định việc trao cho các tổ chức đó địa vị tổ chức quan sát viên tại bất kỳ cuộc họp hay hội thảo

của GANHRI hoặc Ban Quản trị GANHRI.

PHẦN 5: CÔNG NHẬN THEO CÁC NGUYÊN TẮC PARIS

Điều 10

[Ghi chú: Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng Nhân quyền số 5/1, Quy tắc thủ tục VII, quy tắc 7 (b), sự tham gia của các NHRI trong công việc của Hội đồng Nhân quyền được dựa trên sự sắp xếp, thực hành được thống nhất bởi nghị quyết của Ủy ban Nhân quyền số 2005/74 ngày 20 tháng 4 năm 2005. Nghị quyết 2005/74, đoạn 11 (a), cho phép các NHRI được công nhận bởi SCA dưới sự bảo trợ của OHCHR thực hiện quyền tham gia vào Ủy ban Nhân quyền và các cơ quan trực thuộc Ủy ban.]

Đơn đề nghị công nhận tiêu chuẩn

1. Bất kỳ NHRI nào muốn được công nhận theo Các Nguyên tắc Paris sẽ nộp đơn cho Chủ tịch GANHRI. Thông qua Ban Thư ký GANHRI, các NHRI phải cung cấp các tài liệu sau đi kèm với đơn đề nghị của mình:
 - a) một bản sao văn bản pháp luật hoặc các văn kiện khác, nhờ đó nó được thành lập và trao quyền chính thức hoặc được công bố;
 - b) một tóm lược về cơ cấu tổ chức của nó, bao gồm cả số nhân viên bổ sung và ngân sách hàng năm;
 - c) một bản sao báo cáo năm gần đây nhất hoặc tài liệu tương đương chính thức hoặc dạng ở xuất bản;
 - d) trình bày chi tiết cho thấy sự phù hợp với Các Nguyên tắc Paris, cũng như bất kỳ khía cạnh nào chưa tuân theo và bất cứ đề xuất nào về đảm bảo sẽ

tuân thủ. Ban Quản trị GANHRI có thể quyết định hình thức của trình bày này.

- Đơn đề nghị sẽ được quyết định theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này.

Điều 11

- Tất cả các đơn đề nghị công nhận theo Các Nguyên tắc Paris, sẽ được quyết định theo bảo trợ của, và trong hợp tác với, OHCHR bởi Ban Quản trị GANHRI, sau khi xem xét một báo cáo của SCA trên cơ sở bằng chứng bằng văn bản đệ trình.
- Trong tiến trình đi đến quyết định, Ban Quản trị GANHRI và SCA sẽ thông qua các thủ tục tạo điều kiện đối thoại và trao đổi thông tin giữa các cơ quan này và NHRI nộp đơn, nếu thấy là cần thiết để đi đến một quyết định hợp lý và công bằng.

Điều 12

- Trong trường hợp Tiểu ban về Công nhận đi đến một đề nghị công nhận, nó sẽ được chuyển tới Ban Quản trị GANHRI, là cơ quan ra quyết định cuối cùng theo thủ tục sau đây:
 - Đề nghị của Tiểu ban trước hết sẽ được chuyển đến tổ chức nộp đơn;
 - Tổ chức nộp đơn có thể khiếu nại một đề nghị bằng cách gửi một văn bản khiếu nại đến Chủ tịch GANHRI, thông qua Ban Thư ký GANHRI, trong vòng hai mươi tám (28) ngày kể từ ngày nhận;

- c) Sau đó đề nghị sẽ được chuyển tiếp đến các thành viên của Ban Quản trị GANHRI quyết định. Nếu một khiếu nại đã nhận được, sự phản đối cùng với tất cả các tài liệu có liên quan đến đơn đề nghị sẽ được chuyển tiếp đến các thành viên của Ban Quản trị GANHRI;
- d) Bất kỳ thành viên của Ban Quản trị GANHRI không đồng ý với đề nghị, trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận, thông báo cho Chủ tịch Tiểu ban và Thư ký GANHRI. Thư ký GANHRI sẽ kịp thời thông báo cho tất cả các thành viên Ban Quản trị GANHRI phản đối nêu ra và sẽ cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để làm sáng tỏ sự phản đối. Nếu trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được thông tin này, ít nhất là bốn (4) Ủy viên Ban Quản trị GANHRI đến từ không ít hơn hai (2) nhóm khu vực thông báo cho Ban Thư ký GANHRI rằng họ cũng sự phản đối tương tự, đề nghị sẽ được chuyển đến cuộc họp Ban Quản trị GANHRI để quyết định tiếp;
- e) Nếu có ít nhất bốn (4) thành viên đến từ hai (2) hoặc nhiều nhóm khu vực hơn không nêu phản đối đề nghị, trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận, các kiến nghị được coi như được chấp thuận bởi Ban Quản trị GANHRI;
- f) Quyết định của Ban Quản trị GANHRI về việc công nhận xếp hạng là cuối cùng.

Điều 13

Nếu Ban Quản trị GANHRI quyết định từ chối đơn đề nghị công nhận của bất kỳ NHRI nào vì lý do nó đã không tuân thủ theo Các Nguyên tắc Paris, Ban Quản trị GANHRI hoặc đại biểu của nó có thể tham vấn thêm với tổ chức đó liên quan đến các biện pháp để giải quyết vấn đề về sự tuân thủ của nó.

Điều 14

Bất kỳ NHRI có đơn đề nghị công nhận đã bị từ chối có thể nộp lại đơn đề nghị công nhận, theo các nguyên tắc quy định tại Điều 10, bất cứ lúc nào. Một đơn đề nghị như vậy có thể xem xét tại cuộc họp tiếp theo của Tiểu ban về Công nhận.

Điều 15. Định kỳ tái công nhận

Tất cả các NHRI giữ tình trạng ‘A’ sẽ được xét công nhận lại theo chu kỳ năm năm. Điều 10 áp dụng cho tất cả các NHRI trải qua việc tái công nhận. Đặc biệt, việc dẫn chiếu đến một đơn đề nghị công nhận có nghĩa là cả ứng đơn đề nghị ban đầu và đơn đề nghị để tái công nhận.

Điều 16. Xem xét lại quy trình công nhận

1. Trong hoàn cảnh có bất kỳ thay đổi nào của NHRI theo bất cứ cách nào có thể ảnh hưởng đến sự tiếp tục tuân thủ của nó với Các Nguyên tắc Paris, NHRI phải thông báo cho Chủ tịch về những thay đổi và Chủ tịch đặt vấn đề ra Tiểu ban về Công nhận để xem xét lại về tình trạng công nhận của NHRI.
2. Trường hợp, theo ý kiến của Chủ tịch hoặc của bất kỳ

thành viên nào của Tiểu ban về Công nhận, có vẻ như hoàn cảnh của bất kỳ NHRI nào đã được công nhận tình trạng 'A' theo các Quy tắc Thủ tục cũ có thể thay đổi theo cách mà ảnh hưởng đến sự tuân thủ với Các Nguyên tắc Paris, Chủ tịch hoặc Tiểu ban có thể khởi động việc xem xét lại tình trạng công nhận của NHRI đó.

3. Bất kỳ việc xem xét lại công nhận xếp loại của một NHRI nào cũng phải được hoàn tất trong vòng mười tám (18) tháng.

Điều 17

Mỗi khi tiến hành xem xét lại Chủ tịch và SCA sẽ có tất cả các quyền hạn và trách nhiệm như khi áp dụng Điều 10.

Điều 18. Thay đổi công nhận phân loại

1. Bất kỳ quyết định nào về việc loại bỏ sự công nhận trạng thái 'A' từ tổ chức nộp đơn chỉ có thể được thực hiện sau khi tổ chức nộp đơn được thông báo về ý định này và có cơ hội cung cấp, bằng văn bản, trong vòng một (1) năm kể từ khi nhận được thông báo, các bằng chứng bằng văn bản coi là cần thiết để khẳng định sự tiếp tục phù hợp của mình với Các Nguyên tắc Paris. Thẩm quyền đình chỉ ngay việc công nhận trong trường hợp đặc biệt
2. Nếu, theo quan điểm của Chủ tịch GANHRI có một trường hợp ngoại lệ đòi hỏi phải đình chỉ khẩn trương tình trạng công nhận hạng 'A' của một tổ chức, Ban

Quản trị GANHRI có thể quyết định đình chỉ ngay việc phân loại công nhận của tổ chức đó và bắt đầu thủ tục xem xét lại đặc biệt, phù hợp với Điều 16.2.

Quy trình đình chỉ ngay lập tức việc công nhận trong trường hợp đặc biệt

3. Quyết định của Ban Quản trị GANHRI trong trường hợp ngoại lệ như vậy là cuối cùng và theo thủ tục sau đây:
 - a) Chủ tịch GANHRI, thông qua Thư ký GANHRI, sẽ thông báo ngay lập tức đến Ban Quản trị GANHRI và tổ chức liên quan về việc có một cáo buộc trường hợp ngoại lệ theo Điều 18.2 và khuyến nghị đình chỉ việc công nhận phân loại của tổ chức đó;
 - b) Tổ chức có thể phản đối khuyến nghị bằng cách gửi một khiếu nại bằng văn bản đến Ban Quản trị GANHRI, thông qua Thư ký GANHRI, trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được khuyến nghị;
 - c) Bất kỳ thành viên nào của Ban Quản trị GANHRI, mà không đồng ý với đề nghị đình chỉ việc công nhận phân loại của tổ chức, trong thời hạn ba mươi (30) ngày từ khi nhận khiếu nại của tổ chức, thông báo cho Thư ký GANHRI. Thư ký GANHRI sẽ thông báo kịp thời đến tất cả các thành viên Ban Quản trị GANHRI về sự phản đối và sẽ cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để làm rõ sự phản đối đó. Nếu trong vòng hai mươi (20) ngày từ khi tiếp nhận thông tin này, ít nhất hai (2) thành viên Ban

Quản trị GANHRI đến từ không ít hơn hai (2) khu vực thông báo cho Thư ký GANHRI rằng họ có một phản đối tương tự, khuyến nghị sẽ được chuyển đến cuộc họp tiếp theo của Ban Quản trị GANHRI để quyết định;

- d) Nếu không có thành viên nào của Ban Quản trị GANHRI nêu phản đối đối với khuyến nghị, trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận khiếu nại của tổ chức, quyết định đình chỉ tình trạng của tổ chức phải được coi như được sự phê chuẩn của Ban Quản trị GANHRI.
4. Vì mục đích của Điều 18.2 và 18.3, một “hoàn cảnh đặc biệt” đề cập đến một thay đổi bất ngờ và kịch tính của trật tự chính trị nội bộ của một quốc gia như:
- a) một sự phá vỡ trật tự hiến pháp hay trật tự dân chủ;
 - b) một tuyên bố tình trạng khẩn cấp; hoặc là
 - c) vi phạm nhân quyền nghiêm trọng; và điều này được đi kèm với bất kỳ những điều sau đây:
 - (i) có sự thay đổi trong luật hoặc quy định hiện hành khác về NHRI mà trái với Các Nguyên tắc Paris;
 - (ii) có sự thay đổi thành phần của NHRI mà không được thực hiện phù hợp với việc lựa chọn và/hoặc quy trình bổ nhiệm đã được thiết lập; hoặc là
 - (iii) các NHRI hoạt động theo cách làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tuân thủ các Nguyên tắc Paris.

Điều 19. Đình chỉ vì không đề nghị tái công nhận

Một công nhận phân loại của một NHRI có thể bị đình chỉ nếu NHRI không nộp đơn đề nghị cấp lại chứng nhận hoặc không làm như vậy trong thời gian quy định mà không có giải thích gì.

Điều 20. Mất hiệu lực công nhận địa vị

Một công nhận phân loại có thể mất hiệu lực nếu một NHRI không nộp đơn đề nghị công nhận lại trong vòng một (1) năm bị đình chỉ vì không nộp đơn đề nghị, hoặc nếu một NHRI xét theo Điều 16 của Điều lệ này không cung cấp đầy đủ tài liệu, trong vòng mười tám (18) tháng bị đặt dưới sự xem xét, để đáp ứng việc cơ quan xác định tư cách thành viên theo Điều lệ này rằng nó vẫn còn phù hợp với các Nguyên tắc Paris.

Điều 21

Các NHRI mà sự công nhận đã bị đình chỉ vẫn bị coi là trong tình trạng bị đình chỉ cho đến khi cơ quan xác định tuân thủ với các Nguyên tắc Paris theo Điều lệ này quyết định về việc công nhận địa vị của chúng hoặc cho đến khi sự công nhận chúng mất hiệu lực.

Điều 22

Các NHRI mà sự công nhận địa vị đã mất hiệu lực hoặc bị đình chỉ có thể có lại được sự công nhận chỉ bằng cách đề nghị công nhận lại theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.

Điều 23. Mất các quyền ưu đãi đi kèm với sự công nhận

Trong trường hợp sự công nhận mất hiệu lực, bị thu hồi hoặc đình chỉ, tất cả các quyền và đặc quyền mà NHRI có được thông qua sự công nhận ngay lập tức chấm dứt. Trong trường hợp một NHRI đang được xem xét, nó sẽ giữ lại tình trạng công nhận đã được cấp cho đến khi cơ quan xác định tư cách thành viên đưa ra quyết định về sự tuân thủ với các Nguyên tắc Paris hoặc về việc mất hiệu lực tư cách thành viên của nó.

PHẦN 6: THÀNH VIÊN

Điều 24. Điều kiện và quyền bỏ phiếu

- 1) Chỉ các NHRI tuân thủ đầy đủ các Nguyên tắc Paris, là những tổ chức đã được công nhận tình trạng 'A' phù hợp với các thủ tục thành lập theo Điều lệ này mới có đủ điều kiện để trở thành thành viên có quyền bỏ phiếu của GANHRI.
- 2) Các NHRI có một phần phù hợp với các Nguyên tắc Paris, là những tổ chức đã được công nhận tình trạng 'B' phù hợp với các thủ tục thành lập theo Điều lệ này có đủ điều kiện để trở thành thành viên không có quyền bỏ phiếu.
- 3) Một công nhận phân loại của một NHRI có thể bị đình chỉ nếu NHRI không nộp đơn xin tái công nhận hoặc không làm như vậy trong thời gian quy định mà không có sự giải thích.

Điều 25.

Đơn đề nghị trở thành thành viên Bất kỳ NHRI nào có

nhu cầu trở thành thành viên của GANHRI cần nộp đơn bằng văn bản cho Chủ tịch GANHRI: trong trường hợp đề nghị trở thành thành viên có quyền biểu quyết, nêu cụ thể của ngày nó đã được công nhận trạng thái 'A'; và, trong trường hợp của đơn đề nghị trở thành thành viên không có quyền biểu quyết, nêu cụ thể của ngày nó đã được công nhận trạng thái 'B'. Trong cả hai trường hợp, tổ chức nộp đơn phải ghi rõ sự chấp thuận của họ chịu sự ràng buộc bởi Điều lệ này như được sửa đổi theo thời gian (bao gồm cả việc thanh toán lệ phí thành viên hàng năm). Đề nghị này sẽ được xem xét và quyết định bởi Ban Quản trị GANHRI.

Điều 26. Ngừng tư cách thành viên

Một NHRI sẽ không còn là thành viên của GANHRI khi thông báo bằng văn bản rằng đơn rút lui của NHRI đã được trao cho Chủ tịch GANHRI, nhưng không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ của NHRI về thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với GANHRI tính đến ngày rút lui.

Điều 27. Hủy tư cách thành viên

Tư cách thành viên có thể bị hủy bằng nghị quyết của Ban Quản trị GANHRI nếu cơ quan xác định tình trạng công nhận theo Điều lệ này xác định rằng một thành viên không còn đáp ứng các yêu cầu đủ điều kiện thành viên nêu tại Điều 24.

Điều 28. Đình chỉ tư cách thành viên

Tư cách thành viên có thể bị đình chỉ bởi nghị quyết của Ban Quản trị GANHRI nếu thành viên trong sáu (6) tháng hoặc

nhiều hơn không nộp phí hàng năm đến hạn và nợ.

Điều 29

- 1) Một NHRI mà tư cách thành viên đã bị hủy, hoặc đình chỉ vì không trả phí hàng năm, có thể lấy lại tư cách thành viên bằng cách nộp đơn đề nghị trở lại thành viên theo Điều 25 của Điều lệ này.
- 2) Trường hợp tư cách thành viên đã bị đình chỉ vì không trả tiền phí hàng năm, việc trở lại thành viên phải chịu chi trả các khoản phát sinh như Ban Quản trị GANHRI xác định.

Điều 30. Sự độc lập của thành viên

Bất kể quy định nào trong Điều lệ này, sự độc lập, quyền hạn và tình trạng quốc gia của thành viên, thẩm quyền, nhiệm vụ và chức năng của họ theo luật định, cũng như sự tham gia của họ vào các diễn đàn quốc tế khác nhau về nhân quyền sẽ không có cách nào bị ảnh hưởng bởi việc tạo lập ra GANHRI hoặc hoạt động của hiệp hội.

PHẦN 7: CÁC MẠNG LƯỚI THÀNH VIÊN KHU VỰC

Điều 31

- 1) Với mục đích đảm bảo một sự cân bằng hợp lý của đại diện các vùng tại GANHRI các Mạng lưới khu vực sau đây được thành lập:
 - a) Châu Phi
 - b) Châu Mỹ

- c) Châu Á-Thái Bình Dương
- d) Châu Âu
- 2) Các thành viên trong bất kỳ Mạng lưới khu vực nào có quyền thành lập các nhóm tiểu khu vực như họ muốn.
- 3) Các thành viên của Mạng lưới khu vực có thể thành lập các thủ tục riêng của họ liên quan các cuộc họp và các hoạt động.
- 4) Mỗi Mạng lưới khu vực sẽ bầu bốn (4) thành viên được công nhận tình trạng 'A' và mỗi thành viên sẽ có một đại diện tại Ban Quản trị GANHRI.

PHẦN 8: ĐẠI HỘI THÀNH VIÊN

Điều 32 Đại hội cấu thành bởi các thành viên GANHRI và cấu thành cơ quan có thẩm quyền cao nhất của hiệp hội.

Điều 33. Nghĩa vụ

Nghĩa vụ của Đại hội bao gồm việc kiểm soát các hoạt động của GANHRI, xem xét và kiểm soát các hoạt động của Ban Quản trị GANHRI, phê duyệt các chương trình hoạt động của GANHRI, việc sửa đổi Điều lệ này, xem xét các vấn đề kinh phí và ấn định phí hàng năm nộp bởi các thành viên được công nhận tình trạng 'A'. Tuy nhiên các quyết định của Ban Quản trị GANHRI về công nhận phân loại sẽ không chịu sự xem xét hoặc kiểm soát bởi Đại hội.

Điều 34. Thành viên của Ban Quản trị GANHRI

Đại hội phê chuẩn việc bổ nhiệm các thành viên của Ban Quản trị GANHRI và bầu Chủ tịch và Thư ký. Các thành viên của Ban Quản trị GANHRI là các cá nhân đại diện cho các thành viên của GANHRI được công nhận tình trạng 'A' và đã được bổ nhiệm bởi các Mạng lưới khu vực của họ theo Điều 31.

Điều 35

Nếu được yêu cầu theo Luật Thụy Sĩ, Đại hội phải bầu một người kiểm toán mà không phải là thành viên của GANHRI.

Điều 36. Các cuộc họp

Đại hội họp ít nhất mỗi năm một lần kết hợp với một cuộc họp của Hội đồng Nhân quyền theo thông báo bằng văn bản của Ban Quản trị GANHRI cho các thành viên ít nhất sáu (6) tuần trước và ở những thời gian khác cần thiết theo pháp luật, kể cả khi có yêu cầu của một phần năm hoặc nhiều hơn của thành viên.

Điều 37 Chương trình nghị sự của cuộc họp phải được gửi đến các thành viên với các thông báo bằng văn bản.

PHẦN 9: QUYỀN BẦU CỬ VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 38

1. Tại Đại hội, chỉ các thành viên được công nhận tình trạng 'A' có quyền bỏ phiếu.
2. Thành viên được công nhận tình trạng 'B' có quyền tham gia và trình bày tại Đại hội (và tất cả các cuộc họp

và hội thảo mở khác của GANHRI).

3. Một NHRI không được công nhận một trong hai tình trạng 'A' hoặc 'B' có thể, với sự đồng ý của cuộc họp hoặc hội thảo cụ thể, tham dự như một quan sát viên.
4. Chủ tịch, sau khi tham khảo ý kiến với các thành viên GANHRI, có thể mời NHRI không phải là thành viên của GANHRI và bất kỳ người nào hoặc tổ chức khác để tham gia vào công việc của GANHRI như một quan sát viên.

Điều 39

1. Tại Đại hội, chỉ có một (1) NHRI từ mỗi nước thành viên Liên hợp quốc đủ điều kiện để trở thành một thành viên bầu cử.
2. Trường hợp có nhiều hơn một (1) tổ chức tại một nước thành viên đủ điều kiện có tư cách thành viên, nhà nước đó sẽ có một (1) tổ chức có quyền phát biểu, một (1) có quyền biểu quyết, và nếu được bầu, một (1) thành viên Ban Quản trị GANHRI.
3. Sự lựa chọn một tổ chức đại diện cho các NHRI của một nước cụ thể sẽ dành do các tổ chức có liên quan xác định.

Điều 40

1. Các quyết định của Đại hội được thông qua bởi đa số các thành viên có mặt hoặc đại diện hợp lệ.
2. Đại hội sẽ chỉ giải quyết các vấn đề được tóm tắt trong Chương trình nghị sự.

3. Nếu cần thiết, hoặc theo yêu cầu của hơn một nửa số thành viên có mặt tại Đại hội, Chủ tịch có thể triệu tập một Đại hội bất thường.

Điều 41. Số đại biểu cần có mặt để biểu quyết có giá trị

Số đại biểu cần có mặt để biểu quyết có giá trị là ít nhất một nửa tổng số thành viên.

Điều 42

Tiếng Ả Rập, tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha sẽ là ngôn ngữ làm việc của GANHRI. Do đó, tài liệu từ GANHRI nên có sẵn trong các ngôn ngữ này.

PHẦN 10: BAN QUẢN TRỊ GANHRI

Điều 43

GANHRI được điều hành bởi một Ban Quản trị GANHRI gồm mười sáu (16) cá nhân, bao gồm Chủ tịch và Thư ký.

Điều 44

1. Trong trường hợp:
 - a) một đại diện của một thành viên của một mạng khu vực vì lý do nào đó không còn có thể đại diện cho thành viên đó, hoặc
 - b) nếu thành viên không còn được công nhận tình trạng 'A', hoặc
 - c) việc bổ nhiệm thành viên theo Điều 31.4 bị thu hồi, người đại diện sẽ không còn là thành viên của Ban

Quản trị GANHRI, và Mạng lưới khu vực sau đó sẽ bổ nhiệm một đại diện khác, người đại diện này sẽ đóng vai trò là một thành viên bình thường của Ban Quản trị GANHRI cho đến Đại hội tiếp theo.

Điều 45

1. Chủ tịch và Thư ký phải được bầu bởi Đại hội, trên cơ sở địa lý luân phiên, theo nhiệm kỳ ba (3) năm không thể ra hạn.
2. Trình tự luân chuyển là:
 - a) Châu Mỹ,
 - b) Châu Á-Thái Bình Dương,
 - c) Châu Phi, và
 - d) Châu Âu.

Điều 46. Quyền hạn của Ban Quản trị GANHRI

1. Ban Quản trị GANHRI được trao quyền hành động nhân danh GANHRI và thực hiện các mục đích và chức năng của GANHRI.
2. Không làm hạn chế thẩm quyền quản lý chung, Ban Quản trị GANHRI được trao các quyền:
 - a) quyết định về đơn đề nghị công nhận sau khi xem xét đề nghị từ SCA;
 - b) quyết định về đơn đề nghị trở thành thành viên của GANHRI;
 - c) triệu tập Đại hội của GANHRI;
 - d) cộng tác và làm việc với các cơ chế và các thủ tục của Liên Hợp Quốc, cũng như OHCHR và UNDP,

- làm việc với OHCHR liên quan đến việc công nhận GANHRI, các cuộc họp hàng năm của GANHRI, các cuộc họp của Ban Quản trị GANHRI và hội nghị quốc tế của các NHRI. Ngoài ra, OHCHR sẽ tạo điều kiện và phối hợp sự tham gia của các NHRI tại Hội đồng Nhân quyền, các cơ chế của nó, và các cơ quan điều ước nhân quyền của Liên Hợp quốc;
- e) sử dụng và chấp nhận các dịch vụ của OHCHR như là Thư ký cho GANHRI, Ban Quản trị GANHRI và SCA của nó;
 - f) bổ nhiệm từ các thành viên của Ban Quản trị GANHRI một người làm thủ quỹ của GANHRI;
 - g) mua, cho thuê, bỏ hoặc có cách giải quyết khác đối với bất động sản các loại;
 - h) mở tài khoản ngân hàng, chỉ định chữ ký và xác định thẩm quyền của chữ ký;
 - i) sử dụng tiền và làm tất cả những điều cần thiết để thúc đẩy các mục đích của GANHRI;
 - j) ủy thác bất kỳ chức năng nào cho một người, một ủy ban thường trực hoặc tiểu ban gồm các cá nhân hoặc các thành viên;
 - k) phối hợp và sắp xếp các cuộc hội thảo, các cuộc họp, các ủy ban thường trực và các tiểu ban, và các hoạt động khác;
 - l) tham gia, miễn nhiệm, đình chỉ các nhân viên, đơn vị và các đối tác ký hợp đồng;
 - m) ký kết hợp đồng;
 - n) tham gia hỗ trợ về chuyên môn cho việc chuẩn bị

- các báo cáo hàng năm và các báo cáo tài chính, tư vấn luật, và về bất kỳ mục đích nào khác;
- o) chuẩn bị và phổ biến các ghi chú, bản tin và các tài liệu bất cứ loại nào đến các thành viên, và để thúc đẩy thông tin chung về vấn đề nhân quyền, về các hoạt động của Hội đồng Nhân quyền, các cơ chế của nó, các cơ quan điều ước nhân quyền của Liên Hợp Quốc, và về GANHRI mà các thành viên có thể quan tâm;
 - p) nhận được các khoản tài chính, viện trợ, và quà tặng các loại;
 - q) thông qua, sửa đổi hoặc hủy bỏ các quy định về thủ tục liên quan đến các phương pháp làm việc của Ban Quản trị GANHRI và các tiểu ban của nó để điều chỉnh hoặc làm rõ các vấn đề nêu trong Điều lệ này. Mỗi quyết định áp dụng, sửa đổi hoặc hủy bỏ một quy tắc sẽ được gửi càng sớm càng tốt trong khả năng tới tất cả các thành viên của GANHRI.

Điều 47. Phí thành viên

1. Ban Quản trị GANHRI, vào thời điểm và bằng phương thức thích hợp, khuyến nghị đến Đại hội về một số lượng phí thành viên hàng năm nên được đề ra bởi Đại hội.
2. Sau khi được đề ra, Ban Quản trị sẽ đảm bảo các thủ tục thực hiện để thu phí thành viên.
3. Ban Quản trị GANHRI, trong quyết định của mình, có thể bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần phí hàng năm cho

một thành viên nếu thấy rằng thành viên đó không thể trả toàn bộ số tiền đến hạn.

Điều 48. Các cuộc họp của Ban Quản trị GANHRI

1. Các cuộc họp của Ban Quản trị GANHRI sẽ được tổ chức kết hợp với mỗi Đại hội của GANHRI và ít nhất hai (2) lần mỗi năm.
2. Nếu không, Ban Quản trị GANHRI sẽ họp vào thời gian và địa điểm như Ban Quản trị hay Chủ tịch quyết định.
3. Văn bản thông báo triệu tập một cuộc họp phải được đưa ra ít nhất bốn (4) tuần trước, trừ khi Ban Quản trị GANHRI đồng ý về một khoảng thời gian ngắn hơn cho cuộc họp đó.
4. Chương trình nghị sự của cuộc họp phải được gửi đến các thành viên với thông báo bằng văn bản.

Điều 49

1. Chủ tịch GANHRI, hoặc Thư ký GANHRI khi Chủ tịch vắng mặt, chỉ đạo công việc của Đại hội và Ban Quản trị GANHRI theo thẩm quyền đã được thực hành phát triển và theo chỉ dẫn bởi Đại hội theo thời gian.
2. Đặc biệt, Chủ tịch có thể trình bày tại Hội đồng Nhân quyền, các cơ chế của nó, cơ quan điều ước của Liên Hợp Quốc và, khi được mời, tại các tổ chức quốc tế khác:
 - a) thay mặt cho GANHRI về các chủ đề được ủy quyền bởi Đại hội hoặc Ban Quản trị GANHRI;

- b) thay mặt cho các cá nhân NHRI khi được họ ủy quyền;
- c) về các vấn đề nhân quyền theo chủ đề để thúc đẩy chính sách được quyết định bởi một Đại hội, một cuộc họp hai năm một lần hoặc bởi Ban Quản trị GANHRI; và
- d) để thúc đẩy các mục tiêu của GANHRI nói chung.

Điều 50. Thực thi công việc của Ban Quản trị GANHRI

1. Tiếng Ả Rập, tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha sẽ là ngôn ngữ làm việc của Ban Quản trị GANHRI. Do đó, tài liệu từ GANHRI nên có sẵn trong các ngôn ngữ này.
Số đại biểu cần có mặt để biểu quyết có giá trị
2. Đa số các thành viên của Ban Quản trị GANHRI cần có mặt để biểu quyết có giá trị.
3. Một chương trình cho mỗi cuộc họp được lập bởi Chủ tịch tham khảo ý kiến với các thành viên Ban Quản trị GANHRI. Các nội dung Chương trình nghị sự có thể được bổ sung tại cuộc họp nếu được chấp thuận bởi đa số thành viên có mặt.
4. Tại các cuộc họp Thành viên Ban Quản trị GANHRI có thể có các cố vấn, bao gồm các đại diện từ các mạng khu vực có liên quan, đi kèm. Những người này sẽ tham dự với tư cách cố vấn cho các thành viên và quan sát viên của họ tạo cuộc họp, và có thể tham gia vào các cuộc thảo luận khi có lời mời của Chủ tịch.
Bỏ phiếu
5. Mỗi thành viên của Ban Quản trị GANHRI sẽ có một

- (1) phiếu. Khi có thể, quyết định của Ban Quản trị GANHRI phải đạt được sự đồng thuận. Khi không thể có sự đồng thuận, quyết định phải được đa số thành viên có mặt và bỏ phiếu. Khi số phiếu ngang nhau, đề nghị được đưa ra bỏ phiếu được coi là thất bại.
6. Ban Quản trị GANHRI có thể mời các NHRI là hoặc không là thành viên của GANHRI, và bất kỳ người hoặc tổ chức nào khác tham gia vào công việc của GANHRI hoặc Ban Quản trị GANHRI như một quan sát viên.
7. Mặc dù có các quy định của Điều 50, Ban Quản trị GANHRI có thể quyết định bất kỳ vấn đề nào bằng văn bản mà không cần phải chính thức triệu tập một cuộc họp với điều kiện là đa số các thành viên của Ban Quản trị GANHRI đồng tình với quyết định này.
- Báo cáo với Đại hội
8. GANHRI Ban Quản trị, thông qua Chủ tịch, hoặc thông qua Thư ký khi Chủ tịch vắng mặt, phải trình trước Đại hội báo cáo về các hoạt động được thực hiện bởi GANHRI, Ban Quản trị GANHRI và cán bộ của mình kể từ Đại hội trước.

Điều 51. Các Thủ tục khác

Nếu bất kỳ vấn đề nào liên quan đến các thủ tục của Ban Quản trị GANHRI phát sinh mà không được nêu trong các quy định này, Ban Quản trị GANHRI có thể thông qua thủ tục đó theo cách phù hợp.

PHẦN 11: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 52. Năm tài chính

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 mỗi năm.

PHẦN 12: TÀI SẢN CỦA GANHRI

Điều 53.

Tài sản của GANHRI bao gồm:

- Các khoản tặng cho từ các tổ chức công quốc tế và quốc gia, và các tổ chức bán công;
- Các khoản tài trợ;
- Phí thành viên;
- Các quỹ được góp bởi các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp và cơ quan khác; và Bất kỳ loại thu nhập và tài sản nào từ bất kỳ nguồn nào.

PHẦN 13. GIẢI TÁN VÀ THANH LÝ

Điều 55. Giải tán

GANHRI có thể giải tán bằng nghị quyết của GANHRI tại một Đại hội. Một Đại hội vì mục đích này sẽ được triệu tập riêng biệt. Ít nhất một nửa thành viên phải có mặt. Nếu tỷ lệ này không đủ, GANHRI phải được triệu tập ít nhất là hai (2) tuần sau đó. Khi đó sẽ có giá trị bất kể số hội viên hiện diện là bao nhiêu. Trong bất kỳ trường hợp nào, việc giải tán chỉ được thông qua bởi đa số ba phần tư của thành viên có mặt.

Điều 56. Thanh lý

Việc chấm dứt GANHRI và thanh lý tài sản của nó sẽ được thực hiện bởi một (1) hoặc nhiều hơn người thanh lý được bổ nhiệm bởi Đại hội. Đại hội sẽ ủy quyền cho người hoặc những người thanh lý việc phân phối số tài sản cho các hiệp hội hoặc tổ chức công khác có mục đích tương tự như GANHRI. Không có phần tài sản nào dùng để phân phối sẽ được trả cho các thành viên.

PHẦN 14. QUY TẮC THỦ TỤC**Điều 57.**

Đại hội có thể thông qua, sửa đổi và hủy bỏ các quy tắc thủ tục liên quan đến phương pháp làm việc của GANHRI, bao gồm Đại hội và các hội nghị quốc tế, để quy định và làm rõ bất kỳ vấn đề nào đề cập trong Điều lệ này.

PHẦN 15. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**Điều 58.**

Điều lệ này có thể được sửa đổi bởi Đại hội của GANHRI.

PHẦN 16. ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN ĐỔI**Điều 59**

SCA và Quy tắc thủ tục cho SCA theo Điều lệ này tiếp tục có giá trị, và sẽ có giá trị đến khi được sửa đổi hoặc hủy bỏ bởi Ban Quản trị GANHRI. SCA, theo đây, sẽ cấu thành một tiểu

ban của Ban Quản trị GANHRI.

Điều lệ này được thông qua tại một Đại hội tổ chức tại Geneva ngày 22/3/2016.

Beate RUDOLF
CHỦ TỊCH

Montserrat SOLANO CARBONI
THƯ KÝ

LUẬT VỀ OMBUDSMAN (TÂY BAN NHA) (thông qua ngày 7/5/1981)

PHẦN I. BỔ NHIỆM, CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM KỲ

Chương I. Tính chất và việc bổ nhiệm

Điều 1.

Ombudsman là Cao uỷ viên của Quốc hội, được Quốc hội bổ nhiệm để bảo vệ các quyền được xác lập trong Mục I của Hiến pháp, với mục đích đó có thể giám sát các hoạt động của cơ quan hành chính và báo cáo Quốc hội. Ombudsman thực hiện các chức năng được ủy thác theo Hiến pháp và Luật này.

Điều 2.

- Ombudsman được bầu bởi Quốc hội theo nhiệm kỳ 5 năm, và phải báo cáo trước Quốc hội thông qua Chủ tịch của Hạ viện và Thượng viện.
- Một Ủy ban hỗn hợp Hạ viện - Thượng viện, sẽ được bổ nhiệm bởi Quốc hội, chịu trách nhiệm liên lạc với Ombudsman và báo cáo với các phiên họp toàn thể của Viện tương ứng bất cứ khi nào cần thiết.

3. Ủy ban này sẽ họp bất cứ khi nào Chủ tịch của Hạ viện và Thượng viện cùng quyết định, và trong tất cả trường hợp để kiến nghị với phiên họp toàn thể về ứng cử viên hoặc các ứng cử viên cho vị trí Ombudsman. Các quyết định của Ủy ban được thông qua bởi đa số đơn giản.
4. Khi ứng cử viên hoặc các ứng cử viên đã được đề xuất, một Hội nghị toàn thể Hạ viện sẽ được tổ chức không sớm hơn mười ngày để bầu Ombudsman. Ứng cử viên nào có được sự bỏ phiếu chấp thuận của ba phần năm của thành viên Hạ viện, và sau đó được phê chuẩn bởi Thượng viện trong vòng tối đa hai mươi ngày và cùng với đa số như vậy, sẽ được bổ nhiệm.
5. Nếu đa số nói trên không đạt được, một cuộc họp tiếp theo của Ủy ban được tổ chức trong vòng tối đa một tháng để đề xuất thêm. Trong trường hợp như vậy, một khi đã được đa số ba phần năm của Hạ viện, việc bổ nhiệm được thực hiện khi có được đa số tuyệt đối thu tại Thượng viện.
6. Sau khi bổ nhiệm Ombudsman, Ủy ban hỗn hợp Hạ viện -Thượng viện sẽ gặp lại nhau để đưa ra sự chấp thuận trước khi bổ nhiệm các Phó Ombudsman theo đề xuất của Ombudsman.

Điều 3.

Bất cứ công dân Tây Ban Nha nào đã đến tuổi trưởng thành theo luật định và được hưởng các quyền dân sự và chính trị đầy đủ có thể được bầu làm Ombudsman.

Điều 4.

1. Chủ tịch của Hạ viện và Thượng viện sẽ cùng nhau thực hiện việc bổ nhiệm Ombudsman bằng chữ ký của mình, và sẽ được công bố trong Công báo chính thức của Nhà nước.
2. Ombudsman nhận chức vụ với sự hiện diện của ủy ban Thủ tục của cả hai Viện, và phải tuyên thệ hoặc hứa sẽ thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thành.

Chương II. Miễn nhiệm, từ chức, thay thế**Điều 5.**

1. Ombudsman được miễn khỏi nhiệm vụ này trong các trường hợp sau đây:
 - 1) Từ chức.
 - 2) Hết thời hạn nhiệm kỳ.
 - 3) Tử vong hay do hoàn cảnh bất ngờ làm mất khả năng.
 - 4) Sơ suất rõ ràng trong việc thực hiện các nghĩa vụ và nhiệm vụ.
 - 5) Bị kết án hình sự mà không thể kháng cáo tiếp.
2. Vị trí sẽ được tuyên bố là trống bởi Chủ tịch Hạ viện trong các trường hợp tử vong, từ chức hoặc hết hạn nhiệm kỳ. Trong tất cả các trường hợp khác thì phải được quyết định bởi ba phần năm đa số các thành viên của mỗi Viện, tiếp sau việc tranh luận và cung cấp thông tin cho những người liên quan.
3. Khi vị trí bị trống, thủ tục bổ nhiệm một Ombudsman

mới sẽ được bắt đầu trong vòng một tháng.

4. Trong trường tử vong, miễn nhiệm, mất khả năng tạm thời hoặc vĩnh viễn của Ombudsman, và cho đến khi Quốc hội bổ nhiệm người kế nhiệm, Phó Ombudsman, theo thứ tự thâm niên, sẽ có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ.

Chương III. Đặc quyền, miễn trừ và xung đột lợi ích

Điều 6.

1. Ombudsman sẽ không phải chịu bất kỳ ràng buộc điều khoản tham chiếu nào. Ombudsman sẽ không nhận hướng dẫn từ bất kỳ cơ quan chức năng nào, thực hiện nhiệm vụ của mình một cách độc lập và theo tiêu chí riêng của mình.
2. Ombudsman được hưởng quyền miễn trừ, không thể bị bắt, bị xử lý kỷ luật, bị phạt, bị truy tố hoặc xét xử vì các ý kiến hay hành động trong khi thực hiện công vụ của mình.
3. Trong tất cả các trường hợp khác, và trong khi tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình, Ombudsman không thể bị bắt, tạm giữ ngoại trừ trong trường hợp phạm tội quả tang; quyết định liên quan đến việc buộc tội, truy tố, xét xử Ombudsman sẽ do tòa hình sự của Tòa án cấp cao có thẩm quyền thực hiện.
4. Các quy định nói trên được áp dụng cho các Phó Ombudsman trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 7.

1. Vị trí Ombudsman là không tương thích với bất kỳ vị trí nào do bầu lên; với bất kỳ vị trí chính trị hoặc các hoạt động liên quan đến tuyên truyền chính trị; với các bất kỳ cơ quan hành chính công khác; với việc tham gia một đảng chính trị hoặc thực hiện nhiệm vụ quản lý trong một đảng chính trị hoặc trong một công đoàn, hiệp hội, quỹ, hoặc việc làm cung cấp dịch vụ; với việc hành nghề thẩm phán hoặc công tố viên; và với bất kỳ ngành nghề hoặc kinh doanh tự do khác.
2. Trong thời hạn mười ngày kể từ ngày được bổ nhiệm và trước khi nhậm chức, Ombudsman phải chấm dứt bất kỳ tình trạng không tương thích mà có thể gây ảnh hưởng đến mình, được hiểu rằng nếu không làm như vậy người đó đã từ chối việc bổ nhiệm mình.
3. Nếu không tương thích phát sinh sau khi nhậm chức, được hiểu rằng Ombudsman từ chức đó vào ngày mà sự không tương thích xảy ra.

Chương IV. Phó Ombudsman**Điều 8.**

1. Ombudsman sẽ được hỗ trợ bởi Phó Ombudsman thứ nhất và Phó Ombudsman thứ hai mà Ombudsman có thể uỷ quyền và là người sẽ thay thế, theo thứ bậc trật tự của họ, trong trường hợp Ombudsman tạm thời không đủ năng lực hoặc bị miễn nhiệm.
2. Ombudsman bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Ombudsman

theo sự phê duyệt của cả hai Viện theo quy định.

3. Việc bổ nhiệm các Phó sẽ được công bố trong Công báo chính thức của Nhà nước.
4. Quy định tại các Điều 3, 6 và 7 của Luật này về Ombudsman được áp dụng cho các vị trí Phó.

PHẦN II. PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC

Chương I. Khởi tố và phạm vi điều tra

Điều 9.

1. Ombudsman có thể khởi động và theo đuổi, chủ động hoặc để đáp ứng với yêu cầu của các bên có liên quan, việc điều tra để làm rõ những hành động hoặc quyết định của các cơ quan hành chính công đối với công dân, như nêu trong quy định tại Điều 103.1 của Hiến pháp và việc tôn trọng các quyền công bố trong Phần I của Hiến pháp.
2. Ombudsman có thẩm quyền điều tra các hoạt động của Bộ trưởng, các cơ quan hành chính, công chức, bất kỳ người nào hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hành chính công.

Điều 10

1. Mọi cá nhân hoặc pháp nhân yêu cầu sự bảo vệ một lợi ích chính đáng có thể tìm đến Ombudsman, không bị hạn chế nào. Sẽ không có những trở ngại pháp lý về căn cứ quốc tịch, nơi cư trú, giới tính, dân tộc thiểu

số, không đủ năng lực pháp lý, đang bị giam giữ, nói chung, bất kỳ mối quan hệ lệ thuộc hoặc phụ thuộc vào một cơ quan hành chính.

2. Cá nhân Dân biểu và Thượng Nghị Sĩ, Ủy ban điều tra hoặc những cơ quan liên quan đến bảo vệ quốc phòng các quyền và tự do của công chúng, và đặc biệt là những cơ quan được thành lập bởi Quốc hội phải liên hệ với Ombudsman, có thể, bằng văn bản và nêu rõ căn cứ, yêu cầu Ombudsman điều tra, làm rõ về các hành vi, quyết định hoặc hành xử của cơ quan hành chính nhà nước mà có thể ảnh hưởng đến một cá nhân công dân hay nhóm công dân, và thuộc thẩm quyền của mình.
3. Không cơ quan hành chính nào có thể gửi đơn khiếu nại đến Ombudsman liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của riêng mình.

Điều 11.

1. Các hoạt động của Ombudsman sẽ không bị gián đoạn trong trường hợp Quốc hội không họp, bị giải tán, hoặc đã hết hạn nhiệm kỳ.
2. Trong trường hợp được mô tả trong đoạn trên, Ombudsman chịu trách nhiệm báo cáo các Ủy ban thường trực của Hạ viện.
3. Các tuyên bố tình trạng khẩn cấp hoặc bao vây không làm gián đoạn hoạt động của Ombudsman, cũng như quyền của của công dân tiếp cận Ombudsman, nếu không phương hại đến quy định tại Điều 55 của Hiến pháp.

Chương II. Phạm vi thẩm quyền

Điều 12.

1. Trong mọi trường hợp, Ombudsman có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên liên quan, giám sát hoạt động của các khu vực tự trị, trong phạm vi thẩm quyền quy định của Luật này.
2. Vì mục đích của đoạn trên, cơ quan của khu vực tự trị tương tự như Ombudsman phối hợp chức năng với Ombudsman, người có thể yêu cầu sự hợp tác của họ.

Điều 13.

Bất cứ khi nào Ombudsman nhận được khiếu nại liên quan đến các chức năng quản lý tư pháp, ông phải chuyển đến Công tố viên để người này điều tra ban đầu hành động thích hợp, hoặc chuyển đến Đại Hội đồng Tư pháp tùy theo loại đơn khiếu nại liên quan, với sự dẫn chiếu của Ombudsman trong Báo cáo hàng năm của mình trước Quốc hội.

Điều 14.

Ombudsman chịu trách nhiệm bảo vệ quyền nêu trong Phần I của Hiến pháp trong lĩnh vực quản lý quân sự, tuy nhiên, không gây ra bất kỳ sự can thiệp nào vào sự điều hành của lực lượng Quốc phòng.

Chương III. Thủ tục khiếu nại

Điều 15.

1. Mọi khiếu nại phải có chữ ký của bên có liên quan, bao gồm tên và địa chỉ của mình trong một tài liệu nêu căn cứ khiếu nại, trên giấy thông thường và trong vòng tối đa là một năm kể từ thời điểm người khiếu nại biết vấn đề dẫn đến vụ việc.
2. Tất cả các hoạt động của Ombudsman đều là miễn phí cho các bên liên quan, và sự tham dự của luật sư hoặc luật gia là không bắt buộc. Việc tiếp nhận mọi khiếu nại được xác nhận.

Điều 16.

1. Thư gửi cho Ombudsman từ bất kỳ cơ sở tạm giữ, giam giữ nào sẽ không phải chịu bất kỳ hình thức kiểm duyệt nào.
2. Các cuộc đối thoại diễn ra giữa Ombudsman hoặc đại diện với bất kỳ người nào nêu trong khoản trên cũng không bị nghe hoặc can thiệp.

Điều 17.

1. Ombudsman ghi lại và xác nhận đã nhận các khiếu nại, trong số đó có khiếu nại được thụ lý hoặc bị từ chối. Trong trường hợp từ chối, Ombudsman sẽ nêu trong văn bản kèm theo lý do. Ombudsman có thể thông báo cho các bên liên quan về kênh thích hợp hành động nếu có, theo quan điểm của mình, độc lập với thực tế là các bên liên quan có thể thông qua những biện pháp mà họ cho là thích hợp nhất.

2. Ombudsman sẽ không điều tra bất kỳ khiếu nại cá nhân nào đang chờ quyết định tư pháp, và sẽ đình chỉ bất kỳ điều tra nào nếu yêu cầu bồi thường hoặc khiếu nại của người có liên quan đã được gửi đến tòa án thường hoặc Tòa án Hiến pháp. Tuy nhiên, điều này sẽ không ngăn cản điều tra các vấn đề chung nêu lên trong khiếu nại được gửi đến. Trong mọi trường hợp, Ombudsman phải đảm bảo rằng cơ quan hành chính, trong thời gian do và cách thức, giải quyết các yêu cầu và khiếu nại đã được nộp cho nó.
3. Ombudsman sẽ bác bỏ khiếu nại nặc danh và có thể từ chối những khiếu nại thiếu tin cậy, không đủ căn cứ hoặc yêu cầu bồi thường vô căn cứ, cũng như những điều tra có thể vi phạm các quyền hợp pháp của một bên thứ ba. Các quyết định của Ombudsman không thể bị kháng cáo.

Điều 18.

1. Khi một khiếu nại đã được chấp nhận thụ lý, Ombudsman sẽ bắt đầu cuộc điều tra sơ bộ chính thức thích hợp để làm rõ các cáo buộc. Trong mọi trường hợp phải thông báo về bản chất của khiếu nại đến cơ quan hành chính thích hợp, với mục đích đảm bảo rằng một báo cáo bằng văn bản được nộp trong thời hạn mười lăm ngày, bởi lãnh đạo cơ quan đó. Giai đoạn này có thể được gia hạn nếu, theo ý kiến của Ombudsman, hoàn cảnh đòi hỏi.
2. Việc công chức hoặc cấp trên có trách nhiệm từ chối

hoặc không gửi báo cáo ban đầu được yêu cầu có thể bị xem xét bởi Ombudsman như một hành động thù địch cản trở chức năng của mình. Ombudsman sẽ ngay lập tức thông báo công khai hành động như vậy và kêu gọi sự chú ý đến nó trong báo cáo hàng năm hoặc báo cáo đặc biệt của mình, khi có thể, đến Quốc hội.

Chương IV. Hợp tác bắt buộc của các cơ quan được yêu cầu

Điều 19.

1. Tất cả các cơ quan công quyền có nghĩa vụ tạo sự ưu tiên và hỗ trợ khẩn cho Ombudsman trong hoạt động nghiên cứu và điều tra.
2. Trong giai đoạn kiểm chứng và điều tra một khiếu nại trong trường hợp hoặc thủ tục tự mình khởi động, Ombudsman, Phó Ombudsman hoặc người được ủy quyền, có thể đến bất kỳ cơ quan nào hoặc yêu cầu người liên quan có mặt tại địa điểm nhất định để kiểm chứng bất kỳ thông tin nào cần thiết, thực hiện các cuộc phỏng vấn cá nhân hoặc kiểm tra các tài liệu, hồ sơ.
3. Khi thực hiện mục tiêu này, Ombudsman không thể bị từ chối tiếp cận bất cứ hồ sơ hoặc tài liệu hành chính nào liên quan đến hoạt động hoặc dịch vụ đang bị điều tra, điều này không ảnh hưởng đến các quy định tại Điều 22 của Luật này.

Điều 20.

1. Nếu đơn khiếu nại được điều tra liên quan đến ứng xử của những người trong chính quyền liên quan đến các nhiệm vụ mà họ thực hiện, Ombudsman sẽ thông báo cho họ và lãnh đạo hoặc cơ quan cấp trên của người bị khiếu nại.
2. Những người liên quan phải trả lời bằng văn bản, cung cấp bất cứ tài liệu và các bằng chứng kèm theo họ cho là thích hợp, trong khoảng thời hạn quy định, mà không thể ít hơn mười ngày và có thể được kéo dài theo yêu cầu của họ bằng một nửa thời hạn ban đầu.
3. Ombudsman có thể xác minh tính xác thực của văn bản đó và đề xuất với các công chức liên quan để phỏng vấn, để cung cấp thêm chi tiết. Công chức từ chối thực hiện theo yêu cầu của Ombudsman cần trình bày bằng văn bản lý do biện minh cho quyết định của mình.
4. Thông tin mà một công chức có thể cung cấp qua lời khai làm chứng trong quá trình điều tra phải được giữ bí mật, tuân theo các quy định của luật tố tụng hình sự liên quan đến việc báo cáo những hành vi có thể cấu thành tội hình sự.

Điều 21.

Nếu một cá nhân hoặc cơ quan cấp trên cấm một công chức dưới quyền của mình hoặc trong cơ quan mình phản hồi yêu cầu từ Ombudsman hoặc trả lời phỏng vấn của Ombudsman, người hoặc cơ quan đó phải có văn bản sự biện minh cho việc đó và gửi đến cả công chức và Ombudsman. Ombudsman có trách

nhiệm chỉ đạo các thủ tục điều tra cần thiết đối với cấp trên đó.

Chương V. Các tài liệu mật

Điều 22.

1. Ombudsman có thể yêu cầu các cơ quan công quyền cung cấp tất cả các tài liệu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, bao gồm cả những loại mật. Nếu là tài liệu mật, việc không cung cấp tài liệu phải được sự chấp thuận của Hội đồng Bộ trưởng và kèm theo là giấy tờ xác nhận việc chấp thuận sự từ chối đó.
2. Việc điều tra và các thủ tục liên quan được thực hiện bởi Ombudsman và nhân viên là tuyệt đối bí mật, đối với cả cá nhân, tổ chức tư nhân, cũng như với cơ quan nhà nước, không ảnh hưởng đến cân nhắc rằng Ombudsman có thể xem xét thích hợp để đưa vào các báo cáo của mình đến Quốc hội. Các biện pháp bảo vệ đặc biệt được áp dụng đối với tài liệu liên quan thuộc loại bí mật.
3. Nếu Ombudsman cho rằng một tài liệu tuyên bố được giữ bí mật và không được cung cấp bởi cơ quan quản lý dứt khoát có thể ảnh hưởng đến tiến độ điều tra của mình, Ombudsman phải thông báo cho Ủy ban hỗn hợp Hạ viện -Thượng viện nêu tại Điều 2 của Luật này.

Chương VI. Trách nhiệm của các cơ quan và công chức

Điều 23.

Nền các cuộc điều tra được tiến hành cho thấy các khiếu nại thể hiện nhiều khả năng có sự lạm dụng, tùy tiện, phân biệt đối xử, phạm lỗi, sơ suất hoặc thiếu sót bởi một công chức, Ombudsman có quyền yêu cầu người có liên quan nêu quan điểm của mình về vấn đề này. Vào cùng ngày, Ombudsman phải gửi một bản sao của lá thư này đến cấp trên công chức, kèm theo các đề nghị thích hợp.

Điều 24.

1. Sự kiên trì với thái độ thù địch hoặc cản trở của công việc của Ombudsman của bất kỳ cơ quan, công chức, viên chức hoặc người trong cơ quan hành chính công có thể là đối tượng của một báo cáo riêng biệt, ngoài việc được nhấn mạnh trong phần thích hợp của báo cáo thường niên của Ombudsman.
2. Công chức cản trở cuộc điều tra của Ombudsman bằng cách từ chối gửi báo cáo được yêu cầu hoặc điều kiện tiếp cận thuận lợi đến các hồ sơ hành chính hoặc các văn bản cần thiết cho việc điều tra, hoặc là do bất cẩn nên làm như vậy, thì cấu thành tội khinh thường. Ombudsman có trách nhiệm cung cấp cho công tố viên các hồ sơ cần thiết cho việc hành động thích hợp.

Điều 25.

1. Trong khi thực hiện các nhiệm vụ của mình, nếu

Ombudsman thấy có dấu hiệu tội phạm hình sự, cần thông báo ngay cho Tổng Chương lý.

2. Dù trong trường hợp trên, Tổng Chương lý thông báo cho Ombudsman định kỳ, hoặc bất cứ khi nào có yêu cầu bởi Ombudsman, về các thủ tục tổ tụng lập theo yêu cầu của người này.
3. Tổng Chương lý phải thông báo cho Ombudsman tất cả những vi phạm hành chính mà Công tố viên biết được khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 26.

Ombudsman viên có thể tự mình có hành động xem xét trách nhiệm đối với tất cả các cơ quan, công chức hoặc cơ quan hành chính, bao gồm các cơ quan địa phương, mà không cần có đơn yêu cầu bằng văn bản trước đó.

Chương VII. Hoàn trả chi phí cho các cá nhân

Điều 27.

Các chi phí phát sinh hoặc vật chất bị tổn hại của các cá nhân, không phải do tự họ nộp đơn khiếu nại, mà bị triệu tập bởi Ombudsman thì sẽ được hoàn trả; các chi phí đó sẽ được chi trả từ ngân sách của Ombudsman, nếu được chứng minh đầy đủ.

PHẦN III. CÁC QUYẾT ĐỊNH

Chương I. Nội dung của các quyết định

Điều 28.

1. Mặc dù không được trao quyền sửa đổi hoặc bác bỏ các hành vi và các quyết định của cơ quan hành chính, tuy nhiên, Ombudsman có thể đề nghị sửa đổi các tiêu chí được sử dụng trong tiến trình hình thành các quyết định đó.
2. Nếu từ kết quả của việc điều tra, Ombudsman đi đến kết luận rằng việc tuân thủ nghiêm ngặt một quy định có thể dẫn đến tình huống không công bằng, có hại cho những người chịu ảnh hưởng, ông có thể đề nghị cơ quan lập pháp có hoặc hành chính có thẩm quyền sửa đổi quy định đó.
3. Nếu hành động đã được thực hiện liên quan đến dịch vụ được bởi các cá nhân được ủy quyền hành chính, Ombudsman có thể đôn đốc cơ quan hành chính có thẩm quyền thực thi quyền giám sát và xử phạt.

Điều 29.

Ombudsman có quyền khiếu nại về tính bất hợp hiến và khiếu nại cá nhân theo quy định của Hiến pháp và Luật tổ chức Tòa án Hiến pháp.

Điều 30.

1. Trong quá trình điều tra, Ombudsman có thể đưa ra lời khuyên và kiến nghị với cơ quan chức năng và các quan chức trong chính quyền, nhắc nhở họ về trách nhiệm pháp lý và góp ý kiến liên quan đến việc áp dụng các biện pháp mới. Trong tất cả các trường hợp, cơ quan và công chức đó có nghĩa vụ trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa là một tháng.
2. Nếu trong một thời gian hợp lý sau khi đề nghị như vậy được thực hiện mà các bước thích hợp không được áp dụng bởi cơ quan hành chính liên quan, hoặc không thông báo cho Ombudsman lý do về việc không tuân thủ, Ombudsman có thể thông báo cho Bộ trưởng Bộ có liên quan, hoặc cơ quan quản lý cao nhất có liên quan, các đặc điểm của vụ việc và các khuyến nghị. Nếu sự biện minh không đầy đủ, Ombudsman sẽ đề cập đến vấn đề trong báo cáo hàng năm hoặc báo cáo đặc biệt của mình, kèm theo tên của các cơ quan, công chức chịu trách nhiệm, cũng như khi Ombudsman cho rằng giải pháp tích cực là có thể, nhưng lại không đạt được.

Chương II. Thông báo và truyền thông**Điều 31.**

1. Ombudsman phải thông báo cho bên liên quan về kết quả điều tra và các hoạt động của mình, trả lời từ chính quyền hoặc công chức có liên quan, ngoại trừ trong

trường hợp chủ đề liên quan được coi là bí mật hoặc đã được công bố là mật.

2. Nếu sự can thiệp của Ombudsman đã được khởi động theo quy định tại Điều 10.2, Ombudsman sẽ thông báo cho các thành viên của Quốc hội hoặc Ủy ban có thẩm quyền đã yêu cầu điều tra, và khi hoàn tất, các kết quả thu được. Tương tự, nếu quyết định không can thiệp, Ombudsman sẽ thông báo quyết định của mình và đưa ra lý do.
3. Ombudsman sẽ chuyển kết quả điều tra của mình, dù tích cực hay tiêu cực, đến chính quyền, công chức hoặc cơ quan hành chính trong lĩnh vực liên quan.

Chương III. Báo cáo Quốc hội

Điều 32.

1. Mỗi năm Ombudsman phải thông báo cho Quốc hội về hoạt động của mình trong báo cáo hàng năm trình bày tại phiên họp thường kỳ.
2. Khi do yêu cầu của tình hình nghiêm trọng hoặc khẩn cấp, Ombudsman có thể gửi một báo cáo đặc biệt đến các Ủy ban thường trực của Hạ viện, nếu Hạ viện không trong kỳ họp.
3. Các báo cáo hàng năm và, khi có thể, các báo cáo đặc biệt, sẽ được xuất bản.

Điều 33.

1. Ombudsman dành một phần trong báo cáo năm của

mình đề cập đến số lượng và loại khiếu nại được gửi đến, số lượng bị từ chối và lý do từ chối, số cuộc điều tra, cùng với kết quả điều tra, cũng như nêu cụ thể những đề nghị, kiến nghị được chấp nhận bởi các cơ quan hành chính.

2. Không có dữ liệu cá nhân nào khiến công chúng có thể nhận biết về các bên tham gia vào việc điều tra xuất hiện trong các báo cáo, điều này không làm ảnh hưởng đến các quy định của Điều 24.1.
3. Báo cáo phải bao gồm một phụ lục, cung cấp cho Quốc hội, các chi tiết quyết toán ngân sách của tổ chức trong giai đoạn tương ứng.
4. Một tóm tắt của báo cáo sẽ được trình bày bởi Ombudsman trước phiên họp toàn thể của cả hai Viện. Nó sẽ được đưa ra tranh luận bởi các nhóm nghị sỹ để họ có thể nêu quan điểm của mình.

PHẦN IV. NGUỒN NHÂN LỰC VÀ TÀI CHÍNH

Chương I. Cán bộ

Điều 34.

Ombudsman có thể tự do bổ nhiệm các cố vấn cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình, phù hợp với các quy định và trong phạm vi giới hạn ngân sách.

Điều 35.

1. Những người trong thời gian làm việc cho Ombudsman

được coi như là làm việc cho Quốc hội.

2. Trong trường hợp công chức đến từ ngạch hành chính, vị trí của họ trước khi tham gia văn phòng Ombudsman sẽ được bảo lưu, và thời gian làm việc cho Ombudsman sẽ được tính vì tất cả các mục đích.

Điều 36.

Phó Ombudsman và các cố vấn sẽ tự động được miễn nhiệm khi một Ombudsman mới, được bổ nhiệm bởi Quốc hội, nhận nhiệm vụ.

Chương II. Nguồn tài chính

Điều 37.

Các nguồn tài chính cần thiết cho hoạt động của tổ chức cấu thành một khoản trong Ngân sách Quốc hội.

QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP

Năm năm sau khi Luật này có hiệu lực, Ombudsman có thể trình Quốc hội báo cáo chi tiết về các sửa đổi được cho là cần thiết.

HIẾN PHÁP PHILIPPIN **(thông qua ngày 2/2/1987)**

CHƯƠNG XIII. CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ NHÂN QUYỀN

NHÂN QUYỀN

Mục 17. Thành lập một cơ quan độc lập gọi là Ủy ban Nhân quyền.

Ủy ban sẽ gồm một Chủ tịch và bốn thành viên là công dân sinh ra tại Philippin và đa số họ là thành viên của đoàn luật sư. Nhiệm kỳ công tác, bằng cấp và việc miễn nhiệm các thành viên của Ủy ban được pháp luật quy định.

Cho đến khi Ủy ban này được thành lập, Ủy ban của Tổng thống về Nhân quyền sẽ tiếp tục thực hiện các chức năng và quyền hạn hiện tại của mình.

Phân bổ ngân sách hàng năm được phê duyệt của Ủy ban sẽ được chuyển tự động và thường xuyên.

Mục 18. Ủy ban Nhân quyền có các quyền hạn và chức năng sau đây:

- Điều tra, tự mình khởi động hoặc theo khiếu nại bởi bất kỳ chủ thể nào, tất cả các hình thức vi phạm nhân quyền liên quan đến các quyền dân sự và chính trị.
- Thông qua các hướng dẫn hoạt động và quy tắc thủ tục của mình, và chế tài đối với những vi phạm chung phù hợp với các quy tắc của Tòa án.
- Đưa ra các biện pháp pháp lý phù hợp để bảo vệ các quyền con người của tất cả mọi người trong lãnh thổ Philippin, cũng như người Philippin ở nước ngoài, đưa ra các biện pháp phòng chống và những dịch vụ trợ giúp pháp lý cho các đối tượng thiệt thòi mà nhân quyền bị vi phạm hoặc cần được bảo vệ.
- Thực thi quyền thanh tra các nhà tù, trại giam, hoặc các cơ sở giam giữ.
- Thành lập một chương trình liên tục nghiên cứu, giáo dục, thông tin để nâng cao sự tôn trọng quyền con người.
- Khuyến nghị Quốc hội đưa ra các biện pháp hiệu quả để thúc đẩy quyền con người và cung cấp bồi thường cho nạn nhân của hành vi vi phạm các quyền con người, hoặc gia đình họ.
- Giám sát sự tuân thủ của Chính phủ Philippin về các nghĩa vụ theo những điều ước quốc tế về quyền con người.
- Quyết định miễn tố cho bất kỳ người nào có lời khai hoặc sở hữu các tài liệu hoặc chứng cứ khác cần thiết hoặc thuận tiện để xác định sự thật trong bất kỳ điều tra được tiến hành hoặc thuộc thẩm quyền Ủy ban.

- Yêu cầu sự trợ giúp của bất kỳ Bộ, ban, văn phòng, hoặc cơ quan nào khi thực hiện chức năng của mình.
- Bổ nhiệm cán bộ, viên chức của mình theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và chức năng khi được pháp luật quy định.

Mục 19.

Quốc hội có thể quy định các vụ việc vi phạm quyền con người khác nên thuộc thẩm quyền của Ủy ban, có sự xem xét khuyến nghị của Ủy ban.

PHỤ LỤC 5

HIẾN PHÁP NAM PHI (thông qua ngày 10/12/1996)

CHƯƠNG IX: CÁC CƠ QUAN DÂN CHỦ HIẾN ĐỊNH

181. Việc thành lập và các nguyên tắc quản lý

Các cơ quan nhà nước sau đây tăng cường dân chủ hiến định ở nước Cộng hoà:

- Người bảo vệ công chúng (Public Protector).
- Ủy ban nhân quyền Nam Phi.
- Ủy ban về thúc đẩy và bảo vệ các quyền của các cộng đồng văn hoá, tôn giáo và ngôn ngữ.
- Ủy ban về bình đẳng giới.
- Tổng kiểm toán.
- Ủy ban bầu cử.
- Những cơ quan này là độc lập, chỉ phụ thuộc vào Hiến pháp và pháp luật. Các cơ quan này phải vô tư và thực thi quyền lực và chức năng một cách độc lập, khách quan, không thiên vị.
- Các cơ quan nhà nước khác, thông qua các biện pháp lập pháp và các biện pháp khác, phải hỗ trợ và bảo vệ những thiết chế này để bảo đảm tính độc lập, vô tư, nhân phẩm và tính hiệu quả của các thiết chế này.

- Không cá nhân hoặc cơ quan nhà nước nào có thể can thiệp vào việc thực hiện chức năng của các thiết chế này.
- Những thiết chế này chịu trách nhiệm giải trình trước Quốc Hội và phải báo cáo về các hoạt động cũng như việc thực hiện những chức năng của mình trước Quốc hội ít nhất một lần trong một năm.

ỦY BAN NHÂN QUYỀN NAM PHI

183. Chức năng của Ủy ban nhân quyền Nam Phi

Ủy ban nhân quyền Nam Phi phải:

- Thúc đẩy sự tôn trọng các quyền con người và văn hoá nhân quyền;
- Thúc đẩy sự bảo vệ, phát triển và duy trì các quyền con người; và
- Giám sát và đánh giá sự tuân thủ các quyền con người ở Nam Phi.

Ủy ban có các quyền, được quy định trong pháp luật quốc gia, cần thiết để đạt được các mục tiêu kể trên, bao gồm quyền:

- Điều tra và báo cáo về các vi phạm nhân quyền;
- Thực hiện các biện pháp để bảo đảm sự bồi thường, phục hồi cần thiết khi có các vi phạm nhân quyền xảy ra;
- Tiến hành các nghiên cứu về nhân quyền; và
- Giáo dục nhân quyền.

- Mỗi năm Ủy ban phải yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan cung cấp cho Ủy ban thông tin về các biện pháp mà các cơ quan đó đã thực hiện để hiện thực hoá những quyền trong Bộ luật về Quyền liên quan đến các vấn đề nơi ở, chăm sóc sức khỏe, lương thực, thực phẩm, nước uống, giáo dục, an ninh xã hội và môi trường.
- Ủy ban có các quyền và chức năng bổ sung do pháp luật quốc gia quy định.

ỦY BAN THÚC ĐẨY, BẢO VỆ QUYỀN CỦA CÁC CỘNG ĐỒNG TÔN GIÁO, NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

185. Chức năng của Ủy ban

Mục tiêu hàng đầu của Ủy ban thúc đẩy và bảo vệ các quyền của các cộng đồng tôn giáo, ngôn ngữ và văn hoá là:

- Thúc đẩy sự tôn trọng các quyền của các cộng đồng tôn giáo, ngôn ngữ và văn hoá;
- Thúc đẩy và phát triển hoà bình, hữu nghị, nhân văn, khoan dung và sự thống nhất quốc gia giữa các cộng đồng tôn giáo, ngôn ngữ và văn hoá, trên cơ sở bình đẳng, không phân biệt đối xử và tự do hiệp hội; và
- Khuyến khích thiết lập hoặc thừa nhận, phù hợp với pháp luật quốc gia, một hội đồng văn hoá hoặc các hội đồng khác cho cộng đồng hoặc các cộng đồng ở Nam Phi.
- Ủy ban có các quyền, được quy định trong pháp luật

quốc gia, cần thiết để đạt được các mục tiêu kể trên, bao gồm quyền giám sát, điều tra, nghiên cứu, giáo dục, vận động, tư vấn và báo cáo về những vấn đề liên quan đến các quyền của các cộng đồng tôn giáo, ngôn ngữ và văn hoá.

- Ủy ban có thể báo cáo về bất kỳ vấn đề nào trong phạm vi thẩm quyền và chức năng của mình với Ủy ban Nhân quyền Nam Phi để điều tra.
- Ủy ban có các quyền và chức năng bổ sung do pháp luật quốc gia quy định.

186. Thành phần của Ủy ban

Số lượng, việc bổ nhiệm và nhiệm kỳ của các thành viên của Ủy ban thúc đẩy và bảo vệ các quyền của các cộng đồng tôn giáo, ngôn ngữ và văn hoá do pháp luật quốc gia quy định.

Thành phần của Ủy ban phải bao gồm:

- Đại diện rộng rãi của các cộng đồng tôn giáo, ngôn ngữ và văn hoá ở Nam Phi; và
- Đại diện rộng rãi về hai giới ở Nam Phi.

ỦY BAN VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

187. Chức năng của Ủy ban về bình đẳng giới

Ủy ban về bình đẳng giới phải thúc đẩy sự bình đẳng giới và bảo vệ, phát triển, duy trì sự bình đẳng đó.

Ủy ban về bình đẳng giới có các quyền, được quy định trong pháp luật quốc gia, cần thiết để đạt được các mục tiêu kể trên, bao gồm quyền giám sát, điều tra, nghiên cứu, giáo dục,

vận động, tư vấn và báo cáo về những vấn đề liên quan đến bình đẳng giới.

Ủy ban có các quyền và chức năng bổ sung do pháp luật quốc gia quy định.

HIẾN PHÁP BA LAN (thông qua ngày 2/4/1997)

CHƯƠNG IX. CAO ỦY VIÊN VỀ QUYỀN CÔNG DÂN

Điều 208

1. Cao ủy viên về Quyền Công dân có trách nhiệm bảo đảm tự do và các quyền con người và quyền công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật khác.
2. Phạm vi và cách thức tiến hành công việc của Cao ủy viên về Quyền Công dân sẽ do luật định.

Điều 209

1. Cao ủy viên về Quyền Công dân do Hạ nghị viện bổ nhiệm, với sự đồng thuận của Thượng nghị viện, với nhiệm kỳ 5 năm.
2. Cao ủy viên về Quyền Công dân không giữ bất kỳ vị trí nào khác, trừ chức vị giáo sư tại một học viện của cơ sở giáo dục đại học, và cũng không thực hiện bất kỳ hoạt động nghề nghiệp nào khác.
3. Cao ủy viên về Quyền Công dân không thuộc đảng chính trị, tổ chức công đoàn nào hoặc thực hiện các

nhiệm vụ công không phù hợp với chức trách của mình.

Điều 210

Cao ủy viên về Quyền Công dân độc lập trong các hoạt động của mình, độc lập với các cơ quan khác của Nhà nước và chỉ chịu trách nhiệm trước Hạ nghị viện theo các nguyên tắc do luật định.

Điều 211

Cao ủy viên về Quyền Công dân không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc bị tước tự do mà không được sự chấp thuận từ trước của Hạ nghị viện. Cao ủy viên về Quyền Công dân sẽ không bị tạm giam hoặc bắt giữ, trừ trường hợp người đó bị bắt quả tang thực hiện một tội phạm và việc giam giữ người đó là cần thiết để bảo đảm quá trình tố tụng phù hợp. Chủ tịch Hạ nghị viện sẽ được thông báo ngay về việc giam giữ và có thể ra lệnh phóng thích ngay người bị bắt.

Điều 212

Cao ủy viên về Quyền Công dân có trách nhiệm thông tin cho Hạ nghị viện và Thượng nghị viện về các hoạt động của mình và báo cáo về mức độ tôn trọng tự do và các quyền con người và công dân.

LUẬT VỀ ỦY BAN NHÂN QUYỀN MALAYSIA, 1999

PHẦN I. NHỮNG QUY ĐỊNH CƠ BẢN

Tiêu đề rút gọn và hiệu lực

1.

Đạo luật này có thể được trích dẫn là Luật về Ủy ban Nhân quyền của Malaysia, năm 1999.

Đạo luật này có hiệu lực vào ngày được xác định bởi Bộ trưởng bằng một thông báo được công bố trên Công báo.

Giải thích

2.

Trong Đạo Luật này, trừ phi quy định khác: “Chính phủ” có nghĩa là Chính phủ Malaysia.

“Quyền con người” đề cập đến các quyền tự do cơ bản được ghi trong Phần II của Hiến pháp Liên bang.

“Bộ trưởng” có nghĩa là Bộ trưởng Bộ chịu trách nhiệm về lĩnh vực quyền con người.

PHẦN II. THÀNH LẬP ỦY BAN NHÂN QUYỀN MALAYSIA

Thành lập Ủy ban

3.

Theo đây, thành lập một Ủy ban được gọi là Ủy ban Nhân quyền Malaysia (“Ủy ban”).

Ủy ban là một cơ quan có tư cách pháp nhân và con dấu thông thường, có thể nhân danh mình khởi kiện cũng như bị kiện, theo và vì các mục đích nêu trong luật này, có thể giao kết hợp đồng và có thể sở hữu, mua, nhận, giữ, hưởng các động sản và bất động sản dưới mọi hình thức và có thể chuyển nhượng, giao nộp, thế chấp, tái phân bổ, chuyển nhượng bất kỳ động sản hoặc bất động sản cũng như các lợi ích kèm theo nào được trao cho Ủy ban khi nó xét thấy phù hợp.

Ủy ban có con dấu chung và sử dụng theo như Ủy ban phê duyệt, con dấu đó có thể bị hủy, thay đổi hoặc làm mới khi Ủy ban cho rằng phù hợp.

Con dấu chung sẽ được giữ bởi Thư ký Ủy ban hoặc người khác được Ủy ban ủy quyền, và sẽ được chứng thực bởi Thư ký hoặc người được ủy quyền hoặc bởi bất kỳ nhân viên nào được Thư ký hoặc người được ủy quyền đó ủy quyền bằng văn bản.

Tất cả hoạt động, tài liệu và các văn kiện khác cần được niêm phong bằng con dấu chung, được chứng thực theo quy định tại mục (4) trừ phi có quy định khác được coi là có giá trị.

Con dấu chung của Ủy ban sẽ được thừa nhận chính thức về mặt Tư pháp.

Chức năng và quyền hạn của Ủy ban

4.

Để bảo vệ và thúc đẩy các con quyền con người ở Malaysia, Ủy ban có các chức năng như sau:

- Thúc đẩy nhận thức và giáo dục liên quan đến quyền con người.
- Tham mưu và hỗ trợ Chính phủ xây dựng pháp luật, chỉ thị hành chính và các thủ tục, đề xuất những biện pháp cần được thực hiện.
- Đề xuất với Chính phủ về việc ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế và những văn kiện quốc tế khác trong lĩnh vực nhân quyền.
- Điều tra các khiếu nại liên quan đến hành vi xâm phạm nhân quyền nêu tại Mục 12.

Để thực thi các chức năng của mình, Ủy ban có thể thực thi bất kỳ hoặc tất cả các quyền hạn sau đây:

- Thúc đẩy nhận thức về quyền con người và thực hiện nghiên cứu bằng việc tiến hành các chương trình, hội thảo, tọa đàm và phổ biến những kết quả nghiên cứu đó.
- Tư vấn cho Chính phủ và /hoặc các cơ quan có liên quan về các khiếu nại chống lại các cơ quan đó và đề nghị Chính phủ và /hoặc các cơ quan đó thực hiện các biện pháp thích hợp
- Tìm hiểu và xác minh bất kỳ hành vi xâm phạm các quyền con người nào phù hợp với quy định của Luật

này.

- Đến thăm những nơi giam giữ theo thủ tục luật định liên quan đến nơi giam giữ và đưa ra các khuyến nghị cần thiết.
- Ra tuyên bố công khai về quyền con người khi cần thiết.
- Thực hiện bất kỳ hoạt động thích hợp nào khác nếu cần thiết phù hợp với pháp luật hiện hành, nếu có, trong liên quan đến hoạt động này.
- Việc Ủy ban đến thăm bất kỳ nơi giam nào theo Đoạn 2(d) không thể bị từ chối bởi người phụ trách nơi giam giữ nếu việc thăm tuân thủ các thủ tục luật định về nơi giam giữ.
- Nhằm thực thi Luật này, cần quan tâm tối đa đến Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948 tới mức độ mà nó không trái với Hiến pháp Liên bang.

Các thành viên của Ủy ban và nhiệm kỳ

5.

- Ủy ban sẽ bao gồm không quá hai mươi thành viên.
- Thành viên của Ủy ban sẽ được chỉ định bởi Yang di
- Pertuan Agong, theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.
- Thành viên của Ủy ban sẽ được bổ nhiệm trong số các cá nhân nổi bật, bao gồm những người từ tôn giáo và chủng tộc khác nhau.
- Mọi thành viên giữ nhiệm kỳ trong thời hạn hai năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Chủ tịch và Phó Chủ tịch

6.

- Yang di - Pertuan Agong sẽ chỉ định một trong các thành viên đã được chỉ định theo Mục 5 làm Chủ tịch Ủy ban.
- Nhiệm kỳ của Chủ tịch sẽ theo nhiệm kỳ thành viên trong Ủy ban của người đó.
- Một Phó Chủ tịch sẽ được bầu bởi các thành viên của Ủy ban từ trong số họ.
- Trường hợp Chủ tịch Ủy ban vì lý do nào đó không thể thực hiện chức năng của Chủ tịch hoặc trong bất kỳ khi nào vắng Chủ tịch, Phó Chủ tịch sẽ thực hiện các chức năng của Chủ tịch.

Các cuộc họp của Ủy ban

7.

- Chủ tịch Ủy ban có trách nhiệm chủ tọa tất cả các cuộc họp của Ủy ban.
- Nếu Chủ tịch vắng mặt khỏi bất kỳ cuộc họp nào, Phó Chủ tịch Ủy ban sẽ chủ trì cuộc họp đó.
- Số đại biểu cần thiết ở tất cả các cuộc họp phải ít nhất là hai phần ba số thành viên của Ủy ban.
- Các thành viên của Ủy ban có trách nhiệm sử dụng các nỗ lực tối đa để đi đến đồng thuận khi ra quyết định, nếu không cần đạt đa số hai phần ba thành viên có mặt.
- Ủy ban sẽ xác định thủ tục tổ tụng cho mình.

Thù lao

8.

- Chủ tịch của Ủy ban sẽ được trả thù lao và các khoản phụ cấp như Yang di - Pertuan Agong quyết định.
- Mỗi thành viên của Ủy ban được phụ cấp theo mức mà Yang di - Pertuan Agong quyết định.

Trống ghế

Vị trí của một thành viên Ủy ban bị trống khi:

- Khi thành viên chết.
- Khi thành viên từ chức bằng một thư gửi đến Yang di - Pertuan Agong.
- Khi kết thúc nhiệm kỳ.
- Khi thành viên bị khai trừ theo bất kỳ căn cứ nào quy định trong Điều 10.
- Miễn nhiệm

Một thành viên của Ủy ban có thể bị khai trừ bởi Yang di - Pertuan Agong nếu:

- Thành viên bị một tòa án có thẩm quyền tuyên là lâm vào tình trạng phá sản
- Yang di - Pertuan Agong, sau khi tham khảo ý kiến một viên chức y tế viên hoặc một chuyên gia y tế, có ý kiến rằng thành viên đó là không đủ khả năng về thể chất hoặc tinh thần để tiếp tục nhiệm vụ.
- Thành viên vắng mặt trong ba cuộc họp liên tiếp của Ủy ban mà không được sự cho phép nghỉ của Ủy ban

hoặc, trong trường hợp Chủ tịch, không có sự cho phép nghỉ của Bộ trưởng.

Yang di - Pertuan Agong, căn cứ vào những khuyến nghị của Thủ tướng Chính phủ, có ý kiến về việc thành viên đã:

- tham gia vào bất kỳ công việc hoặc việc làm được trả lương nào có xung đột với nhiệm vụ của mình với tư cách thành viên của Ủy ban.
- có hành vi sai lệch hoặc đã hành xử gây tiếng xấu cho Ủy ban.
- có hành động trái với Luật này và trái với nhiệm vụ của mình với tư cách thành viên của Ủy ban.

Từ chức

Một thành viên của Ủy ban tại bất kỳ thời điểm nào có thể từ chức bằng một lá thư gửi đến Yang di - Pertuan Agong.

PHẦN III. QUYỀN HẠN ĐIỀU TRA CỦA ỦY BAN

Ủy ban có thể chủ động điều tra hoặc căn cứ vào khiếu nại

- Ủy ban có thể tự mình chủ động hoặc căn cứ vào đơn khiếu nại của một người hoặc nhóm người bị thiệt hại hoặc người đại diện cho cá nhân hoặc một nhóm người bị thiệt hại, điều tra một lời cáo buộc xâm phạm quyền con người của các nhân hoặc một nhóm người đó.
- Ủy ban không điều tra về bất kỳ khiếu nại liên quan đến cáo buộc về hành vi xâm phạm quyền con người nào mà:

- Là đối tượng của bất kỳ thủ tục tố tụng đang chờ xem xét tại bất kỳ tòa án nào, bao gồm các kháng cáo.
- Đã được kết luận cuối bởi bất kỳ tòa án nào.
- Nếu Ủy Ban điều tra một cáo buộc theo Khoản 12(1) và trong khi điều tra như vậy cáo buộc trở thành đối tượng của bất kỳ thủ tục tố tụng tại bất kỳ tòa án nào, Ủy ban sẽ ngay lập tức chấm dứt cuộc điều tra.

Thủ tục khi phát hiện hoặc không phát hiện vi phạm

- Trong trường hợp một cuộc điều tra được tiến hành bởi Ủy ban theo Điều 12 không tìm thấy hành vi xâm phạm nhân quyền, Ủy ban sẽ ghi lại kết luận và ngay lập tức thông báo cho người khiếu nại.
- Trong trường hợp một cuộc điều tra được tiến hành bởi Ủy ban theo Điều 12 cho thấy có hành vi xâm phạm nhân quyền, Ủy ban có quyền chuyển vụ việc khi thích hợp đến cơ quan có thẩm quyền hoặc người có liên quan với các khuyến nghị cần thiết.

Quyền hạn khi điều tra

Ủy ban, nhằm thực hiện điều tra theo Luật này, có quyền:

- Thu thập và nhận được tất cả các bằng chứng, bằng văn bản hoặc bằng miệng, và kiểm tra tất cả những người là nhân chứng, khi Ủy ban cho rằng là cần thiết hoặc mong muốn thu thập hoặc kiểm tra.
- Yêu cầu bằng chứng, cho dù bằng văn bản hoặc bằng miệng, của bất kỳ nhân chứng nào cần được đưa ra với lời tuyên thệ hoặc khẳng định, lời tuyên thệ hoặc khẳng

định như thể là lời người đó làm chứng tại một Tòa án Tư pháp, một viên chức được ủy quyền thay mặt cho Ủy ban sẽ hướng dẫn việc tuyên thệ hoặc khẳng định như vậy đối với tất cả các nhân chứng.

- Triệu tập bất kỳ ai cư trú tại Malaysia tham dự bất kỳ cuộc họp nào của Ủy ban để đưa ra bằng chứng hoặc đệ trình bất kỳ tài liệu hoặc đồ vật thuộc sở hữu của mình, và xem xét lời chứng của người đó hoặc yêu cầu người đó đệ trình tài liệu hoặc đồ vật thuộc sở hữu của mình.
- Xác định sự không phù hợp với các quy định của Đạo luật Bằng chứng 1950 [Luật 56] bất cứ bằng chứng nào, cho dù bằng văn bản hoặc bằng miệng, có thể không được chấp nhận trong thủ tục tố tụng dân sự hoặc hình sự.
- Cho phép hoặc không cho phép công chúng tham gia vào cuộc điều tra hoặc trình tự tố tụng.
- Không phụ thuộc vào Khoản 1c, khi một người được triệu tập lại là người đang bị giam giữ theo các luật khác, lệnh triệu tập sẽ ban hành theo quy định của pháp luật được áp dụng liên quan đến nơi giam giữ.

Bằng chứng tại Ủy ban

- Một người đưa ra bằng chứng tại Ủy ban, liên quan đến các bằng chứng như vậy, được tất cả các đặc quyền như một nhân chứng đưa ra bằng chứng trước một tòa án được hưởng liên quan đến bằng chứng đưa trước tòa án như thế.

- Không ai, liên quan đến bằng chứng bằng văn bản hoặc bằng miệng được đưa ra bởi người đó đến hoặc tại Ủy ban, phải chịu trách nhiệm dân sự hoặc hình sự trước bất kỳ tòa án nào, trừ trường hợp người đó tạo dựng hoặc đưa ra bằng chứng giả.

PHẦN IV. NHÂN VIÊN CỦA ỦY BAN

Bổ nhiệm Tổng thư ký và các nhân viên

- Ủy ban sẽ chỉ định một Thư ký cho Ủy ban.
- Ủy Ban có thể cử công chức hay nhân viên khác khi cần thiết để hỗ trợ Ủy ban trong việc thực hiện các chức năng của mình theo Đạo Luật này

Ủy quyền

- Ủy ban có thể ủy quyền cho bất kỳ công chức được đề cập trong Khoản 16 (2) bất kỳ quyền hạn nào của mình, và công chức được ủy quyền thực hiện những quyền hạn dưới sự chỉ đạo của Ủy ban.

Bảo vệ của các thành viên, công chức và nhân viên của Ủy ban

- Không có việc khởi kiện, cáo buộc, truy tố hoặc trình tự tố tụng nào được khởi động tại bất kỳ tòa án nào chống lại Ủy ban hoặc chống lại bất kỳ thành viên, công chức hoặc nhân viên của Ủy ban liên quan của bất kỳ hành động, không hành động hoặc đã thực hiện bởi người với tư cách như vậy với điều kiện vào thời điểm đó thực hiện chức năng của mình với thiện chí.

- Các thành viên, công chức hay nhân viên của Ủy ban không thể bị yêu cầu bởi bất kỳ tòa án nào đưa ra bất kỳ tài liệu nào đã nhận được, hoặc tiết lộ cho bất kỳ tòa án nào bất cứ vấn đề hoặc điều gì mà Ủy ban đã lưu ý trong quá trình điều tra được thực hiện bởi Ủy ban theo Luật này.
- Không có việc khởi kiện, cáo buộc dân sự hoặc hình sự nào được khởi động tại bất kỳ tòa án nào chống lại thành viên Ủy ban liên quan đến bất kỳ báo cáo nào của Ủy ban theo Luật này hoặc chống lại bất kỳ người nào khác do người đó công bố đúng nội dung báo cáo
- Chương IX và X của Bộ luật hình sự [Luật 574] được áp dụng cho các thành viên, công chức và nhân viên của Ủy ban, như thể cụ từ “công chức nhà nước” được thay thế bằng “thành viên, công chức hoặc nhân viên của Ủy ban”.

PHẦN V. QUY ĐỊNH CHUNG

Kinh phí

- Chính phủ cung cấp cho Ủy ban đầy đủ kinh phí hàng năm để Ủy ban có thể thực hiện chức năng của mình theo Luật này.
- Ủy Ban không được nhận bất kỳ khoản viện trợ nước ngoài nào.
- Mặc dù có Khoản 2, Ủy ban có thể nhận được kinh phí, không kèm theo bất kỳ điều kiện nào, từ bất cứ cá nhân, tổ chức nào với mục đích nâng cao nhận thức và

giáo dục liên quan đến quyền con người có thể được phê duyệt bởi Ủy ban.

- Ủy ban sẽ được kiểm toán thích hợp đối với những khoản thu nhập, chi tiêu, các tài sản và trách nhiệm tài chính.
- Năm tài chính của Ủy ban sẽ là niên lịch.
- Bất kỳ chi phí phát sinh bởi Ủy ban trong bất kỳ vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng, dân sự hoặc hình sự, đưa ra bởi hoặc chống lại Ủy ban trước tòa án nào sẽ được thanh toán bởi các quỹ của Ủy ban và bất kỳ chi phí hoặc khoản nhận được bởi Ủy ban trong bất kỳ vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng, dân sự hoặc hình sự, như vậy được khấu trừ vào kinh phí của Ủy ban.
- Mọi chi phí phát sinh bởi bất kỳ thành viên, công chức hoặc nhân viên Ủy ban, trong bất kỳ vụ kiện hoặc thủ tục dân sự chống lại người đó tại bất kỳ tòa án nào đối với bất kỳ hành động được thực hiện hoặc dự định được thực hiện bởi người đó theo Luật này hoặc theo sự chỉ đạo của Ủy ban được thanh toán bởi các quỹ của Ủy ban, trừ phi chi phí được anh ta nhận lại trong vụ kiện dân sự.

Áp dụng Luật 240

- Luật về các cơ quan theo luật định (Tài khoản và Báo cáo thường niên) 1980 [Luật 240] được áp dụng đối với Ủy ban.

Báo cáo thường niên

- Ủy ban, không chậm hơn cuộc họp đầu tiên Quốc hội của năm sau, đệ trình báo cáo hàng năm đến Quốc hội về tất cả các hoạt động của mình trong năm báo cáo liên quan.
- Các báo cáo phải có một danh sách tất cả các vấn đề được đề cập đến và những hành động liên quan đến chúng cùng các kiến nghị của Ủy ban đối với từng vấn đề.
- Ủy ban có thể, bất cứ khi nào xét thấy cần thiết, gửi báo cáo đặc biệt đến Quốc hội liên quan đến bất kỳ vấn đề hoặc các vấn đề đặc biệt nào và hành động thực hiện liên quan đến chúng.

Quy định

- Bộ trưởng có thể ban hành những quy định nhằm thực thi các điều khoản của Luật này, bao gồm quy định các thủ tục phải tuân thủ khi thực hiện những cuộc điều tra theo Luật này.

Thẩm quyền quy định kỷ luật

- Ủy Ban có thể, với sự chấp thuận của Bộ trưởng, đưa ra các quy định như vậy khi thấy cần thiết hoặc thiết thực ban hành kỷ luật đối với công chức và nhân viên của Ủy ban.
- Trường hợp có bất kỳ quy định kỷ luật nào được thực hiện theo mục này, Ủy ban sẽ đưa ra thông báo về tác động của những quy định được ban hành theo phương thức để tất cả công chức và nhân viên của Ủy ban,

những người bị ảnh hưởng bởi các quy định đó được biết, các quy định đó có hiệu lực ngay sau khi thông báo được ban hành mà không cần công bố trên Công báo, cho dù có các Mục 19 và 20 của các Luật Giải thích 1948 và 1967 [Luật 388].

KHUYẾN NGHỊ CỦA CÁC CƠ QUAN NHÂN QUYỀN LIÊN HỢP QUỐC ĐỐI VỚI VIỆT NAM VỀ VIỆC THÀNH LẬP CƠ QUAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA (2002-2014)

KẾT LUẬN GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN NHÂN QUYỀN: VIỆT NAM, 2002

11. Ủy ban quan ngại rằng Quốc gia chưa thành lập một cơ quan độc lập và do luật định có quyền giám sát và điều tra các khiếu nại vi phạm nhân quyền, bao gồm cả khiếu nại đối với các nhân viên cảnh sát, các lực lượng an ninh và bảo vệ nhà tù. Thực tế này có thể là nguyên nhân có số lượng nhỏ các khiếu nại, trái ngược với các thông tin về số lượng lớn các hành vi vi phạm nhận được từ các nguồn phi chính phủ (các điều 2, 7 và 10 ICCPR).

Quốc gia cần thành lập, bằng pháp luật, một cơ quan giám sát nhân quyền độc lập thường trực với đầy đủ quyền hạn và nguồn lực để tiếp nhận và điều tra những cáo buộc tra tấn hay lạm dụng quyền lực của các công chức nhà nước, bao gồm các thành viên của các lực lượng an ninh, và khởi tố các thủ tục hình sự và kỷ luật chống lại những người phải chịu trách nhiệm.

... KẾT LUẬN GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN XÓA BỎ PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC: VIỆT NAM, 2012

11. Ủy ban lấy làm tiếc vì sự thiếu vắng hoàn toàn các hành động cụ thể và khung thời gian để thành lập của một tổ chức nhân quyền quốc gia theo quy định của các Nguyên tắc Paris (Nghị quyết 48/134 của Đại hội đồng). Ủy ban cũng ghi nhận và đánh giá cao cam kết bằng miệng của phái đoàn rằng sẽ tích cực xem xét việc thành lập tổ chức như vậy trong tương lai gần (các điều 2 và 6 CERD).

Ủy ban khuyến khích Quốc gia thành viên nhanh chóng thành lập và cung cấp đủ tài chính, nhân lực cho một cơ quan nhân quyền độc lập, phù hợp với các Nguyên tắc Paris, với thẩm quyền chung về các quyền con người và thẩm quyền cụ thể giải quyết tất cả hình thức phân biệt đối xử. ...

KẾT LUẬN GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN QUYỀN TRẺ EM: VIỆT NAM, 2012

15. Ủy ban đặc biệt nhấn mạnh lại mối quan tâm trước đó (CRC/C/15/Add.200, năm 2003, đoạn 12) về việc thiếu cơ quan giám sát độc lập nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em, như đã được nêu ra trong Bình luận chung số 2 của Ủy ban về vai trò của các cơ quan nhân quyền độc lập (CRC/GC/2002/2).

16. Ủy ban nhấn mạnh lại khuyến nghị rằng Việt Nam cần thiết lập một cơ quan giám sát độc lập có đủ nguồn nhân lực, tài chính và kỹ thuật nhằm đảm bảo tính độc lập, hiệu quả, phù hợp với Bình luận chung số 2 của Ủy ban năm 2002 về vai trò của các cơ quan nhân quyền độc lập trong việc thúc đẩy, bảo vệ quyền trẻ em. Ủy ban khuyến khích Việt

Nam nhanh chóng thiết lập một cơ quan nhân quyền độc lập có đủ nhân viên, tài chính để đảm bảo việc giám sát nhân quyền có hệ thống và toàn diện, bao gồm quyền trẻ em.

KẾT LUẬN GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN VỀ CÁC QUYỀN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA: VIỆT NAM, 2014

Ủy ban quan ngại rằng Quốc gia thành viên không có cơ quan nhân quyền quốc gia.

Ủy ban kêu gọi Quốc gia thành viên đẩy nhanh việc thành lập một cơ quan nhân quyền quốc gia, theo các Nguyên tắc Paris. Ủy ban đề nghị Nhà nước thành viên tham chiếu Bình luận chung số 10 (1998) về vai trò của cơ quan nhân quyền quốc gia trong việc bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

CHUYÊN GIA ĐỘC LẬP VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ TÌNH TRẠNG NGHÈO CÙNG CỰC, 2010

101 (a) Tăng cường hơn nữa khung pháp lý và thể chế:
(ii) Chính phủ nên thành lập một tổ chức nhân quyền quốc gia phù hợp với các Nguyên tắc Paris về vị thế của tổ chức quốc gia [về nhân quyền].

PHỤ LỤC 9

CÁC CAM KẾT CỦA VIỆT NAM KHI ỨNG CỬ LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG NHÂN QUYỀN LIÊN HỢP QUỐC

Giới thiệu: Ngày 12/11/2013, với 184 phiếu thuận trên tổng số 192 phiếu, Việt Nam trúng cử với số phiếu cao nhất trong số 14 nước thành viên mới và lần đầu tiên trở thành thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc nhiệm kỳ 2014-2016. Trước đó, vào ngày 27/8/2013, trong tiến trình ứng cử làm thành viên Hội đồng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, thay mặt cho nhà nước Việt Nam, đã trình bày trước Hội đồng 14 cam kết sau đây (bao gồm cam kết số 3 về CQNQQG).

1. Thông qua các chính sách, biện pháp và tăng cường nguồn lực để bảo đảm tốt hơn mọi quyền kinh tế, xã hội, văn hoá, dân sự và chính trị cơ bản của con người phù hợp với những tiêu chuẩn được quốc tế công nhận.
2. Đạt được các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.
3. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền, củng cố các tổ chức quốc gia bảo vệ nhân quyền, bao gồm việc có thể thành lập một cơ quan nhân quyền quốc gia.
4. Thông qua các chính sách, biện pháp và tăng cường nguồn lực để bảo đảm tốt hơn về an sinh xã hội, phúc

lợi và công lý, đặc biệt là quyền của các nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và dân tộc thiểu số.

5. Tăng cường giáo dục và đào tạo về nhân quyền để nâng cao nhận thức và năng lực của các cơ quan thi hành pháp luật để bảo đảm tốt hơn quyền và tự do cơ bản của người dân.
6. Tiếp tục thực hiện các khuyến cáo mà Việt Nam chấp nhận trong chu kỳ UPR đầu tiên trong năm 2009, tham gia một cách có trách nhiệm và xây dựng trong chu kỳ UPR thứ hai.
7. Tăng cường dân chủ cơ sở và sự tham gia của nhân dân vào việc lập kế hoạch và thực hiện các chính sách, cải thiện việc Việt Nam tương tác với các tổ chức chính trị, xã hội làm việc trong lĩnh vực nhân quyền.
8. Tham gia một cách tích cực, xây dựng và có trách nhiệm trong các công tác của Hội đồng [Nhân quyền] để góp phần làm gia tăng hiệu năng và hiệu quả, tính minh bạch, khách quan và cân bằng của Hội đồng, trong tinh thần đối thoại và hợp tác.
9. Tăng cường hợp tác và đối thoại với cơ chế Liên Hợp quốc về quyền con người, đặc biệt là các cơ quan điều ước quốc tế và Văn phòng Cao Ủy Nhân Quyền về các thủ tục đặc biệt, bao gồm khả năng có lời mời thêm các chuyên thăm viếng đến Việt Nam.
10. Hỗ trợ và tích cực tham gia tham vấn liên chính phủ về nâng cao năng lực và hiệu quả của cơ quan điều ước quốc tế về quyền con người.

11. Tham gia và đóng góp vào việc thúc đẩy sự hợp tác nhân quyền ASEAN, đặc biệt là trong khuôn khổ AICHR và trong việc thực hiện Tuyên ngôn nhân quyền ASEAN.
12. Duy trì đối thoại nhân quyền song phương và các cơ chế hợp tác với các nước đối tác, với mục tiêu chung là thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trên thế giới.
13. Hoàn thành thủ tục sớm gia nhập Công ước chống tra tấn.
14. Hoàn thành thủ tục cho việc phê chuẩn Công ước về Quyền của Người khuyết tật.

BÌNH LUẬN CHUNG SỐ 2 CỦA ỦY BAN QUYỀN TRẺ EM LIÊN HỢP QUỐC Về vai trò của các cơ quan nhân quyền quốc gia trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em*

1. Điều 4 của Công ước về Quyền trẻ em quy định các quốc gia thành viên “thực hiện tất cả các biện pháp pháp lý, hành chính và những biện pháp thích hợp khác để hiện thực hóa các quyền đã được công nhận trong Công ước”. Các cơ quan quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền (CQNQQG) là một hệ thống quan trọng để khuyến khích và bảo đảm việc thực thi Công ước, và Ủy ban về Quyền trẻ em coi việc thành lập những cơ quan đó nằm trong khuôn khổ cam kết của các quốc gia thành viên khi phê chuẩn Công ước để bảo đảm việc thực thi Công ước và tiến tới hiện thực hóa các quyền trẻ em. Vì vậy, Ủy ban hoan nghênh việc thành lập các CQNQQG, các cơ quan thanh tra trẻ em, các Văn phòng Cao ủy về trẻ em và những thiết chế tương tự nhằm đẩy mạnh việc giám sát và thực thi Công ước ở nhiều quốc gia thành viên.
2. Ủy ban đưa ra bình luận chung này để khuyến khích các quốc gia thành viên thiết lập các CQNQQG nhằm

đẩy mạnh và giám sát việc thực hiện Công ước và hỗ trợ họ về mặt này bằng cách thảo luận chi tiết về các yếu tố thiết yếu về tổ chức và hoạt động của CQNQQG. Ở những nước mà thiết lập các CQNQQG, Ủy ban kêu gọi các quốc gia rà soát tình hình thực tế và tính hiệu quả của các tổ chức này trong việc đẩy mạnh và bảo vệ các quyền trẻ em mà đã được nêu trong Công ước về Quyền trẻ em và những văn kiện quốc tế liên quan khác.

3. Tuyên bố và Chương trình Hành động thông qua tại Hội nghị thế giới về nhân quyền năm 1993 tại Vienna một lần nữa khẳng định việc “... các CQNQQG đã đóng một vai trò quan trọng và sáng tạo trong việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền”, và khuyến khích “... việc thành lập và củng cố các CQNQQG”. Đại hội đồng và Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc đã nhắc lại yêu cầu thành lập các CQNQQG, nhấn mạnh vai trò quan trọng của các CQNQQG trong việc đẩy mạnh và bảo vệ nhân quyền, tăng cường sự quan tâm của công chúng với những quyền đó. Trong những hướng dẫn về việc xây dựng các báo cáo định kỳ của quốc gia, Ủy ban yêu cầu các quốc gia thành viên cung cấp thông tin về “bất kỳ CQNQQG nào đã được thành lập nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em...”⁽¹⁾ Đây chính là lý do Ủy ban nhất quán đưa ra vấn đề này trong suốt cuộc đối thoại với các quốc gia thành viên.
4. Các CQNQQG nên được thành lập đúng theo Các

nguyên tắc về địa vị của các CQNQQG (Các Nguyên tắc Paris) mà được thông qua vào năm 1993(2) và được chấp thuận bởi Ủy ban Nhân quyền vào năm 1992(3). Những tiêu chuẩn tối thiểu này cung cấp hướng dẫn cho việc thành lập, năng lực, trách nhiệm, cơ cấu, thành phần, và kể cả tính đa nguyên, tính độc lập, phương pháp hoạt động... của các CQNQQG.

5. Mặc dù cả người lớn và trẻ em đều cần có các CQNQQG để bảo vệ quyền con người của họ, tuy nhiên, đối với trẻ em, nhu cầu có tính cấp thiết hơn bởi trẻ em là đối tượng cần được quan tâm đặc biệt. Điều xuất phát từ thực tế là do còn chưa trưởng thành nên trẻ em đặc biệt dễ bị tổn thương trước những vi phạm quyền con người. Ví dụ, quan điểm của trẻ em hiếm khi được xem xét; trẻ em, do chưa có quyền bỏ phiếu nên không thể đóng một vai trò với đầy đủ ý nghĩa trong tiến trình chính trị quyết định những hành động về nhân quyền của chính phủ. Trẻ em cũng phải đối mặt với những trở ngại lớn trong việc sử dụng hệ thống tư pháp để bảo vệ quyền của mình; và sự tiếp cận của trẻ em với những tổ chức có thể bảo vệ quyền trẻ em nói chung bị hạn chế.
6. Các CQNQQG chuyên trách về trẻ em, các cơ quan thanh tra hay các Cao ủy về quyền trẻ em đã được thành lập ở ngày càng nhiều quốc gia. Ở những quốc gia mà nguồn lực có hạn, cần cân nhắc để bảo đảm rằng những nguồn lực sẵn có được sử dụng một cách hiệu quả nhất cho việc đẩy mạnh và bảo vệ quyền con

người của mỗi cá nhân, bao gồm cả quyền của trẻ em. Trong bối cảnh này, việc xây dựng một CQNQQG có chức năng rộng, trong đó dành trọng tâm cho việc bảo vệ quyền trẻ em có thể là cách tiếp cận hợp lý nhất. Một CQNQQG có chức năng rộng nên có một ủy viên đặc trách, hoặc một bộ phận hay tiểu ban riêng chịu trách nhiệm về quyền trẻ em trong cơ cấu tổ chức của mình.

7. Quan điểm của Ủy ban là mỗi nước cần có một CQNQQG có trách nhiệm thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em. Mỗi quan tâm chủ yếu của Ủy ban là CQNQQG, dù thành lập dưới bất kỳ hình thức nào, cần có khả năng giám sát, khuyến khích và bảo vệ quyền trẻ em một cách độc lập và hiệu quả. Một điều rất quan trọng là việc khuyến khích và bảo vệ quyền trẻ em là “xu thế chủ đạo” và tất cả các cơ quan nhân quyền đang hoạt động ở một quốc gia cần phối hợp làm việc một cách chặt chẽ với nhau.

Nhiệm vụ và quyền hạn

8. Nếu có thể, các CQNQQG cần được thành lập theo quy định trong Hiến pháp hoặc ít nhất là theo một văn bản pháp luật. Quan điểm của Ủy ban là nhiệm vụ của CQNQQG nên được mở rộng càng nhiều càng tốt, trong đó tích hợp cả việc bảo đảm thực thi Công ước về Quyền của trẻ em, các nghị định thư bổ sung của Công ước và các văn kiện quốc tế chính thức về nhân quyền khác có liên quan - như vậy mới có thể

thực sự bao quát các quyền của trẻ em, đặc biệt là các quyền dân sự, chính trị, kinh tế và văn hoá của trẻ em. Pháp luật quốc gia cần bao gồm các quy định cụ thể về chức năng, quyền hạn và bốn phân liên quan đến trẻ em của các đối tượng khác nhau, trong đó liên kết với Công ước về quyền của trẻ em và các Nghị định thư bổ sung của Công ước. Nếu CQNQQG đã được thành lập trước khi có Công ước, hoặc không liên kết với Công ước một cách rõ ràng thì cần ban hành hoặc sửa đổi những văn bản luật có liên quan để bảo đảm sự phù hợp về nhiệm vụ của CQNQQG với các nguyên tắc và điều khoản của Công ước.

9. Các CQNQQG nên được giao những quyền hạn cần thiết cho phép họ hoàn thành nhiệm vụ một cách có hiệu quả, bao gồm quyền tiếp nhận thông tin từ bất cứ người nào và thu thập bất cứ thông tin, tài liệu cần thiết nào cho việc đánh giá những tình huống nằm trong thẩm quyền của họ. Những quyền này nên bao gồm việc thúc đẩy và bảo vệ quyền của tất cả trẻ em thuộc thẩm quyền của các quốc gia thành viên trong mối quan hệ không chỉ với quốc gia mà còn với tất cả các thực thể công và tư có liên quan.

Quy trình thành lập

10. Quy trình thành lập CQNQQG nên mang tính chất tham vấn, minh bạch, có sự đề xướng và ủng hộ ở các cấp cao nhất của Chính phủ và bao gồm tất cả các chủ thể có liên quan của quốc gia, các cơ quan lập pháp và

xã hội dân sự. Để bảo đảm tính độc lập và hiệu quả trong việc thực hiện chức năng của các CQNQQG, các cơ quan này cần phải có đầy đủ cơ sở hạ tầng, kinh phí (kể cả trong trường hợp chúng là một bộ phận chuyên trách về quyền trẻ em nằm trong một cơ quan nhân quyền có chức năng rộng), đội ngũ nhân viên, trụ sở và không bị ràng buộc bởi những hình thức kiểm soát tài chính mà có thể ảnh hưởng tới tính độc lập của các tổ chức này.

Các nguồn lực

11. Mặc dù Ủy ban thừa nhận đây là một vấn đề nhạy cảm và các quốc gia thành viên có nguồn lực kinh tế ở mức độ rất khác nhau, Ủy ban tin tưởng rằng các quốc gia có nghĩa vụ cung cấp tài chính ở mức độ hợp lý cho hoạt động của các CQNQQG theo quy định tại Điều 4 của Công ước. Các CQNQQG sẽ không thể hoặc chỉ thực hiện được nhiệm vụ và quyền hạn của họ một cách hạn chế nếu không có phương tiện hoạt động hiệu quả.

Thành phần đại diện đa nguyên

12. Các CQNQQG nên đảm bảo rằng thành phần của cơ quan mang tính đại diện đa nguyên của nhiều nhân tố khác nhau trong xã hội dân sự mà tham gia vào việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Các CQNQQG cần cố gắng đưa vào thành phần của mình đại diện của những chủ thể sau đây: các cơ quan nhân quyền,

các cơ quan hoạt động chống lại sự phân biệt đối xử và bảo vệ quyền trẻ em, các tổ chức phi chính phủ (NGOs) bao gồm các tổ chức của thanh, thiếu niên, công đoàn, các tổ chức xã hội nghề nghiệp (của bác sĩ, luật sư, nhà báo, nhà khoa học...); các trường đại học và các chuyên gia, kể cả các chuyên gia về quyền trẻ em. Các cơ quan chính phủ chỉ nên tham gia với chức năng tư vấn. Các CQNQQG nên có những thủ tục bổ nhiệm thích hợp và minh bạch, bao gồm cả quy trình lựa chọn mang tính mở và cạnh tranh.

Giải quyết những vi phạm quyền trẻ em

13. Các CQNQQG cần được giao thẩm quyền xem xét đơn khiếu nại, tố cáo của các cá nhân và tiến hành điều tra, bao gồm cả những đơn được nộp trực tiếp bởi trẻ em hoặc những chủ thể đại diện cho trẻ em. Để thực hiện có hiệu quả việc điều tra, các CQNQQG cần được giao thẩm quyền tiếp cận và chất vấn nhân chứng, tiếp cận những tài liệu, chứng cứ có liên quan và những địa điểm giam giữ. Họ cũng có bốn phận đảm bảo chắc chắn rằng trẻ em được bảo vệ bằng các biện pháp hiệu quả - chẳng hạn như có tư vấn pháp luật độc lập, được biện hộ bởi luật sư và các thủ tục khiếu nại đối với bất cứ sự vi phạm nào về quyền của trẻ em. Trong những tình huống thích hợp, các CQNQQG nên tiến hành hoạt động trung gian và hoà giải các khiếu nại.
14. Các CQNQQG cần được trao thẩm quyền hỗ trợ trẻ

em trong việc đưa các vụ việc ra toà án, bao gồm quyền: (a) thực hiện việc khiếu kiện có liên quan đến vấn đề quyền trẻ em với danh nghĩa của các CQNQQG; và (b) tham dự các vụ án ở toà để thông báo với toà án về vấn đề nhân quyền liên quan trong vụ án đó.

Tính chất dễ tiếp cận và tham gia

15. Các CQNQQG cần dễ tiếp cận đối với tất cả trẻ em, cả về mặt địa lý và tự nhiên. Trên tinh thần Điều 2 của Công ước, các CQNQQG cần chủ động nắm được tất cả các nhóm trẻ em, đặc biệt là những trẻ dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất, chẳng hạn như (những không chỉ giới hạn ở) những trẻ em đang được chăm sóc hoặc đang bị giam giữ, trẻ em xuất thân từ các nhóm thiểu số hay bản địa, trẻ em khuyết tật, trẻ em đang sống trong nghèo đói, trẻ em tị nạn và di cư, trẻ em đường phố, trẻ em có những nhu cầu đặc biệt trong các lĩnh vực văn hoá, ngôn ngữ, y tế và giáo dục. Pháp luật về các CQNQQG cần ghi nhận quyền của các cơ quan này được tiếp cận với các cơ sở chăm sóc trẻ em ngoài gia đình và với tất cả các cơ quan, tổ chức làm việc với trẻ em.
16. Các CQNQQG đóng vai trò then chốt trong việc khuyến khích sự tôn trọng quan điểm của trẻ em trong tất cả những vấn đề ảnh hưởng tới trẻ bởi các chín phủ và các cộng đồng, như đã được nêu rõ trong Điều 12 của Công ước. Nguyên tắc chung này cần được áp dụng vào việc thành lập, tổ chức và hoạt động của các

CQNQQG. Các CQNQQG phải đảm bảo rằng họ có thể trực tiếp tiếp xúc với trẻ em và trẻ em được tham gia và hỏi ý kiến một cách hợp lý. Ví dụ, các hội đồng của trẻ em có thể được thành lập như những cơ quan tư vấn cho các CQNQQG để tạo thuận tiện cho việc bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong các vấn đề liên quan đến chúng.

17. Các CQNQQG cần xây dựng các chương trình truyền thông đặc biệt và những chiến lược thông tin giàu hình ảnh nhằm thúc đẩy sự tuân thủ đầy đủ Điều 12 của Công ước. Cũng nên xác lập các cơ chế phù hợp để trẻ em có thể giao tiếp với các CQNQQG.
18. Các CQNQQG cần được giao thẩm quyền báo cáo trực tiếp, độc lập và riêng rẽ về thực trạng quyền trẻ em trước công chúng và cơ quan Quốc hội. Về khía cạnh này, các CQNQQG phải đảm bảo rằng có một phiên họp định kỳ hàng năm được tổ chức trong Quốc hội để cung cấp cho các nghị sỹ cơ hội thảo luận về hoạt động của CQNQQG liên quan đến quyền trẻ em và việc tuân thủ Công ước của Quốc gia thành viên đó.

Các hoạt động được khuyến nghị

19. Dưới đây là danh mục gợi ý, tuy chưa đầy đủ, các loại hoạt động mà các CQNQQG nên thực hiện liên quan đến việc thực thi quyền trẻ em trên tinh thần những nguyên tắc chung của Công ước:
 - a. Đảm nhận điều tra bất cứ tình huống nào về vi

phạm quyền trẻ em, dựa trên khiếu nại hay theo sáng kiến riêng của các cơ quan, trong phạm vi nhiệm vụ của mình;

- b. Tiến hành thẩm vấn những người có liên quan về những vi phạm quyền trẻ em;
- c. Chuẩn bị và công bố những ý kiến, khuyến nghị và báo cáo về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến việc khuyến khích và bảo vệ quyền trẻ em theo yêu cầu của chính quyền quốc gia hoặc theo sáng kiến riêng của các CQNQQG;
- d. Luôn luôn xem xét tính thích đáng và hiệu quả của luật pháp và thực tiễn có liên quan đến việc bảo vệ quyền trẻ em;
- e. Đẩy mạnh sự nội luật hóa pháp luật, quy chế và thực tiễn của quốc gia với Công ước về Quyền trẻ em và với các Nghị định thư không bắt buộc của Công ước cũng như với các văn kiện quốc tế khác về nhân quyền có liên quan đến quyền trẻ em; và xúc tiến việc thi hành có hiệu quả, kể cả việc cung cấp dịch vụ tư vấn cho các tổ chức công và tư trong việc giải thích và áp dụng Công ước;
- f. Đảm bảo rằng các nhà hoạch định chính sách kinh tế quốc gia xem xét đến vấn đề quyền trẻ em khi xây dựng, thực hiện và đánh giá các kế hoạch kinh tế quốc gia và các kế hoạch phát triển;
- g. Rà soát và báo cáo việc thực thi và giám sát của Chính phủ về tình hình quyền trẻ em, đảm bảo rằng những số liệu thống kê được phân loại thích

hợp và những thông tin khác được thu thập một cách đều đặn nhằm mục đích quyết định những việc cần làm để thực hiện quyền trẻ em;

- h. Khuyến khích sự phê chuẩn hay gia nhập bất kỳ văn kiện quốc tế nào về quyền con người có liên quan;
- i. Điều 3 Công ước quy định cần dành sự quan tâm đầu tiên và vì quyền lợi tốt nhất của trẻ em trong tất các hoạt động liên quan đến trẻ, đảm bảo rằng sự tác động của luật pháp và các chính sách về trẻ em được cân nhắc một cách cẩn thận, cả trong việc xây dựng, thực hiện và đánh giá;
- j. Trên cơ sở nội dung Điều 12, đảm bảo rằng trẻ em được bày tỏ quan điểm và được lắng nghe về những vấn đề có liên quan đến quyền của trẻ, trong quá trình xác định các vấn đề có liên quan đến quyền trẻ em;
- k. Ủng hộ và tạo điều kiện cho các tổ chức phi chính phủ về quyền trẻ em, bao gồm các tổ chức có trẻ em tham gia, được tham gia một cách có ý nghĩa vào việc xây dựng pháp luật quốc gia và thực hiện các văn kiện quốc tế chính thức có ảnh hưởng tới trẻ em;
- l. Thúc đẩy sự hiểu biết và nhận thức của công chúng về ý nghĩa quan trọng của quyền trẻ em, và với mục đích này, phối hợp chặt chẽ với các phương tiện thông tin đại chúng và đảm nhận hay tài trợ cho việc nghiên cứu và các hoạt động

giáo dục trong lĩnh vực này;

- m. Phù hợp với Điều 42 của Công ước trong đó quy định các quốc gia thành viên có nghĩa vụ “làm cho các nguyên tắc và điều khoản của Công ước được biết đến một cách rộng rãi bởi người lớn cũng như trẻ em thông qua các phương pháp phù hợp và tích cực”, tác động làm tăng sự nhạy cảm của Chính phủ, các cơ quan công quyền và toàn thể công chúng với các điều khoản của Công ước, và giám sát các phương thức mà các Quốc gia thành viên hoàn thành những nghĩa vụ của mình trên phương diện này;
- n. Hỗ trợ xây dựng các chương trình nhằm giảng dạy, nghiên cứu và đưa vấn đề quyền trẻ em vào khung chương trình giảng dạy của các trường phổ thông, đại học;
- o. Đảm bảo việc giáo dục nhân quyền tập trung đặc biệt vào trẻ em (bên cạnh việc thúc đẩy sự hiểu biết của toàn thể công chúng về tầm quan trọng của quyền trẻ em);
- p. Tham gia quá trình tố tụng để bảo vệ quyền trẻ em hoặc cung cấp sự trợ giúp pháp lý cho trẻ em;
- q. Tham gia vào các quá trình trung gian hoặc hoà giải, nếu thích hợp, trước khi đưa vụ việc ra toà án;
- r. Cung cấp các ý kiến chuyên môn về quyền trẻ em tại Tòa án trong những trường hợp thích hợp với tư cách là cố vấn cho tòa án hay là người liên quan

đứng về phía nguyên đơn hoặc bị đơn.

- s. Phù hợp với Điều 3 của Công ước trong đó quy định các quốc gia thành viên có nghĩa vụ “đảm bảo cho các tổ chức, các ban ngành và cơ sở có trách nhiệm chăm sóc hay bảo vệ trẻ em phải tuân thủ những tiêu chuẩn đã được thiết lập bởi các cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt trong những lĩnh vực an toàn, sức khỏe, trong phạm vi số lượng nhân viên của họ và sự giám sát theo thẩm quyền”, thực hiện các chuyến tham quan đến các trung tâm giáo dục trẻ chưa thành niên (và tất cả những nơi mà trẻ bị giam giữ để cải tạo hay thi hành hình phạt) và các tổ chức chăm sóc trẻ em để báo cáo về thực trạng và đưa ra khuyến nghị nhằm cải thiện tình hình;
- t. Thực hiện những hoạt động khác có liên quan với các hoạt động ở trên.

Báo cáo với Ủy ban về Quyền trẻ em và sự hợp tác giữa các CQNQQG với các cơ quan Liên hợp quốc và các cơ chế nhân quyền

- 20. Các CQNQQG cần đóng góp một cách độc lập vào quá trình báo cáo việc thực hiện Công ước và các văn kiện quốc tế khác có liên quan, giám sát tính chân thực của các báo cáo quốc gia gửi lên các Ủy ban giám sát Công ước quốc tế về quyền trẻ em.
- 21. Ủy ban yêu cầu các quốc gia thành viên cung cấp thông tin chi tiết về cơ sở pháp lý, nhiệm vụ và các

hoạt động liên quan chủ yếu của các CQNQQG trong các bản báo cáo của họ với Ủy ban. Các quốc gia thành viên nên bàn bạc với các CQNQQG trong suốt quá trình chuẩn bị báo cáo với Ủy ban. Tuy nhiên, các quốc gia thành viên phải tôn trọng sự độc lập của các tổ chức này và vai trò độc lập của họ trong việc cung cấp thông tin cho Ủy ban. Sẽ là không phù hợp nếu ủy nhiệm cho các CQNQQG biên soạn báo cáo hay đưa các cơ quan này vào trong phái đoàn của Chính phủ khi Ủy ban thẩm tra các báo cáo.

22. Các CQNQQG cũng nên hợp tác với những thủ tục đặc biệt của Ủy ban Nhân quyền, bao gồm các thủ tục điều tra tình hình ở quốc gia hay điều tra theo các chủ đề có liên quan, đặc biệt là Báo cáo viên đặc trách về buôn bán trẻ em, trẻ em mại dâm và khiêu dâm và Đại diện đặc biệt của Tổng thư ký về trẻ em và xung đột vũ trang.
23. Liên hợp quốc có một chương trình dài hạn nhằm hỗ trợ việc thành lập và hỗ trợ các CQNQQG. Chương trình này được đặt trong Văn phòng Cao uỷ Liên hợp quốc về nhân quyền, cung cấp sự trợ giúp về kỹ thuật và tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác khu vực và toàn cầu cùng sự trao đổi giữa các CQNQQG. Các quốc gia thành viên nên sử dụng sự trợ giúp này khi cần thiết. Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc cũng cung cấp hợp tác chuyên môn và hợp tác kỹ thuật trong lĩnh vực này.
24. Như được quy định trong Điều 45 của Công ước, Ủy

ban, nếu thấy thích hợp, cũng có thể chuyển bất kỳ bản báo cáo nào từ các quốc gia thành viên chứa đựng đề nghị hoặc nhu cầu về tư vấn hay hỗ trợ kỹ thuật về thành lập các CQNQQG tới bất cứ cơ quan chuyên môn nào của Liên hợp quốc, Văn phòng Cao uỷ Liên hợp quốc về nhân quyền và bất cứ tổ chức có thẩm quyền nào khác.

Các CQNQQG và các quốc gia thành viên

25. Các Quốc gia thành viên Công ước về Quyền trẻ em và có nghĩa vụ thi hành Công ước một cách đầy đủ. Vai trò của các CQNQQG là giám sát độc lập việc tuân thủ và tiến bộ của quốc gia trong việc thực thi Công ước và làm tất cả những gì có thể để đảm bảo việc tôn trọng đầy đủ đối với quyền trẻ em. Mặc dù điều này có thể đòi hỏi CQNQQG phải phát triển các dự án nhấn mạnh đến việc thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em nhưng không dẫn tới việc Chính phủ uỷ thác những nghĩa vụ giám sát của mình cho CQNQQG. Các CQNQQG cần duy trì cơ chế hoàn toàn độc lập trong việc xây dựng chương trình nghị sự và quyết định những hoạt động riêng của mình.

Các CQNQQG và các tổ chức phi chính phủ

26. Các tổ chức phi chính phủ đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nhân quyền và quyền trẻ em. Với vị thế pháp lý và những quyền hạn cụ thể của mình, các CQNQQG chỉ đóng vai trò mang tính bổ

sung. Các CQNQQG cần hợp tác chặt chẽ với các tổ chức phi chính phủ và các chính phủ cũng cần tôn trọng sự độc lập của các CQNQQG cũng như các tổ chức phi chính phủ.

Hợp tác khu vực và quốc tế

27. Các tiến trình và cơ chế khu vực và quốc tế có thể giúp thúc đẩy và củng cố các CQNQQG thông qua việc chia sẻ những kỹ năng và kinh nghiệm, bởi các CQNQQG thường gặp phải những vấn đề giống nhau trong việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền.
28. Về khía cạnh này, các CQNQQG nên bàn bạc và hợp tác với những cơ quan, tổ chức quốc gia, khu vực và quốc tế có liên quan về các vấn đề quyền trẻ em.
29. Các vấn đề quyền trẻ em không bị giới hạn bởi biên giới quốc gia và một điều ngày càng trở nên cần thiết là phải đặt ra những phản ứng thích hợp ở tầm khu vực và quốc tế đối với các vấn đề quyền trẻ em (bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn bởi, việc buôn bán phụ nữ và trẻ em, khiêu dâm trẻ em, trẻ em đi lính, lao động trẻ em, lạm dụng trẻ em, trẻ em tị nạn và di cư,...). Các cơ chế và sự trao đổi tầm khu vực và quốc tế được khuyến khích, bởi chúng đem lại cho các CQNQQG cơ hội học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, cùng nâng cao vị thế của nhau và góp phần giải quyết các vấn đề nhân quyền có ảnh hưởng tới cả các quốc gia và khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- OHCHR, National Human Rights Institutions: History, Roles and Responsibilities, 2010.
- UNDP và OHCHR, UNDP-OHCHR Toolkit for collaboration with National Human Rights Institutions, 2009.
- OHCHR, Economic, Social and Cultural Rights: Handbook for National Human Rights Institutions, Professional Training Series No.12, 2005.
- International Council of Human Rights, Performance and Legitimacy: National Human Rights Institutions (Second edition), 2004.
- International Council of Human Rights và OHCHR, Accessing the Effectiveness of National Human Rights Institutions, 2005.
- Frauke Lisa Seidensticker, Anna Wuerth, Cơ quan nhân quyền quốc gia - Mô hình, chương trình, thách thức và giải pháp, UNDP Việt Nam.
- Brian Burdekin, Cơ quan Nhân quyền quốc gia khu vực châu Á – Thái Bình Dương, Nguyễn Hồng Hải dịch, NXB Chính trị quốc gia, 2013.
- Khoa Luật – ĐHQGHN, Bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong khu vực ASEAN, NXB Lao động Xã hội, 2012.
- Tham khảo Debbie Kohner, Tổng thư ký ENNHRI, “Protecting

and Promoting Human rights: Establishing a National Independent Institution”, bài trình bày tại Hội thảo ngày 22/7/2015 tại Rome, Ý.

Tham khảo như trên.

Valentin Aichele, National Human Rights Institutions: An Introduction, German Institute for Human Rights, 2010, tr.16.

Theo thống kê năm 2009 của OHCHR: 58% được thống kê thuộc nhóm này.

Tiểu ban Phòng chống tra tấn của Liên Hợp quốc đã soạn ra “Hướng dẫn về cơ chế phòng ngừa quốc gia” (“Guidelines on national preventive mechanisms”), 2010.

Xem danh sách NMP các quốc gia tại trang tin điện tử của OHCHR: <http://www.ohchr.org/EN/HRBodies/OPCAT/Pages/NationalPreventiveMechanisms.aspx>

AE Pohjolainen , http://www.nhri.net/pdf/Evolution_of_NHRIs.pdf The Evolution of National Human Rights Institutions, 2006

http://www.nhri.net/pdf/Evolution_of_NHRIs.pdf

http://www.nhri.net/pdf/Evolution_of_NHRIs.pdf, tr.126.

Katrien Meuwissen, Paris Principles and National Human Rights Institutions: Lost in translation?, Working Paper No.163 – 9/2015, Leuven Centre for Global Governance Studies, tr.17.

UNDP và OHCHR, UNDP-OHCHR Toolkit for collaboration with National Human Rights Institutions, 2009.

ICC Sub-Committee on Accreditation (SCA):

<http://nhri.ohchr.org/EN/AboutUs/ICCAccreditation/Pages/default.aspx>

International Council of Human Rights, Performance and Legitimacy: National Human Rights Institutions (Second edition), 2004, tr.57-104.

International Council of Human Rights và OHCHR, Accessing the Effectiveness of National Human Rights Institutions, 2005.

OHCHR, Economic, Social and Cultural Rights: Handbook for National Human Rights Institutions, Professional Training Series No.12, 2005, tr.40.

“Abuja guidelines for co-operation between Parliaments and NHRIs. Representatives of Commonwealth National Human Rights Institutions (NHRIs)”, được thông qua tại Hội nghị của CQNQQG Khối thịnh vượng chung tháng 3/2004, tại Abuja, Nigeria.

Brian Burdekin, Cơ quan Nhân quyền quốc gia khu vực châu Á – Thái Bình Dương, Nguyễn Hồng Hải dịch, NXB Chính trị quốc gia, 2013, tr.130.

Brian Burdekin, như trên, tr.139.

Brian Burdekin, như trên, tr.144.

Chẳng hạn như Amnesty International, vào năm 2001, đã đưa ra một hệ thống khuyến nghị về CQNQQG, AI Index: IOR 40/007/2001: <http://www.nhri.net/pdf/IOR4000701.pdf>

Xem trong Phụ lục 2 của sách này, và bản tiếng Anh tại trang: <http://nhri.ohchr.org/EN/AboutUs/Governance/Statute/GANHRI%20Statute%202016%20as%20amended.pdf>

Trang tin điện tử của Mạng lưới: <http://www.nanhri.org/>.

Mạng lưới này mới được thành lập năm 2000, cho đến gần đây, các khía cạnh cơ sở hạ tầng, ban thư ký vẫn chưa được tổ chức tốt.

Trang tin điện tử của Mạng lưới: www.asiapacificforum.net/.

Trang tin điện tử của Mạng lưới: ennhri.org/.

Tham khảo: Internation Council of Human Rights, Performance and Legitimacy: National

Human Rights Institutions (Second edition), 2004, tr.58-59.

Internation Council of Human Rights, Performance and Legitimacy: National Human Rights Institutions (Second edition), 2004, tr. 64.

Có tác giả cho rằng trong hoàn cảnh không có quyết tâm chính trị, hoặc không có khả năng thành công thực tế, thì các tổ chức quốc tế cần chuyển hướng sang tăng cường năng lực cho các tổ chức phi chính phủ và xã hội dân sự nói chung, qua đó sẽ tạo ra các liên minh, lực lượng tiến bộ sẵn sàng hành động khi có sự thay đổi ý chí chính trị (UNDP-OHCHR Toolkit, trang 136). UNDP-OHCHR Toolkit, trang 138.

Xem thêm Hiến pháp Philippin (trích) trong Phụ lục sách này.

Xem thêm trang tin điện tử của Ủy ban Nhân quyền Thái Lan: <http://www.nhrc.or.th/Home.aspx>

Tin và ảnh: The Isaan Record, <http://isaanrecord.com/en/>

Xem thêm trang tin điện tử của Diễn đàn CQNQQG Đông Nam Á: <http://seanf.asia/>” <http://seanf.asia/>

Xem thêm về tiến trình thảo luận đi đến hình thành Ủy ban Nhân quyền Hàn Quốc:

<http://www.rwi.lu.se/NHRIDB/Asia/Korea/Dignity%20and%20Justice%20for%20All.pdf>”

<http://www.rwi.lu.se/NHRIDB/Asia/Korea/Dignity%20and%20Justice%20for%20All.pdf>

Dignity and Justice for all of us- National Human Rights

- Commission of Korea Guide Book,
National Human Rights Commission of Korea, 2010, tr.12-13.
Xem thêm trang tin điện tử của Australian Human Rights
Commission:
<http://www.humanrights.gov.au/our-work/legal/legislation>
<http://www.humanrights.gov.au/our-work/legal/legislation>
Xem thêm trang tin điện tử của Equality and Human Rights
Commission: <https://www.equalityhumanrights.com/en>
Xem thêm trang tin điện tử của German Institute for Human
Rights: <http://www.institut-fuer-menschenrechte.de/en/homepage/>
Xem thêm trang tin điện tử của Ombudsman Thụy Điển: <https://www.jo.se/en/About-JO/The-Ombudsmen/>
“The Book of the Ombudsman”, Ombudsman Tây Ban Nha biên
soạn, tr.189 – 190.
Xem thêm trang tin điện tử: http://eng.ombudsmanrf.org/ombudsman/content/aims_and_objectives
Mai Văn Thắng, Ombudsmannhân quyền Liên bang Nga và khả
năng hình thành thiết chế chuyên trách tại Việt Nam nhằm
thúc đẩy và đảm bảo thực thi các công ước nhân quyền
quốc tế, Bài tham gia Hội thảo do Khoa Luật, ĐHQGHN
tổ chức tháng 11/2014.
Xem thêm Luật về Ombudsman Tây Ban Nha, 1981, trong Phụ
lục của sách này.
Xem thêm trang tin điện tử Ombudsman Đan Mạch: <https://en.ombudsmanden.dk/loven/>
Xem thêm Hiến pháp Ba Lan trong Phụ lục cuốn sách này.
Xem thêm trang tin điện tử Ủy ban Nhân quyền Canada: <http://>

www.chrc-ccdp.gc.ca/eng/content/about-us

Xem thêm trang tin điện tử của Ủy ban Dân quyền Hoa Kỳ:

<http://www.usccr.gov/about/org.php>

<http://www.heritage.org/about/staff/g/steven-groves>” Steven

Groves, U.S. National Human Rights Institution: A Bad Idea, Heritage Foundation, November 15, 2013

Thomas Pegram, Accountability in Hostile Times: the Case of the Peruvian Human Rights Ombudsman 1996–2001, Journal of Latin American Studies, Vol. 40, No. 1 (Feb., 2008), pp. 51-82

UNDP và Network of African National Human Rights Institutions (NANHRI), Study on the State of National Human Rights Institutions (NHRIs) in Africa, 2016.

Xem thêm Hiến pháp Nam Phi (trích) trong Phụ lục sách này.

Gần đây, theo Quyết định số http://baodientu.chinhphu.vn/Uploaded/nguyenthiphuongmai/2016_08_17/1527.PDF \t 1527/QĐ-TTg ngày 1/8/2016 của Thủ tướng phân công công tác của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh tiếp tục làm Trưởng Ban Chỉ đạo về Nhân quyền.

Theo Quyết định số 114/2008/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội là Chủ tịch Ủy ban, Chánh Văn phòng giúp việc Ủy ban là Vụ trưởng Vụ Bình đẳng giới thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội là Chủ tịch Ủy ban.

Cụ thể, Việt Nam là thành viên của: Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về chủng tộc, 1965 (gia nhập ngày 9/6/1981), Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và

văn hoá, 1966 và Công ước về các quyền dân sự và chính trị, 1966 (gia nhập cùng ngày 24/9/1982), Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ, 1979 (phê chuẩn ngày 18/12/1982), Công ước về quyền trẻ em, 1989 (phê chuẩn ngày 20/2/1990), Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục khác, 1984 và Công ước về quyền của người khuyết tật, 2006 (phê chuẩn cùng ngày 28/11/2014).

Toàn bộ cam kết số 3 là: “Continue to improve the legal and judicial systems, build a rule-of-law State and strengthen national institutions protecting human rights, including the possible establishment of a national human rights institution”.

Xem thêm tại: http://www.un.org/en/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/68/312

http://www.un.org/en/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/68/312, và bản tiếng Việt trong Phụ lục 9 của sách này.

Xem chi tiết trong Phụ lục số 8 của sách này.

* Phiên họp thứ 31 (2002)

- (1) Những hướng dẫn chung về hình thức và nội dung của các báo cáo định kỳ được các quốc gia thành viên đệ trình theo Điều 44, khoản 1 (b) của Công ước (CRC/C/58), đoạn 18.
- (2) Các nguyên tắc về địa vị của các cơ quan quốc gia về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (Các Nguyên tắc Paris), Nghị quyết Đại hội đồng Liên Hợp quốc số 48/134 ngày 20/12/1993, phụ lục.
- (3) Nghị quyết của Ủy ban Nhân quyền 1992/54 ngày 3/3/1992, phụ lục.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

Nhà xuất bản Hồng Đức

- Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com
 - Điện thoại: 04.3 9260024 – Fax: 04.3 9260031
-

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc

Chịu trách nhiệm nội dung: TS. Khuất Duy Kim Hải

Biên tập: Nguyễn Thị Phương Mai

Trình bày: Nhà xuất bản Hồng Đức

Đối tác liên kết

VIỆN NGHIÊN CỨU XÃ HỘI KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Phòng 203, toà nhà Lakeview, D10, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội

In: 500 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm

Tại: Công ty CP In Sách Việt Nam - INSAVINA

Địa chỉ: 22B Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số XNĐKXB: 188 - 2017/CXBIPH/11 - 03/HĐ

Số QĐXB của NXB: 106 QĐ-NXBHĐ

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-951-522-4

In xong và nộp lưu chiểu năm 2017

